VN59.12117

TRƯỜNG-CHINH và VÕ-NGUYÊN-GIÁP

VẤN ĐỀ
DÂN CÀY

(XUẤT BẢN LẦN THỨ HAI)

THƯ VIỆN TRUNG ƯƠNG HÀ-NỘI

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI

Thư-viện Trung-ương
VN
12117

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

TRƯỜNG-CHINH và VÕ-NGUYÊN-GIÁP

VN. 12117+12118

VẤN ĐỀ DÂN CÀY

(XUẤT BẢN LẦN THỨ HAI)

Ruộng đất : chính sách
Nông dân VN
ĐLĐVN : đường lối

TRUNG-TÂM
TRUNG-ƯƠNG HÀ-NỘI
200388

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

QUA - NINH và VÂN - ĐỒN

vấn-đề

dân cày

QUYỂN I

TVĐ

TẬP SÁCH DÂN CHÚNG
ĐỨC CƯỜNG XUẤT BẢN

Ảnh bìa *Vấn đề dân cày*, quyển I,
xuất bản năm 1937

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

CÙNG BẠN ĐỌC,

Trong thời kỳ Mặt trận bình dân thắng ở Pháp, ở Đông-dương Mặt trận dân chủ do Đảng cộng sản Đông-dương tổ chức và lãnh đạo cũng được thành lập từ năm 1937 đến năm 1939. Đảng đã tranh thủ thời cơ, ra sức hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp để đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng nhân dân Việt-nam.

Trong thời gian này nhiều sách, báo của Đảng được xuất bản công khai và phát hành rộng khắp trong nước. Trong số các sách nghiên cứu, cuốn Vấn đề dân cày *do Đức-Cường xuất bản thành hai quyển trong những năm 1937-1938, là một tác phẩm nổi tiếng. Tác giả* Vấn đề dân cày *là đồng chi Trường-Chinh (lúc đó ký tên là Qua-Ninh) và đồng chi Võ-nguyên-Giáp (lúc đó ký tên là Văn-Đình). Qua việc nghiên cứu điều kiện sinh sống của nông dân Việt-nam dưới chế độ thực dân và nửa phong kiến, tác giả đã bóc trần những cái thối nát của xã hội cũ và làm cho bạn đọc chú ý đến vai trò quan trọng của nông dân trong cách mạng Việt-nam.* Vấn đề dân cày *thật là một bản cáo trạng hùng hồn lên án chế độ cũ một cách dũng cảm và sắc bén. Chính vì thế mà sau khi quyển hai được in ra, chính phủ thuộc địa liền ra lệnh tịch thu và cấm lưu hành. Nhưng nhân dân vẫn cất giấu* Vấn đề dân cày *và bí mật chuyền tay nhau để đọc. Nhờ thế mà ngày nay chúng tôi có thể tái bản cả quyển một và quyển hai của tác phẩm đó thành một tập để bạn đọc nghiên cứu. Trước khi tái bản, do chúng tôi yêu cầu, tác giả đã xem lại và chỉnh lý những điểm cần thiết. Nhưng về mấy trang đã mất trong quyển hai, chưa tìm thấy, thì tác giả không bổ sung.*

Được quét bằng CamScanner

Trong Lời nói đầu *ở quyển một, tác giả cho biết đến quyển hai sẽ nhận xét về chính sách dân cày của Bờ-rê-vi-ê (Brévié), toàn quyền Đông-dương trong thời kỳ đó. Nhưng vì quyển hai đã dài, cho nên tác giả định để phần phê bình chính sách đó sang quyển ba. Về sau, những tài liệu để viết quyển ba đang được sưu tầm thì tháng 9-1939 đại chiến thế giới lần thứ hai bùng nổ. Bọn thực dân Pháp lại thẳng tay đàn áp, khủng bố nhân dân Việt-nam và ra sức phá hoại phong trào cách mạng Việt-nam. Đảng cộng sản Đông-dương và những tổ chức cách mạng của quần chúng phải rút vào bí mật. Trong điều kiện hoạt động bí mật, mấy tháng đầu năm 1940, đồng chí Trường-Chinh đã viết quyển ba của* Vấn đề dân cày *tại nhà một bần nông ở Thái-bình. Tình hình lúc đó đã thay đổi, cho nên trong quyển ba không có phần phê bình chính sách của Bờ-rê-vi-ê, mà chỉ bàn về các vấn đề giảm tô, giảm tức, tiến tới cải cách ruộng đất và tập thể hóa nông nghiệp*[1]*, vừa trình bày chính sách ruộng đất trước mắt của Đảng cộng sản Đông-dương lúc đó, vừa phác ra triển vọng lâu dài của nông thôn Việt-nam. Tiếc thay quyển ba vẫn còn là bản thảo, chưa được in ra thì đã bị thất lạc, hiện nay vẫn chưa tìm thấy.*

Vấn đề dân cày *xuất bản lần đầu tiên cách đây đã hơn 20 năm, nhưng đến nay nó vẫn giữ được toàn vẹn giá trị của nó. Đọc* Vấn đề dân cày, *chúng ta càng thêm căm thù bọn thực dân và phong kiến, càng nhận rõ vai trò của nông dân Việt-nam trong cách mạng dân tộc-dân chủ nhân dân và càng thêm tin tưởng ở đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Đông-dương trước kia và Đảng lao động Việt-nam ngày nay đối với nông dân. Sau bản* Luận cương chính trị *(1930), thì* Vấn đề dân cày *là một tác phẩm sáu sắc cho ta thấy rõ sự quan tâm của Đảng đối với nông dân và đối với vấn đề liên minh công nông. Đọc* Vấn đề dân cày, *dùng phương pháp hồi tưởng và so sánh, chúng ta càng thấy rõ giá trị của những chính sách dân chủ mà Đảng và Nhà nước chúng ta đã và đang thi hành đối với nông dân, như giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất, thu thuế nông nghiệp, v.v... Đồng*

---

(1) Hoặc gọi một cách khác là hợp tác hóa nông nghiệp.

Được quét bằng CamScanner

thời, chúng ta càng thêm hăng hái vận động nông dân miền Bắc nước ta đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp (ở miền núi thì tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ), tiến lên chủ nghĩa xã hội. Và chúng ta càng thêm căm thù Mỹ — Diệm đang áp bức, bóc lột nông dân miền Nam một cách vô cùng tàn nhẫn, do đó chúng ta càng nhận rõ trách nhiệm đoàn kết đấu tranh chống Mỹ — Diệm, nhằm thực hiện thống nhất nước nhà, giải phóng cho hàng triệu nông dân miền Nam khỏi họa nước sôi lửa bỏng.

Với lòng tin tưởng rằng **Vấn đề dân cày** *sẽ giúp ích bạn đọc, chúng tôi vui mừng tái bản nó và giới thiệu nó với các bạn.*

Hà-nội, 9-12-1959
T.M. Ban Biên tập
Nhà xuất bản Sự thật

MINH-TRANH

Được quét bằng CamScanner

LỜI NÓI ĐẦU

Vấn đề dân cày *ra đời giữa lúc quần chúng dân cày vừa tham gia đấu tranh đòi quyền sống, giữa lúc một số dân cày đang bị tù tội vì đã dự vào mấy cuộc biểu tình «thuế» vừa qua.*

Nó muốn cãi hộ cho những người ấy chăng? Phải. Không những thế.

Không những chỉ cãi riêng cho số dân cày hiện ở trong vòng xiềng xích mà còn muốn bênh vực cho tất cả dân cày Đông-dương cũng đang đau khổ dưới cái ách khổng lồ của chế độ.

Dân cày rất ưa bình tĩnh. Tính chất của họ cũng ôn hòa, bình tĩnh như việc làm của họ ở trên cánh đồng. Nhưng ôn hòa đến đâu họ cũng chịu khổ được có chừng hạn! Khổ quá, họ phải vùng dậy, mà khi đó tình thế buộc họ phải liều lĩnh, hy sinh.

Mấy năm 1930-1931 đã để lại trong trí ta những trang lịch sử dân cày đẫm máu.

Ở Đông-dương, tuy chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu phát triển, song vẫn còn nhiều tàn tích phong kiến. Sống dưới chế độ bóc lột của thực dân và phong kiến, dân cày Đông-dương quá điêu linh, xờ xạc. Đã bao năm bị bóc lột, lường gạt, đàn áp, hắt hủi, họ đang khao khát một chính sách mới cải thiện đời sống cho mình.

Được quét bằng CamScanner

Phải chăng ông toàn quyền Bờ-rê-vi-ê (Brévié), người đại diện Chính phủ Mặt trận bình dân ở Đông-dương, đã thấy chỗ đó, cho nên ông đã nói đến dân cày và muốn thi hành một chính sách dân cày ở thuộc địa.

Trong quyển hai (tiếp theo quyển này), chúng tôi sẽ đặt chính sách ấy dưới ánh sáng của thực tế, xem nó có thích hợp với nguyện vọng dân cày Đông-dương không?

Nước Pháp bình dân đã lập một Ủy ban điều tra thuộc địa. Trách nhiệm của Ủy ban này là phải nghiên cứu nguyện vọng của các hạng quần chúng nhân dân ở thuộc địa; nó cần phải tránh những thủ đoạn che lấp sự thật của bọn phản động. Cuốn sách này mong giúp cho công việc ấy một vài phần.

Sinh hoạt ở thành thị và thôn quê rất mật thiết liên hệ với nhau. Công nghiệp, thương nghiệp ở thành thị sống được, một phần lớn là nhờ ở dân cày; vì ở xứ nông nghiệp như Đông-dương dân cày chiếm số đông trong những người tiêu thụ.

Tuy nhiên, có nhiều người ở thành thị ngó dân cày bằng con mắt lạnh lùng, khinh bỉ. Thật là đáng tiếc! Cũng có người muốn hiểu dân cày, nhưng không sao nhìn rõ được đời sống của dân cày trên cánh đồng lúa, qua lũy tre xanh.

Thật ra sinh hoạt trong nông thôn rất phiền phức và mờ mịt. Những thủ đoạn áp bức, bóc lột dân cày cũng tỉ mỉ và kỳ cục, lắm cái không thể tưởng tượng được. Nhiều người nhìn dân cày qua những thành kiến sai nhầm; chủ trương của họ đối với dân cày do đó cũng nhầm theo. Với những người ấy chúng tôi xin hiến một tài liệu nghiên cứu.

Trong sách này, trước hết chúng tôi đặt vấn đề dân cày trong tình hình hiện tại. Sau chúng tôi xét tính chất giai cấp của dân cày và tình cảnh hiện nay của họ

Được quét bằng CamScanner

ra sao. Xét đến tình cảnh dân cày, chúng tôi không quên những vấn đề ruộng đất, địa tô, sưu thuế, cho vay nợ lãi, hối lộ, giáo dục, v.v...

Xét xong tình cảnh dân cày, chúng tôi mới bàn đến chính sách dân cày của ông Bờ-rê-vi-ê và đề nghị những điều cần phải cải cách. Nhân đó chúng tôi đặt một bản yêu sách của dân cày Đông-dương trước Mặt trận bình dân Pháp.

Hơn nữa, chúng tôi còn bàn đến cách giải quyết vấn đề dân cày một cách triệt để hơn.

Vấn đề dân cày rất bao la, phức tạp. Chúng tôi không tự cho tài liệu này là đầy đủ. Nhất là về tình cảnh dân cày ở Nam-kỳ, Cao-miên và Ai-lao thì sự hiểu biết của chúng tôi không được là bao.

Bàn đến vấn đề dân cày, chúng tôi chú ý chứng minh ý kiến chúng tôi bằng những sự việc xảy ra trong thôn quê ai nấy đều có thể kiểm soát.

Chúng tôi không có kỳ vọng viết một đề cương chính trị. Mục đích của chúng tôi không ngoài sự muốn giúp vào công cuộc cải thiện đời sống dân cày. *Cho nên chúng tôi hết sức ghi chép những điều mắt thấy, tai nghe về dân cày một cách khách quan và rõ rệt. Chúng tôi lại không muốn chỉ trích suông, nên trong những quyển sau chúng tôi sẽ bày tỏ những phương pháp có thể và cần phải làm để cho dân cày đỡ khổ.*

Hà-nội, 25-7-1937

Tác giả

Được quét bằng CamScanner

VẤN ĐỀ DÂN CÀY

THƯ VIỆN TRUNG ƯƠNG HÀ NỘI

Quyển một

CHƯƠNG I

TẠI SAO PHẢI BÀN ĐẾN VẤN ĐỀ DÂN CÀY?

VẤN ĐỀ DÂN CÀY ĐÁNG CHO TA CHÚ Ý

Ở nước ta, bọn quan lại, quý tộc thường khinh miệt dân cày, cho là một hạng «thấp cổ, bé miệng». Bọn địa chủ thì cho dân cày là một hạng «ăn no, vác nặng» chỉ tốt cho họ bóc lột. Đối với bọn tư bản thì dân cày là một hạng nhà quê, ngờ nghệch, ngu xuẩn, không đáng cho người ta đếm xỉa đến.

Chúng nhảy đầm, ăn tiệc nhờ mồ hôi, nước mắt của dân cày, tranh thịt, tranh xôi trên lưng dân cày, mà vô tình hoặc cố ý quên rằng ở xứ Đông-dương này dân cày là một hạng cần lao khổ cực, làm ra hột thóc nuôi sống cho hàng hơn hai mươi triệu người.

Chúng quên rằng một xứ nông nghiệp như Đông-dương, dân cày chiếm 90 phần 100 trong dân số, 90 phần 100 ấy suốt ngày, đầu tắt mặt tối ở ngoài đồng để

Được quét bằng CamScanner

cho một số ít người no nê, phè phỡn một cách hỗn xược trước cảnh lầm than đói rách của quần chúng.

Cái hạng người đen đủi, chất phác kia chịu khổ là vì không hiểu bởi đâu mình khổ. Họ đành cầu Trời, khấn Phật, mong cho con cháu sau này đỡ phải điêu linh. Gặp nắng hạn thì họ tế lễ cầu mưa; gặp năm đói kém, ăn nhảm ăn nhí cho đầy dạ dày, không may dịch tả thì họ cúng Quan ôn; bị bóc lột trăm đường, làm ăn sa sút thì họ đi cất mồ để mả, cầu khấn ông vải; hơn nữa, họ đi kiện quan, mặc sức cho bọn quan lại, thầy dùi đục khoét.

Nhưng mỗi khi không thể nào chịu nổi, họ liền tỉnh giấc, nhìn vào thực tế thì bao nhiêu sự mơ màng dẹp lại mà nhường chỗ cho sự phẫn uất. Lúc đó họ nhảy lên trường chiến đấu, quyết sống mái với những kẻ bóc lột mình, cho hả giận. Họ say máu đấu tranh, hình như nghĩ cứu mình không được thà chết!

Ấy chính cái tinh thần đấu tranh, phẫn uất, hy sinh đó đã giúp cho cuộc tiến hóa của dân tộc.

Lê-Lợi đã dùng nó mà giải phóng cho giống nòi; Quang-Trung đã dùng nó để bình quân Sĩ-Nghị; Hoàng-hoa-Thám đã dùng nó để khởi nghĩa ở Yên-thế; nó đã làm nền tảng cho phong trào Nghệ-Tĩnh đỏ năm 1930-1931. Nó đã dự một phần quan trọng trong cuộc cách mạng đánh đổ phong kiến năm 1789 ở Pháp; nó đi đôi với tinh thần vô sản mà cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Nga (1917) thành công.

Vấn đề dân cày đáng cho ta chú ý.

PHẢI GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN CÀY

Đứng về mặt khác mà xét, quyền lợi dân cày có lắm chỗ đưa đến xung đột đòi phải giải quyết. Ở trong làng

Được quét bằng CamScanner

lắm khi vì xôi thịt mà đánh nhau vỡ đầu; vì phú thu lạm bổ mà lý trưởng bị thiệt mạng; một cái ô-tô nhà Đoan xịch tới chợ nhà quê là có mấy người bị trói đưa đi và một lũ người chạy tán loạn như đàn sẻ bị bắn. Một buổi quân cấp công điền gây ra án mạng là thường. Nào đã xong đâu, chịu công non, vay nợ lãi; quan nha sách nhiễu, trộm cắp như rươi; lụt lội, hạn hán, chết dịch, chết đói, chết rét..., bao nhiêu những hiện tượng tự nhiên và không tự nhiên nó dằn vặt dân cày!

Ngần ấy cái làm cho dân cày thở không kịp, mà người ta còn tưởng dân cày sinh hoạt yên ổn, sung túc lắm. Mấy nhà văn quý phái, tư sản phóng ô-tô chạy vụt qua nhà quê, thấy cánh đồng bát ngát, xanh rì, buổi chiều mấy nóc nhà tranh khói lên nghi ngút, họ liền thêu dệt lên những bức tranh đầy «thi vị», nào có biết đâu...

Có biết đâu đến chỗ hai ngày mới có một bữa, tối đến làm việc dưới bóng trăng hay làm mò; trẻ con bụng ỏng, đít vòn, xanh xao như tàu lá úa; nhà cửa xiêu vẹo, phân trâu, bùn rác đầy rẫy bên đường.

Mỗi khi quan về hiểu dụ hoặc xem xét trong làng thì bọn kỳ hào vội vàng «dàn cảnh»: áo thụng xanh của hội đồng làng, áo lụa điều của mấy bô lão trọc phú ở tận đáy hòm bay ra phơi phới; cổng chào kết lá, đỉnh đồng, hương án bày la liệt để đón quan. Xét bề ngoài ai chẳng cho là trù phú!

Những cái lịch sự hão đó ném lên trên nỗi khổ của dân cày một tấm màn rực rỡ, gây ra biết bao nhiêu thành kiến, bao nhiêu sự ngộ nhận.

Với những thành kiến bên trong và hình thức bề ngoài, người ta không hiểu rõ được dân cày, không nhận được nỗi đau đớn của dân cày. Thấy dân cày biểu

Được quét bằng CamScanner

tình, yêu cầu giảm thuế, chống cướp đất, đòi chia lại ruộng công, v.v... thì người ta la rầm lên : phải thẳng cánh trị dân cày, vì dân cày nổi loạn, dân cày làm cộng sản, dân cày bị những tay « phiến động chuyên môn » xúi giục!

Nguyên nhân thống khổ của dân cày, họ cố tình làm lơ, không xét tới. Những kẻ bóp nặn, cứa cổ, xả thịt dân cày không bị trừng phạt; trái lại, chính dân cày là người chịu khổ lại bị đàn áp tàn nhẫn. Sự bất công ấy thúc giục ta phải bàn đến vấn đề dân cày.

CHINH SÁCH HIỆN THỜI ĐỐI VỚI DÂN CÀY KHÔNG THICH HỢP NỮA

Từ trước đến nay, người ta cũng có bàn bạc đến vấn đề dân cày, nhưng nói cho đúng bàn để chơi hơn là để giải quyết.

Những cuộc bàn suông ấy lại làm cho dân cày tưởng người ta chú ý đến đời sống của mình lắm ; rốt cuộc hết mùa này sang mùa khác, hết năm này sang năm khác, cứ nhìn cái bánh vẽ mà nuốt nước bọt, đời sống kia chẳng cải thiện được thêm chút nào.

Đối với dân bị lụt Bắc-ninh người ta cũng có quyên tiền trợ cấp cho đôi chút — đôi chút thôi — vì với tiền trợ cấp đó một người dân bị lụt không đủ no bụng một ngày. Họ phát quần áo cho một số người già, con trẻ, nhưng quần áo đó phần nhiều phải bán đi để lấy tiền mua hồ đồ miệng (ở Thái-bình 1936).

Những phương thuốc « giảm bệnh » ấy thật là vô hiệu. Gặp nắng hạn đáng lẽ giảm thuế cho dân thì người ta ra lệnh cho dân mở các cửa đình lập đàn đảo vũ (Bắc-kỳ 1936).

Được quét bằng CamScanner

Đó là chính sách đổ gánh nặng cho Trời, Phật.

Họ tính công sưu, tạp dịch vào thuế mà coi là bỏ lệ làm xâu, làm cỏ vê. Họ vin cớ công việc đồng áng phải tùy theo thời vụ mà không chịu thi hành luật lao động trong nông nghiệp. Làng nào xin mở trường, họ bảo dân có tiền trả tổng sư thì cho phép mở lấy, chứ công quỹ không đủ để mở thêm. Dân thấy sở Địa chính đạc điền, chắc phen này tránh được cái nạn thuế nhiều ruộng ít, ngờ đâu «khống thụ» vẫn hoàn «khống thụ»(1). Lấy tiếng chia ruộng cho dân cày, cho bao đẻ ở miền duyên hải, kết quả chỉ lợi cho mấy anh địa chủ có tiền thuê người đắp đê. Đặt Nông phố ngân hàng bảo là để phá nạn cho vay nợ lãi ở thôn quê, kỳ thật lại buộc vào cổ dân cày một cách cho vay nợ lối mới, lạm quyền và quỷ quyệt.

Để cải lương hương chính người ta đặt ra hội đồng làng, lại thêm một bọn kỳ dịch hà hiếp dân. Gặp những năm hạn hán mất mùa, dân cày lăn ra chết đói, có người bàn rằng dân đẻ nhiều, đất đai lại ít, nên dùng phương pháp hạn chế sinh dục đi để tránh nạn nhân mãn và khiến cho dân cày có đủ đất cày cấy, v.v...

Dân cày đã chán những phương pháp cứu chữa «đề-ma-gô»(2) giả dối, thâm độc ấy.

Dân cày muốn cho số phận mình đỡ khổ hơn, vì họ khổ quá rồi. Giờ đã đến. Không thể ngập ngừng được nữa, không thể lừa dối họ mãi được nữa.

Vấn đề dân cày cần phải được giải quyết một cách thành thật, ráo riết và mạnh bạo.

---

(1) *Khống thụ*: chịu thuế mà sự thật không có ruộng.
(2) «*Đề-ma-gô*» (démagogue) = phỉnh phờ quần chúng.

Được quét bằng CamScanner

VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT VÀ VẤN ĐỀ DÂN CÀY: TRỤ CỘT CỦA VẤN ĐỀ ĐÔNG-DƯƠNG

Đông-dương là một xứ nông nghiệp, điều đó không còn ai chối cãi. Muốn cho dân đỡ khổ phải làm cho nền kinh tế nông nghiệp được dồi dào.

Nhưng ở Đông-dương, một mặt công nghiệp nặng, cụ thể là công nghiệp luyện kim khí, đúc máy móc không có; một mặt ruộng đất bị bọn địa chủ chiếm gần hết. Theo thống kê của Chính phủ thuộc địa năm 1931 thì số người có ruộng đất ở Đông-dương chỉ có 2.179.500 người trong tổng số nhân dân là 20.170.000 người. Kỹ thuật kém cỏi, cách ăn làm cực kỳ lạc hậu; 200 gia đình[1] giữ độc quyền đúc máy bán cho Đông-dương, bán giá rất đắt, dân không thể mua cày máy, bừa máy mà thay đổi cách làm ăn cũ rích từ mấy mươi thế kỷ để lại. Đường giao thông không được mở mang, trong một xứ nhỏ như Đông-dương này mà có chỗ thừa thóc gạo bỏ mốc trong kho, có chỗ dân quê chết đói không đường cứu chữa.

Nhiều tỉnh ở đồng bằng Bắc-kỳ (Nam-định, Thái-bình), và miền Bắc Trung-kỳ (Thanh, Nghệ, Tĩnh), có chỗ nhân dân ở chen chúc đến 430 người trong một cây số vuông; lại có chỗ hơn 1.200 người. Trái lại, trong những cánh đồng lầy chưa khai khẩn ở Nam-kỳ, Cao-miên và trong các tỉnh ở Ai-lao, có cây số vuông không có tiếng gà gáy, chó sủa.

Những tình trạng trái ngược ấy, làm cho dân cày khổ cực. Họ bỏ quê ra tỉnh, vào nhà máy, hầm mỏ

---

(1) *200 gia đình*: 200 nhà tư bản tài chính giàu nhất nước Pháp bóc lột nhân dân Pháp và nhân dân thuộc địa.

Được quét bằng CamScanner

không được; hai ba người phải chung nhau kéo một cái xe; một người làm trong xưởng thì có mấy người ngấp nghến ngoài cửa. Dân cày bỏ cái cảnh thất nghiệp một phần ở nhà quê thì lên tỉnh may mắn mới khỏi thất nghiệp hoàn toàn. Rốt cuộc đi đâu cũng mặt xanh xao, bụng lép kẹp. Cực chẳng đã, đàn bà làm mồi cho mẹ mìn buôn gái sang Trung-quốc, làm nghề mãi dâm, sung vào đội gái nhảy. Đàn ông trộm cướp, ma-cà-bông, đi ở hoặc rủ nhau ký giấy giao kèo nô lệ đi Tân-thế-giới, sa vào các đồn điền đất đỏ Nam-kỳ. Bệnh nghèo nàn, thất nghiệp đã thành ra cố tật. Nghèo nàn, thất nghiệp, xờ xạc, điêu linh, đó là bộ mặt thật của dân cày Đông-dương.

Đứng trước cảnh lầm than, trụy lạc ấy, người ta phải nhận rằng: mấu chốt của vấn đề Đông-dương là làm sao cho *dân cày có đất cày cấy*.

DÂN CÀY ĐÔNG-DƯƠNG VÀ CHÍNH PHỦ MẶT TRẬN BÌNH DÂN

Chính phủ Mặt trận bình dân lên cầm quyền thấm thoát đã được một năm. Đối với dân cày Pháp, đã đặt Túc mễ cục (Office de blé), mở quỹ giúp nhà nông, cho vay dài hạn, cấp tiền cho dân cày làm ruộng; dân cày, công nhân nông nghiệp được quyền tự do lập nghiệp đoàn; đã sửa đổi chế độ lĩnh canh và quy định quyền lợi của tá điền. Ta có thể nói là dân cày Pháp đã được đôi chút quyền lợi.

Nói đến dân cày nước mình, thật là chưa được gì hết. Ngày 30 tháng 12 năm 1936 ông Ma-ri-uýt Mu-tê (Marius Moutet) đã ban bố sắc lệnh sửa đổi chế độ lao động ở Đông-dương, luật xã hội đã bắt đầu được thi

Được quét bằng CamScanner

hành một phần. Tuy tụi chủ làm xiên đi, song thợ thuyền cũng đã được hưởng một vài điều cải cách. Nhưng còn đối với dân cày?...

Bà Ăng-đờ-rê Vi-ô-lít (Andrée Viollis)[1] có lần qua Đông-dương, thấy tình cảnh nông dân ta khốn đốn, đã bật ra câu: «Phải thi hành một chính sách mới về ruộng đất cho dân cày».

Thanh tra đại sứ Gô-đa (Godart) sang điều tra ở Đông-dương cũng phải nhận rằng dân cày Đông-dương cực khổ (theo ông thì chính phủ bình dân nên chú ý đến họ hơn thợ thuyền nữa). Ông Toàn quyền Bờ-rê-vi-ê thoạt bước chân sang đây đã nói: «Phải cho dân có cơm ăn trước.»

Gần đây trong bài diễn văn đọc ở Đô-lương, ông Bờ-rê-vi-ê đã dành một phần lớn cho vấn đề dân cày. Giữa phong trào yêu sách, đó là một thắng lợi của quần chúng đấu tranh. Thắng lợi, vì lần này là lần đầu tiên một vị thủ hiến chịu nhìn nhận đôi chút sự thật trong đời sống của quần chúng.

Chính sách dân cày của ông Bờ-rê-vi-ê có thật hợp với quyền lợi dân cày Đông-dương không? Điều đó sau này chúng ta sẽ xét đến.

Nhìn qua chính sách của ông Bờ-rê-vi-ê, ta nhận thấy những vấn đề như sau:

— dẫn thủy nhập điền,

— di dân,

— hợp tác xã nông nghiệp,

— cho vay lãi nhẹ, v.v...

---

(1) Một nhà báo tiến bộ Pháp, một người bạn của nhân dân Đông-dương, đã tố cáo chính sách dã man của thực dân Pháp một cách rất dũng cảm.

Được quét bằng CamScanner

Còn những nguyên nhân chính làm cho dân cày Đông-dương sa sút, nghèo nàn, như chủ điền bóc lột địa tô, chiếm đoạt ruộng đất của dân và sưu cao thuế nặng thì ông Bờ-rê-vi-ê không đả động tới.

Cái đó tỏ ra rằng nhà thực dân lão luyện chưa chịu nắm cái then chốt của vấn đề dân cày trong công cuộc cải cách thuộc địa.

Nguyện vọng của dân cày thật là thiết tha, cần kíp. Biết như thế cũng chưa đủ; muốn thật sự giải quyết vấn đề dân cày, cần phải để dân cày la lớn nguyện vọng của họ lên. Phải hỏi ý kiến dân cày. Cho mở Đông-dương Đại hội là một cách.

Hiện nay dân cày đang tham gia vào phong trào yêu sách rộng lớn chưa từng có ở Đông-dương. Khi đấu tranh họ nêu khẩu hiệu « Ủng hộ Mặt trận bình dân ! » là muốn tỏ ra sẵn lòng ủng hộ một chính sách cải thiện đời sống cho họ, nhưng điều đó cũng đủ chứng tỏ rằng một phần dân cày đã hiểu rõ quyền lợi của mình và không cam chịu cúi đầu dưới chế độ bóc lột quá khắc nghiệt nữa. Trong khi tin cậy Mặt trận bình dân Pháp, dân cày Đông-dương không quên điều cốt yếu nhất là *trước hết mình phải tự tin mình.*

Ủy ban điều tra thuộc địa của Hạ nghị viện Pháp đã được thành lập. Không biết bao giờ Ủy ban mới sang Đông-dương và có sang hay không. Song ngay bây giờ đây những người đại diện cho Mặt trận bình dân và Ủy ban điều tra cần phải biết rằng: dân cày Đông-dương mong muốn một chính sách giải quyết cho mình được dễ thở hơn trước, mà giải quyết trong một thời gian ngắn, chứ đừng kéo dài ra hàng chục năm, vì nếu như thế thì trước khi được hưởng đôi chút kết quả của công cuộc cải cách xã hội của chính phủ Mặt trận bình dân, dân

Được quét bằng CamScanner

cày đã chịu những cái ách suru cao, thuế nặng, nợ lãi, mất mùa, đè bẹp từ bao giờ rồi. Vậy cần phải xét ngay, xét cho chu đáo những nỗi thống khổ của dân cày và bắt tay vào việc.

Làm sao những điều cải cách đối với dân cày được thích hợp với hoàn cảnh thôn quê Đông-dương và không trở lại kẹp cổ dân cày như luật xã hội đem thi hành ở Đông-dương đã có chỗ trở lại kẹp cổ thợ thuyền (ví dụ luật cấm dùng đàn bà, trẻ em làm đêm trong công xưởng đã làm cớ cho bọn chủ xưởng quẳng đàn bà, trẻ em ra khỏi nhà máy, một thủ đoạn buộc đàn bà, trẻ em phải tình nguyện làm đêm).

Tóm lại, kinh tế Đông-dương là kinh tế nông nghiệp. Đại bộ phận nhân dân Đông-dương là dân cày. Dân cày lại khổ cực vì không có đất, lại chết chẹt dưới nhiều cái ách. Xưa nay người ta ít chú ý đến dân cày, hoặc không thật sự giải quyết vấn đề dân cày. Những người đại diện cho Mặt trận bình dân Pháp đã gợi đến số phận dân cày. Song dân cày cũng chưa được hưởng gì về chính sách mới của Chính phủ Mặt trận bình dân. Chính sách dân cày của ông Bờ-rê-vi-ê chưa được thích hợp với quyền lợi dân cày.

Đó là những nguyên nhân thúc giục chúng tôi phải đem vấn đề dân cày ra bàn xét.

Được quét bằng CamScanner

CHƯƠNG II

DÂN CÀY LÀ HẠNG NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Trước khi đi thẳng vào vấn đề dân cày, chúng ta phải định tính chất giai cấp của dân cày, địa vị dân cày trong xã hội hiện tại, thái độ và xu hướng của dân cày. Xét như thế để khỏi có những điều ngộ nhận về dân cày và tránh những chủ trương sai lầm đối với một hạng người khá quan trọng ấy.

ĐỊA VỊ GIAI CẤP CỦA DÂN CÀY

Ta thường nghe thấy nói «sĩ, nông, công, thương». Đó là câu phân biệt từng hạng người theo cái óc «tôn ti trật tự» của thời phong kiến, chứ không phải một câu phân biệt giai cấp. Thật ra dân cày thuộc về giai cấp tiểu tư sản ở nông thôn, nghĩa là một hạng người có ít công cụ sản xuất để làm mà nuôi sống lấy mình. Dân cày nói chung không phải thuộc về giai cấp vô sản, vì dân cày nói chung còn có ít nhiều ruộng đất, cày bừa, trâu bò, nhà cửa, vườn tược, v.v... Còn thợ thuyền chỉ có hai bàn tay trắng, bán sức lao động cho tư bản mà sống, mới thật là vô sản.

Được quét bằng CamScanner

Dân cày cũng không phải là người tư sản, vì dân cày tự mình làm nuôi sống cho mình; chứ không ngồi đấy mà bóc lột sức lao động của thợ thuyền như bọn chủ xưởng. Dân cày là giai cấp đứng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Dân cày chia ra làm nhiều lớp khác nhau:

a) *Cố nông* là lớp dân cày không có mảnh đất cắm dùi, không có trâu bò, cày bừa chi hết, quanh năm phải đi làm thuê, làm mướn cho địa chủ, phú nông; bị bóc lột thậm tệ và rất nghèo khổ.

b) *Bần nông* là lớp dân cày nghèo, có ít ruộng, không đủ nuôi sống cho mình, phải đi làm thuê, cấy rẽ cho nhà giàu. Hạng này cày cho mình ít mà đi làm thuê cho người nhiều.

c) *Trung nông* là lớp dân cày trung bình; họ có ruộng đủ để cày cấy lấy mà sống, không phải cho thuê và nói chung không phải mướn thợ cày.

d) *Phú nông* là lớp dân cày giàu, có thừa ruộng đất, tự mình và vợ con mình cày cấy lấy một phần, còn một phần không cày cấy được phải mướn người làm hoặc cho cấy rẽ. Như thế là phú nông cũng bóc lột sức lao động của những người cày thuê, cấy mướn.

Cố nông chính là vô sản ở thôn quê. Hạng canh điền, lực điền ở các làng Bắc-kỳ, điền tốt ở các ấp, thợ cày ở các đồn điền, chính là cố nông. Ở thôn quê, cố nông hăng hái muốn đổi mới nhất, rồi đến bần nông.

Trong các hạng người nói trên, tại một vài vùng ở nước ta còn một số người gọi là thợ làm mùa, ngày mùa bỏ nhà máy hoặc mỏ về đồng ruộng làm, ngày dưng lại bỏ đồng ruộng vào nhà máy và mỏ, và một

Được quét bằng CamScanner

số nữa gọi là nửa công nửa nông, vừa làm ở nhà máy vừa làm ruộng. Hạng này thường ở các làng xung quanh thành phố. (1)

Tá điền là dân cày không có ruộng, hoặc có ít, không đủ sống, phải mướn ruộng của địa chủ cày cấy. *Quá điền* là hạng mướn ruộng của địa chủ đem cho người khác mướn lại, đứng giữa lấy lời. Ruộng của địa chủ chỉ qua tay họ xuống tay tá điền, họ chịu trách nhiệm với địa chủ, đến mùa phải thu địa tô ở tay tá điền, rồi chồng thóc hoặc chồng tiền cho địa chủ. Bọn quản ấp tức là quá điền. Ở Bắc-kỳ có nhiều địa chủ nhỏ vay nợ của địa chủ lớn phải đợ ruộng cho chủ nợ, đến mùa chồng thóc cho chủ nợ. Bọn địa chủ nhỏ này biến thành quá điền.

Bên trên phú nông có *giai cấp địa chủ*. Bọn này có ruộng cho cấy rẽ, ngồi không thu lợi, không hề mó tới cái cày. Họ hoàn toàn sống về sự bóc lột sức lao động của nông dân.

Ở Đông-dương có một bọn địa chủ, phần nhiều là người Pháp, có đồn điền, dùng máy móc trong nghề làm ruộng, tổ chức đồn điền của mình như một xi nghiệp trong đó thợ cày làm có giờ, chia thành từng kíp, mỗi kíp làm một loại công việc, đến kỳ tiền phát lương cho thợ. Bọn chủ đồn điền này gọi là địa chủ tư bản (propriétaires capitalistes). Họ tuy là địa chủ, song cách bóc lột hệt như tư bản.

Ta xem trên đây thì biết: các lớp dân cày khác nhau là ở địa vị của họ trong công việc sản xuất khác nhau, chứ không nhất định bởi họ giàu nghèo khác nhau.

---

(1) Ví dụ, một số công nhân nhà máy sợi Nam-định làm theo cách này. Vì họ làm theo kíp cho nên họ vẫn có thể tham gia công việc đồng áng một phần nào.

Được quét bằng CamScanner

Tên Ba có 5 mẫu ruộng, đến mùa cứ chiếu hai cây ăn một mà lấy, là một địa chủ trăm phần trăm. Trái lại, tên Hai có 10 mẫu, tự mình làm lấy một phần, còn một phần thuê người làm, là một phú nông chứ không phải địa chủ.

Trung nông nghèo và bần, cố nông hơi giống nhau. Những lớp người ấy không bóc lột ai, mà đều bị bọn địa chủ, phú nông bóc lột. Họ khác nhau ở chỗ bần, cố nông ít ruộng hơn trung nông và phải bán sức lao động, làm thuê cho địa chủ, phú nông nhiều hơn trung nông.

VỊ TRÍ DÂN CÀY TRÊN MẢNH ĐẤT ĐÔNG-DƯƠNG

Ở Đông-dương, bọn địa chủ, tập trung và nhiều ruộng nhất ở Nam-kỳ. Người ta nói: « Công tử Bắc-liêu » tức là con em bọn địa chủ ấy. Họ sinh hoạt như tư sản, mà sự thật một số địa chủ này đã bỏ vốn vào công nghiệp, có cổ phần trong các nhà máy gạo hoặc các nhà máy khác. Trước kia, khi nói đến đồng ruộng mênh mông của địa chủ, người ta nói: « ruộng thẳng cánh cò bay », nay đối với ruộng của đại địa chủ Nam-kỳ, câu nói đó không hoàn toàn đúng nữa, vì ruộng của họ phải đi ô-tô hàng giờ mới hết.

Ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ có hạng tiểu địa chủ, chỉ có mươi, mười lăm mẫu ruộng cho cấy rẽ, ngồi không mà hưởng địa tô. Lại có nhiều làng không có địa chủ, chỉ có từ phú nông trở xuống. Trái lại, bần cố nông chiếm số đông.

Nếu ta tin ở thống kê của ông I-vơ Hăng-ri (Yves Henri)[1] thì ta thấy: ở Bắc-kỳ dân số hơn 8 triệu

---

(1) *I-vơ Hăng-ri*: Kinh tế nông nghiệp Đông-dương (Yves Henri — Economie agricole de l'Indochine).

Được quét bằng CamScanner

người, mà số dân quê có trên một mẫu là 970.379 người, nghĩa là một phần hai mươi trong nhân dân. Nếu có từ 5 mẫu trở lên, mới không phải làm thuê, làm mướn cho địa chủ, phú nông, thì ở Bắc-kỳ phần đông dân quê phải bán sức lao động hoặc nhiều hoặc ít. Thật thế, ở thôn quê họa chăng chỉ có địa chủ, phú nông không phải làm thuê, cấy rẽ, còn từ cố nông đến trung nông ai đã thoát khỏi chế độ bóc lột địa tô, nợ lãi và chế độ bóc lột bằng cách trả tiền công?

Dân cày Đông-dương bị nhiều tầng bóc lột : nào địa chủ bóc lột địa tô, nào sưu cao thuế nặng, nào vay nợ lãi, nào phải tiêu dùng hàng công nghiệp một cách đắt đỏ, nào kỳ hào bóp họng. Nạn kinh tế khủng hoảng dằng dai lại càng làm cho dân cày chóng phá sản. Ruộng đất càng chóng tập trung vào tay địa chủ; một số ít phú nông rơi xuống làm trung nông, một số trung nông rơi xuống làm bần nông, một số bần nông rơi xuống làm cố nông. Hạng cố nông đông quá, thiếu việc làm, một phần phải bỏ nhà quê ra tỉnh, đi mỏ hoặc đi đồn điền. Phong trào vô sản hóa mỗi ngày một mạnh. Cũng có phú nông nhảy lên làm địa chủ, song đó là số ít, còn bần nông rơi xuống làm cố nông thì rất nhiều. Trong quá trình của kinh tế nông nghiệp, địa vị dân cày bấp bênh hết sức!

KHUYNH HƯỚNG CHUNG CỦA DÂN CÀY

Dân cày thuộc về giai cấp tiểu tư sản tức là một giai cấp đứng giữa hai giai cấp tư sản và vô sản. Quyền lợi của phú nông hơi giống quyền lợi của tư sản, nên họ nghiêng về phía tư sản. Quyền lợi của bần cố nông hơi giống quyền lợi của vô sản, nên họ nghiêng về phía vô sản.

Được quét bằng CamScanner

Quyền lợi của các hạng dân cày cũng hơi khác nhau, cho nên tư tưởng của dân cày không hoàn toàn thống nhất; họ thường có thái độ bấp bênh, nhất là trung nông. Xét lịch sử ta thấy khi họ đi với giai cấp này, khi họ đi với giai cấp nọ.

Trong cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789) dân cày đi với giai cấp tư sản để lật đổ giai cấp quý tộc phong kiến; đến năm 1793, họ đi với giai cấp công nhân đòi quyền tự do dân chủ, đẩy cuộc cách mạng tư sản ở Pháp tiến lên một bước. Ở Nga, dân cày đi với vô sản, nên cuộc Cách mạng tháng Mười thành công năm 1917. Nhưng ở Ý năm 1925, dân cày đã đi với tụi phát-xít trong lúc nó lên cầm quyền. Hiện nay dân cày Nga đương đi đôi với giai cấp công nhân để kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

Tính chất dân cày là như thế. Song dân cày thường chiếm số đông trong nhân dân, dân cày là một lực lượng hậu bị khá mạnh của cách mạng, cho nên phàm một cuộc cải tạo xã hội một cách lớn lao phải có dân cày tham gia mới có kết quả. Cuộc Công xã Pa-ri (Commune de Paris) không thể đứng vững, một nguyên nhân chính là bởi thợ thuyền cách mạng thành Pa-ri không được dân cày các tỉnh ở Pháp nổi dậy hưởng ứng.

Cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789) và cuộc cách mạng vô sản Nga (1917) thành công một cách vẻ vang, một phần là nhờ ở thái độ cách mạng của dân cày.

Hít-le biết như thế, nên chủ nghĩa của hắn có hẳn một phần đối với dân cày; hắn có chương trình ruộng đất để lường gạt dân cày, cố sao kéo được dân cày, khiến bọn Quốc xã (1) tăng thêm lực lượng.

---

(1) *Quốc xã:* đảng của bọn Hít-le, tức là đảng phát xít Đức.

Lê-nin rất thận trọng đối với dân cày, cho rằng thợ thuyền và dân cày là hai hạng người sản xuất để nuôi sống cho xã hội, lại bị xã hội tư bản này bạc đãi, bóc lột hơn hết, phải liên minh với nhau. Thợ thuyền muốn cải tạo được xã hội phải kéo dân cày đi đôi với mình trong các thời kỳ cách mạng. Vì quyền lợi và thái độ các lớp dân cày có chỗ khác nhau, cho nên Lê-nin chủ trương cuộc cách mạng xã hội càng tiến lên thì chính sách của thợ thuyền đối với các tầng lớp dân cày cũng theo đó mà biến đổi, không thể lúc nào cũng như lúc nào được. Đó là một vấn đề thuộc về sách lược cách mạng. Chủ nghĩa Lê-nin còn nói đến vấn đề cách mạng ruộng đất: tịch thu ruộng đất của địa chủ giao cho dân cày và tiến lên một bước nữa, phải xã hội hóa nông nghiệp, nghĩa là tổ chức những hợp tác xã— những nông trang tập thể —, cấp cày máy, bừa máy cho dân cày, bày cách cho dân cày chung ruộng đất lại, cày chung cấy chung, như ở Liên bang Xô-viết hiện nay.

TÍNH CHẤT DÂN CÀY

Sau khi xét khuynh hướng của dân cày, ta hãy xét qua tính chất dân cày.

Thoạt tiên ta nhận thấy dân cày có tính *cần cù lao động*. Quanh năm họ làm ăn vất vả, chân lấm tay bùn, đổi bát mồ hôi lấy bát cơm. Những lúc khó khăn họ thường giúp nhau làm lụng và đỡ đần nhau trong lúc túng thiếu. Nhưng dân cày cũng có *óc tư hữu*. Họ ăn riêng làm rẽ lâu đời đã quen. Nói đến cách làm ăn tập thể thì họ hoài nghi. Bàn đến góp tiền làm những việc có ích chung, phần nhiều họ không thích. Những tổ chức phổ thông của dân cày Việt-nam có từ lâu đời,

Được quét bằng CamScanner

như những phường nuôi chung lợn, cấp vốn làm nhà, những tốp chơi họ, hội hiếu hỉ v.v... đều có tính chất lợi riêng cho từng hội viên hơn là có tính chất xã hội, nghĩa là lợi chung cho cả tổ chức hoặc cho xã hội mà cá nhân cũng có một phần ở đó. Ta chưa thấy dân cày tự động tổ chức được những hội có tính chất thật ích chung như hợp tác xã làm ruộng, hội bài trừ hủ tục, v.v...

Một đặc điểm của dân cày là *óc mê tín*. Dân cày Đông-dương cũng như dân cày các nước, hay mê tín thần quyền. Việc học không được phổ thông trong dân quê làm cho họ không hiểu khoa học. Họ rất ít đọc sách, đọc báo, vì ít biết chữ. Cách ăn làm của họ một phần lớn nhờ thời tiết, nhờ sức tự nhiên, thêm vào đó bao nhiêu áp bức, bóc lột, bao nhiêu thiếu thốn, làm cho họ luôn luôn lo sợ. Tình hình ấy khiến họ dễ tin vào «sức thiêng liêng» của Trời, Phật. Vì thế họ rất hay cầu đảo, rất hay cúng lễ. Bọn thày cúng, cô đồng, phù thủy, địa lý lợi dụng lòng mê tín của họ xoay xu. Óc mê tín đó làm cho dân cày chậm giác ngộ.

Bên cạnh óc mê tín, dân cày Đông-dương còn *chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến* nữa. Họ vẫn ôm khư khư những quan niệm cũ rích từ lâu đời; họ thừa nhận thuyết «sang hèn, trên dưới». Người ta thấy một người dân quê vào quan xun xoe, gãi đầu gãi tai hay vái gù là thường.

Dân cày đối với bọn chủ ruộng thì coi là thày; gặp ngày nhà chủ ruộng có việc đình đám, họ đem lễ đến, xoa chân xoa tay: «chúng con là chỗ đày tớ, gọi là có chút lễ mọn, xin ông bà (hay cụ ông cụ bà) nhận cho».

Nhưng mặc dầu có những nhược điểm trên đây, dân cày rất đáng cho ta mến phục: khi nào họ được giác ngộ, có tổ chức và có lãnh đạo thì họ *có một sức mạnh*

Được quét bằng CamScanner

quật cường to lớn. Lúc đó họ sẵn sàng san phẳng những trở lực trên bước đường tiến thủ của họ và của dân tộc. Song tất cả vấn đề là ở chỗ: *giác ngộ, tổ chức và lãnh đạo được dân cày*.

Một hôm chúng tôi có dịp tranh luận với một anh tá điền về vấn đề «dân cày mướn ruộng của địa chủ có bị địa chủ bóc lột không?»

Chúng tôi hỏi:

— Địa chủ cho mướn ruộng, đến mùa thu một nửa hoa lợi, lấy địa tô có phải là bóc lột không?

Tá điền đáp:

— Nói bóc lột thì quá; tôi không có ruộng, được người ta cho mướn ruộng làm là may cho tôi, kẻ có công người có của, đến mùa hai cây ăn một là công bằng chứ còn gì nữa.

— Địa chủ ngồi không mà được hưởng một nửa hoa lợi, còn anh cày cấy, tát nước, cào cỏ quanh năm, lại phải bỏ tiền mua hạt giống, phân bón, v.v... mà cũng chỉ được một nửa thôi. Như thế anh cho là công bằng sao? Phần ruộng kia, nếu không có sức anh làm, thử hỏi địa chủ có gặm ra mà ăn được không, hay là ngồi đó mà chờ chết đói? Nếu anh có ruộng thì đến mùa được bao nhiêu hoa lợi về tay anh hết, song chỉ vì anh không có ruộng, nên phải chia một phần hoa lợi anh đã làm ra cho chủ ruộng, nghĩa là phải nộp địa tô cho nó. Địa chủ cậy có ruộng bóc lột địa tô. Dân cày vì không có ruộng phải chịu sự bóc lột đó.

— Ấy chỉ vì người ta có ruộng, tôi không có ruộng.

— À! then chốt của câu chuyện là ở chỗ có ruộng và không có ruộng. Anh cho địa chủ được hưởng quyền sở hữu về ruộng đất; anh cho địa chủ có ruộng là có

Được quét bằng CamScanner

quyền; vậy chúng tôi xin hỏi: ruộng của địa chủ kia ở đâu mà có? Quyền có ruộng của địa chủ có phải là quyền chính đáng không?

— Ruộng ấy của cha mẹ người ta để lại.

— Nói thế tức là anh lại thừa nhận cả quyền hưởng gia tài của địa chủ rồi. Vậy anh có xét phần ruộng cha mẹ nó để lại ở đâu mà ra không?

— Có người trước kia cha mẹ cũng chỉ có một phần ruộng đủ ăn, sau xẻn nhặt tậu thêm, mượn canh điền làm mỗi ngày một thịnh vượng, rồi có của để lại cho con.

— Đó, anh xem cha mẹ «mướn canh điền» tức là bóc lột sức lao động của thợ cày mới trở nên giàu có, mới có «của để lại cho con».

— Có người, cha mẹ làm quan, tậu được ruộng rồi chia cho con cái.

— Làm quan bóc lột dân mới có của. Ngay đến lương tháng của quan xét cho cùng cũng là mồ hôi nước mắt của nhân dân, vì dân có làm ruộng mới có tiền đóng thuế cho chính phủ thuộc địa, chính phủ thuộc địa mới có tiền trả lương cho quan. Vậy làm quan có tiền tậu ruộng, ruộng ấy, xét cho cùng, là kết quả của sự bóc lột, là một thứ «của bóc lột».

— Bây giờ anh có muốn nghe lịch sử ruộng đất của loài người không?

— Nói đi mà nghe, anh tá điền xem chừng chú ý, đáp.

— Xét từ cổ sơ, người còn thưa, ở thành bầy, lang thang du mục, nay đồi này, mai núi nọ. Lúc đó chẳng ai cần nhận chỗ nào là phần ruộng riêng của mình. Ruộng đầu tiên là của chung. Có một bọn đi chăn nuôi ở các đồng cỏ, tìm được nghề trồng cây. Từ đó trở đi

Được quét bằng CamScanner

mới có hạng lấy nghề trồng trọt, cày cấy làm nghề căn bản để sống trên một khoảnh đất. Nhưng họ không coi đất đó là của riêng. Khi nào họ thấy đất màu kém đi, hoa lợi sa sút, họ liền bỏ đi nơi khác[1].

Đến sau có bọn tràn xuống đồng bằng, cày cấy ở những nơi cố định. Lúc đó ruộng vẫn còn là của chung.

Nhưng người mỗi ngày một đông, nhu cầu ngày một nhiều. Một người không thể làm hết mọi việc để có đủ ăn, đủ mặc, cho nên trong xã hội có bọn người chuyên nghề cày cấy, bọn người chuyên nghề chăn nuôi, bọn chuyên làm dụng cụ, vũ khí. Bọn này trao đổi vật dụng cho bọn kia.

Ruộng đất trước là của chung cả bầy, cả bộ lạc, sau là của chung từng tộc đoàn. Những người trong tộc đoàn cày chung cấy chung, hoa lợi hưởng chung. Đến khi trong xã hội có sự phân công, bọn chuyên làm nghề này, bọn chuyên làm nghề khác, không phải phần nhiều chỉ làm ruộng như trước nữa; việc cày chung cấy chùng không thực hành được, tộc đoàn phải giao ruộng cho từng nhà. Vì thế ruộng đất thành của riêng từng gia đình.

Khi đó người ta đã tìm được nhiều kế sinh nhai: cày cấy, chăn nuôi, đánh cá, săn bắn, làm dụng cụ, v.v... Những kế sinh nhai ấy thâu tóm trong tay người đàn ông. Quyền kinh tế trong gia đình ở người đàn ông. Người chồng chết đi để ruộng lại cho con trai. Chế độ phụ quyền thành lập. Bởi lệ cha mẹ chia gia tài cho con, ruộng đất trải qua đời này sang đời khác, biến hẳn thành của riêng từng nhà.

---

(1) Ở thượng du Bắc-kỳ có một thứ ruộng của người Mèo, người Thổ, v.v... gọi là «nương» có tính chất như thế.

Được quét bằng CamScanner

Vì có từng bọn người làm từng việc chuyên môn cho nên có sự trao đổi hàng hóa và trong xã hội sinh ra một hạng chuyên làm nghề buôn bán, đồng thời sinh ra tiền và nạn cho vay nợ lãi. Người ta đã có thể tậu bán được ruộng đất. Bọn con buôn dùng cách buôn bán, cho vay, tậu ruộng, chiếm ruộng của từng nhà. Một phần ruộng đất thành của riêng bọn trục lợi.

Cũng có khi hai bộ lạc đánh nhau, bọn chiến thắng (được trận) chiếm đất của bọn chiến bại (thua trận), đem chia nhau. Ruộng đất của bọn chiến bại biến thành của riêng bọn chiến thắng. Bọn chiến bại hóa làm nô lệ của bọn kia và phải cày cấy, trồng trọt, kiếm hoa lợi cho họ.

Vậy lịch sử chứng tỏ rằng: quyền sở hữu về ruộng đất không phải là quyền tự nhiên «trời sinh ra thế» như người ta thường nói. Quyền có ruộng đất làm của riêng không phải đã có ngay từ khi loài người mới sinh ra. Thoạt tiên nó là kết quả của sự phân công, sau là kết quả của sự chiếm đoạt, ăn cướp và bóc lột.

Tóm lại, địa chủ có ruộng, ruộng đất ấy không phải nó mang theo từ bụng mẹ nó mà ra, cũng không phải trên trời rơi xuống cho nó; quyền có ruộng của địa chủ là quyền không tự nhiên, quyền phi nghĩa.

Thấy anh dân cày có vẻ hơi hiểu và để ý nghe, với cặp mắt sáng hơn trước, chúng tôi nói tiếp:

— Bây giờ chúng tôi trở lại vấn đề địa chủ ngồi không, bóc lột địa tô. Anh đã thấy rằng vì sự bất công mà nó có ruộng đất, lại vì sự bất công mà nó được hưởng hoa lợi do dân cày làm ra; nó ngồi không, chiếm một nửa, như thế là bóc lột.

— Thế ra từ trước đến nay chúng tôi vẫn bị bóc lột?

— Thì cố nhiên.

Được quét bằng CamScanner

Ta xem câu chuyện trên đây đủ biết dân cày có nhiều thành kiến, bị giáo dục xấu xa, bị tập quán của chế độ nhồi sọ từ lâu đời, đến nỗi tưởng rằng mình không bị bóc lột, lại mang ơn người bóc lột mình, tự coi mình là người nhà, là đầy tớ của chủ. Thật là nguy hiểm hết sức!

Dân cày ăn ở riêng rẽ, không tập trung vào một chỗ như thợ thuyền, cho nên không tự mình trông rõ lực lượng của mình, kém óc xã hội. Cách ăn làm của họ khiến họ khó nhận rõ được trạng thái giai cấp bóc lột trong xã hội. Ở nhà quê đường giao thông ít mở mang, sách báo hiếm, cho nên óc mê tín và những thành kiến còn nhiều. Dân cày chia làm nhiều lớp, không phải là một giai cấp thuần nhất như giai cấp công nhân, vì vậy tư tưởng cũng không được thống nhất. Đó là những cái không lợi cho dân cày: Trái lại, dân cày chiếm đại đa số trong nhân dân, lại bị nhiều từng áp bức bóc lột, cho nên dân cày có một sức mạnh tiềm tàng, đáng chú ý và đáng khâm phục. Chúng ta phải thấy hết ưu điểm và nhược điểm của dân cày, nhưng tuyệt đối không được coi thường dân cày.

Được quét bằng CamScanner

CHƯƠNG III

TÌNH CẢNH HIỆN TẠI CỦA DÂN CÀY

CÁCH LÀM ĂN LẠC HẬU

Từ mấy mươi thế kỷ nay, dân cày Đông-dương vẫn làm lụng theo phương pháp cũ rích. Trong khi ở Liên-xô và ở ngay các nước Âu, Mỹ, người ta dùng máy kéo, máy cày, máy bừa, máy gặt đập, ở Đông-dương cày bừa vẫn thô kệch, sơ sài. Dân cày dùng trâu bò kéo cày; không có tiền thuê bò, tậu trâu thì hai người kéo thay con vật. Mỗi bước mất bao nhiêu sức lao động. Gặp ruộng lầy, đất thịt, một lần nhổ chân lên là một lần phải ráng sức, ỳ ạch, mướt mồ hôi. Lại còn phải hò hét con vật.

Việc tát nước, cào cỏ, gieo mạ, lại càng hủ lậu hơn nữa. Với cái gầu giây hai người, một ngày tát được năm, sáu sào ruộng là nhiều. Tát bằng gầu tay còn chậm hơn (hai sào). Đến mùa, được hột thóc, kể từ lúc gặt đến lúc có hột gạo, phải trải qua bao nhiêu việc khó nhọc. Gặt xong rồi bó, bó xong gánh về nhà, nếu nhà xa tiện đường thủy, gánh xuống thuyền chở về; ít khi

Được quét bằng CamScanner

chở bằng xe bò[1]. Thóc về đến nhà, rắc ra sân kéo đá hoặc dùng trâu dày lên trên cho hột rụng xuống. Hủ lậu nhất là cách đập lúa. Một người đàn ông ráng hết sức mới đập nổi ; trông họ làm mướt mồ hôi, vẹo xương sườn, không khỏi cảm động. Song công việc đó cũng chưa lạc hậu bằng cách tuốt lúa với một đôi đũa và cách lấy chân vò lúa của đàn bà. Một ngày 12 tiếng đồng hồ, trừ hai bữa ăn, một người tuốt trung bình được hai bó lúa nếp ; vò khỏe được năm bó hoặc sáu bó là nhiều. Cách xay thóc, giã gạo thật là cực nhọc. Tất cả các việc từ lúc vò, đập, đến lúc xay, giã, một cái máy có thể hoàn thành trong một thời gian ngắn thì dân quê làm một cách giây dưa, nặng nhọc, kéo dài. Thật là phí bao nhiêu sức lao động. Ít lâu nay do ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản phát triển, ở nước ta đã có những đồn điền làm một phần bằng máy móc, song đó là số ít mà phần nhiều của người ngoại quốc. Còn dân quê vẫn làm ăn hủ lậu. Ở một vài vùng nhà quê, ta thấy một thứ guồng tát nước, so với gầu tát nước của ta cũng đã có tiến bộ chút đỉnh. Ở Hải-dương lại có vùng dân mấy làng đặt một cái máy bơm nước. Song những trường hợp như thế rất hiếm.

Lên mạn ngược Bắc-kỳ mà xem thì thấy cách làm ăn của người Mường, người Thổ còn có tính chất trung cổ hoàn toàn. Những cái cối giã gạo bằng sức nước làm chậm như rùa. Ta hãy tưởng tượng một cái cần cối bằng một thân cây gỗ đẽo sù sì ; một đầu cần có một cái chầy, còn một đầu đục trũng thành lòng máng. Một ống bương dẫn nước từ trên sườn núi đổ vào cái máng

---

(1) Ở mạn ngược Bắc-kỳ, dân cày Thổ gặt xong, thường phơi lúa và đập lúa ngay ở ngoài đồng, chỉ khuân thóc về nhà thôi. Lúa đem cả bông về nhà là lúa để làm hạt giống.

ấy. Mỗi khi nước đầy thì sức nặng của nước níu cái cần cối xuống, nước trong máng đổ tuột ra ngoài, đầu cần nặng lại bổ xuống cối một cái; cứ như thế trong hai phút mới được một tiếng chầy. Một cối gạo phải một ngày một đêm mới đủ trắng. Cái guồng tát nước tự động gọi là cái *cọn*, đặt chỗ nước chảy, làm toàn bằng ống nứa và thanh tre, trông hệt như một cái bánh xe khổng lồ chạy rất chậm. Dân cày mạn ngược làm ruộng bên sườn đồi. Ruộng thành từng bậc, muốn tát nước từ thấp lên cao phải đặt những cái *cọn* đường kính thật rộng thì mới có thể dẫn nước lên đồng trên.

Những việc tát nước, giã gạo này tuy lợi dụng sức tự nhiên, người không phải trông nom đến, nhưng việc làm chậm quá, năng suất kém cỏi, không lợi mấy.

Cái cày, cái bừa của dân mạn ngược còn thô sơ, lạc hậu hơn của miền xuôi nhiều. Cái gì trông cũng vụn vặt, bé nhỏ, làm mất thời giờ nhiều lắm. Đồ làm ruộng của nước ta bằng tre hoặc bằng gỗ, ít cái bằng kim khí, nhưng lại nặng nề, cục mịch, làm mất nhiều sức mà chóng hỏng. Công cụ sản xuất hủ lậu, phương pháp sản xuất chậm chạp, riêng rẽ làm kiệt sức dân cày mà nông nghiệp không thể tiến lên được.

Chủ nghĩa tư bản bản xứ còn kém phát triển, công nghiệp cơ giới hóa chưa có, cho nên không đủ sức cải tiến kỹ thuật về nghề làm ruộng. Không những thế, óc thủ cựu của dân cày cũng cản trở cho công việc cải tiến nói trên một phần. Nếu mình không phát minh được máy móc thì nhập cảng máy móc ở ngoài vào cũng được, song nào dân cày có biết dùng máy móc! Họ quen cách làm ăn riêng rẽ; vốn ít không mua được máy, có máy cũng không biết dùng.

Ngoài nguyên nhân kinh tế và xã hội trên đây, còn có nguyên nhân thuộc về tự nhiên nữa.

Được quét bằng CamScanner

Ở Đông-dương đồng ruộng chỗ cao, chỗ trũng, phải chia ra nhiều mảnh. Trên cao nhìn xuống trông cánh đồng khác nào những mảnh mùi soa đặt sát liền nhau. Vì cây lúa cần phải có nước mới sống được, cho nên đắp bờ là để tiện việc tát nước, nhưng cũng để có lối mà đi thăm ruộng, khỏi phải lội xuống đồng lầy. Nước ta lại là nơi hay mưa, thường xảy ra mưa lũ; mặt đồng có chỗ trũng hơn lòng sông (như ở Tuần-vường), về mùa nước lũ hay xảy ra nạn nước lụt. Hoàn cảnh ruộng đất và khí hậu gây ra những trở lực tự nhiên, khiến cho các dân tộc Đông-dương, trình độ khoa học còn kém, đành chịu lệ thuộc vào tự nhiên; mấy mươi đời chưa ai phát minh được một thứ máy làm ruộng thay cho cái cày, cái bừa hủ lậu hiện thời.

Nói như thế không phải là bảo rằng chúng ta không bao giờ phát minh được máy móc về nghề làm ruộng. Song nếu không có những cuộc cải tạo rất mạnh và dân cày không được giúp đỡ đầy đủ thì chúng tôi e rằng cái ngày cải tiến phương pháp sản xuất trong nông nghiệp cũng còn xa lắm.

CHẾ ĐỘ LÀM CÔNG NÔ LỆ Ở THÔN QUÊ

Ở thôn quê dân cày làm ruộng rất vất vả. Không những vì phương pháp sản xuất lạc hậu như đã nói trên, mà lại vì chế độ nhân công khắc nghiệt.

Ở nhà quê một phần khá đông dân cày sống về làm thuê, làm mướn. Cố nông hoàn toàn bán sức lao động mà sống đã đành, mà bần nông (và một số ít trung nông) không đủ ruộng cày cấy cũng phải làm công thêm vào để sống.

Được quét bằng CamScanner

Nói đến cách làm công ở thôn quê, phải phân biệt ngày mùa và ngày dưng. Một năm hai mùa, tháng Năm và tháng Mười (theo âm lịch), mỗi mùa có việc làm trong một tháng! Ngày mùa phần nhiều đi gặt, kéo đá, đập lúa, v.v... Ngày dưng cày bừa, cào cỏ, tát nước; không có những việc ấy thì lợp nhà, phát giậu, đánh te, đánh dậm, đan lát, làm vườn; đàn bà mò cua, bắt ốc; trẻ con cắt cỏ, chăn trâu.

Ở Phú-thọ, Vĩnh-yên, ngoài ngày mùa dân cày đi hái chè thuê. Ở Thanh-hóa, Nghệ-an và phần nhiều các tỉnh Trung-kỳ và thượng du Bắc-kỳ, xong mùa dân quê đi kiếm củi.

Ở Hà-đông, một người thợ gặt đi gặt từ 5 giờ sáng đến 12 giờ trưa, nghỉ một lúc, đủ thời giờ nuốt trôi miếng cơm, rồi lại làm cho đến nhá nhem tối. Lúa gánh về nhà, nghỉ ăn cơm, rồi lại quay ra đập hoặc kéo cho đến chín mười giờ đêm. Tính trung bình ngày mùa, một người thợ gặt phải làm việc tới 15 — 16 tiếng đồng hồ. Tiền công chỉ được 0đ10, hoặc 0đ12 cơm nuôi [1]. Mấy năm kinh tế khủng hoảng dữ, như năm 1933 — 1934, một người thợ gặt chỉ được mỗi ngày năm sáu xu; có khi ba bốn xu cũng phải làm. Trong một vài làng thuộc tỉnh Vĩnh-yên, một buổi gặt được 0đ14 không cơm, hoặc 7 xu có cơm; ở Quảng-bình 8 xu có cơm.

Một người canh điền, mùa xong, có việc làm chừng hơn một tháng; ngày làm 12 tiếng đồng hồ, mỗi tháng chủ ruộng trả cho 3đ00 cơm nuôi. Xong vụ cày được chừng 5đ00 hay 4đ50 là nhiều.

Một buổi cấy, tiền công rất hạ, vì công việc ấy phần nhiều phụ nữ làm. (Ở Đông-dương chưa thi hành

---

(1) Những con số ở mục này lấy trước mùa tháng Năm 1937.

nguyên tắc : đàn bà, đàn ông, trẻ em, việc làm ngang nhau, tiền lương ngang nhau). Họ chịu 8 xu không cơm, hoặc 4 — 5 xu có cơm. Những công việc sau ngày mùa, như một buổi cắt cỏ, lợp nhà chỉ được 3 hoặc 4 xu. Ở Thái-bình tháng ba, ngày tám, người làm thuê chỉ cốt kiếm được hai bữa ăn. Khi đó làm cả ngày mà chẳng được đồng công nào hết.

Người làm công ở nhà quê trong lúc giáp hạt thường đi chịu công non. Ví dụ đến ngày mùa đi gặt được 0đ10 một ngày với hai bữa cơm, thì tháng Hai, tháng Ba, tháng Tám, tháng Chín, cần tiền tiêu phải đến nhà giàu vay 1đ00 và phải hứa đến mùa làm 15 ngày để trả nợ. Như thế tính mỗi ngày có 6 xu công, lại không có cơm.

Ở thôn quê, người làm công không được hưởng chút nào về luật lao động : chủ thuê cứ bắt người làm thuê làm việc liên miên, công việc không có hạn định, ngày lao động cứ kéo dài ra tùy theo ý muốn của từng nhà.

Bởi thế cho nên ta thường thấy thợ gặt gặt xong phải đập lúa, thợ cày tối về phải làm gạo cho đến tận canh hai. Khổ nhất là đầy tớ, con đòi, luôn tay luôn chân, hết việc này sang việc khác. Có khi đang đêm khuya chủ còn gọi dậy sai bảo. Thức khuya, dậy sớm, ngày lao động không có giờ ! Tiền công thì ngoài cơm ăn ngày hai bữa ra, đến cuối năm thường chỉ được vài đồng công và một bộ quần áo. Ở Quảng-bình, một người ở nhỏ (15 — 16 tuổi) một năm chỉ được 1đ50 ; ở Bắc-kỳ em bé từ 13 đến 15 tuổi đi ở không công là thường. Nói đến một người đầy tớ ở thôn quê bị đánh đập tàn nhẫn, không ai lấy làm lạ.

Trong nông nghiệp cũng còn cách làm khoán. Ở Quảng-nam cứ gặt được 4 gánh lúa thì được một ang lúa ướt, giá đáng 8 xu, ở Thái-bình có cách làm khoán thông : chủ ruộng cho thợ gặt khoán một mẫu ruộng trả

Được quét bằng CamScanner

cho 1đ00 chẳng hạn ; cứ gặt xong gánh về nhà lấy tiền. Ở Sơn-tây có chế độ ăn công làm khoán : một người thợ gặt được 8 xu công một ngày, và 1 bữa cơm trưa, nhưng phải gặt xong hai sào.

Trong các dân tộc thiểu số ở Đông-dương, như Mèo, Mường, Mán, Thổ, v.v..., còn chế độ hoàn toàn phong kiến. Ở Sơn-la, Lai-châu, Hòa-bình... còn chia ra quý tộc và nông nô. Ở Sơn-la, Lai-châu, bọn quý tộc người Thái gọi là *phìa, tạo*, nông nô gọi là *cuông, nhốc*. Ruộng đất là của bọn quý tộc. *Cuông, nhốc* được một phần ruộng đất, nhưng phải cày ruộng cho bọn *phìa, tạo* mới được hưởng phần ruộng ấy. Đi bên sườn núi thấy cánh đồng trên có hàng chục trâu cày, đó là những *cuông, nhốc* ăn cơm nhà làm ruộng cho bọn *phìa, tạo*. Chính phủ thuộc địa cũng thừa nhận cho bọn *phìa, tạo* có quyền bắt *cuông, nhốc* hầu hạ minh, ví dụ : nhà Châu Mỗ được 15 gia đình *cuông* hầu hạ, nhà tạo bản (như hương lý ở miền xuôi) có 7 gia đình *nhốc* hầu hạ, v.v... Ngoài việc cày ruộng, *cuông, nhốc* còn phải đến nhà *phìa, tạo* phục dịch trong khi có việc hiếu hỉ, khổ hơn các tá điền ở miền xuôi. Những công việc đó đều không công, xảy ra còn bị đánh đập, chửi bới là khác. Bên cạnh *cuông, nhốc* còn một hạng người làm nô bộc trong nhà bọn *phìa, tạo* gọi là *côn hươn* và một hạng *cuông « được giải phóng »* gọi là *phu*, không phải hầu hạ bọn *phìa, tạo*, nhưng phải đi phu tải đồ, làm đường cho Chính phủ bảo hộ, làm một ngày 0đ16 không cơm. Nhưng công việc tải đồ, làm đường ở rừng núi rất nặng nhọc và nguy hiểm.

Xã hội người Lào cũng gần giống như xã hội người Thái ở Sơn-la, Lai-châu của Việt-nam.

Tóm lại, chế độ làm công ở thôn quê Đông-dương còn nhiều tính chất phong kiến. Vì lâm vào cảnh tứng

Được quét bằng CamScanner

thiếu liên miên, cho nên người làm công ở thôn quê cam chịu tiền công chết đói; họ bị cưỡng bách làm việc và bị đánh đập. Tình cảnh bần cố nông ở thôn quê và nông nô cực khổ vô cùng.

Bây giờ ta thử tính sổ chi thu của một gia đình một người dân nghèo phải đi làm thuê xem sao:

1. Tiền thu nhập trong một năm:

20 ngày gặt không cơm	0đ14 × 20 = 2đ80
20 ngày cày	0đ08 × 20 = 1đ60
150 ngày làm thuê lặt vặt	0đ05 × 150 = 7đ50
Tổng cộng:	11đ90

2. Tiền chi tiêu của 1 người trong 1 ngày:

Gạo hai bữa	: 0đ04
Muối, mắm, tép hoặc rau và rơm củi	: 0đ02
Lặt vặt (vối, chè, thuốc, dầu)	: 0đ01
Tổng cộng	: 0đ07

3. Tiền chi tiêu của 1 người trong 1 năm:

Tiền ăn trong 365 ngày (kể cả 170 ngày không có việc)	:	0đ07 × 365 = 25đ55
2 bộ quần áo vải	:	0đ80 × 2 = 1đ60
Thuế thân và thuế ngoại phụ	:	4đ00
Đóng góp trong làng, trong xóm (số trung bình)	:	1đ00
Giỗ và Tết	:	2đ00
Tổng cộng:		34đ15

Ta xem đó thì biết, một người không có vợ con, chỉ có một thân một mình, mỗi năm tiêu trung bình phải 34đ15 mà chỉ kiếm được 11đ90, thiếu 22đ25. Nếu người dân cày đó không có một sào ruộng nào, hoặc không cấy rẽ ruộng của địa chủ để kiếm thêm thì nuôi thân cũng không đủ, không nói gì đến nuôi vợ nuôi

Được quét bằng CamScanner

con nữa! Cũng vì lẽ đó mà ta thấy gia đình bần, cố nông, ăn đói mặc rách, nhà cửa sụp nát, bẩn thỉu, không thể tưởng tượng được. Hàng năm nhà thợ cày phải ăn đói đến bảy tám tháng, bần nông năm, sáu tháng, một số trung nông thiếu ba bốn tháng. Trong những tháng ấy họ phải ăn cầm hơi mỗi ngày một bữa, có khi hai ngày mới được một bữa cơm, còn ăn cháo, ăn ngô, ăn khoai, cùng lắm thì ăn rau má, củ chuối, củ mài, gọi là có cái nhét cho đầy ruột. Gần đến mùa, ở nhà quê ta gặp những bộ mặt hốc hác, xanh xao, cặp mắt lờ đờ, mép trắng nhã. Đó là những bộ mặt đói cơm, mất máu của dân cày nghèo vác hái đi tìm việc. Mấy năm khủng hoảng gần đây, nhiều nhà ở nhà quê Bắc-kỳ không hề dùng nước nắm, tối đến không thắp đèn, ngày mùa họ còn nẩy ngô, tuốt lúa, làm mò; có trăng mà làm dưới bóng trăng là một sự may mắn.

BÓC LỘT ĐỊA TÔ

Cố nông sống về làm thuê, còn trung, bần nông có đôi chút công cụ sản xuất, nên họ mướn ruộng của nhà giàu mà cày cấy, việc làm thuê chỉ là một việc phụ thuộc của họ. Mướn ruộng mà làm ở Bắc-kỳ gọi là cấy rẽ hoặc cũng có nơi gọi là lĩnh canh. Người mướn ruộng phải trả cho chủ ruộng một phần hoa lợi hoặc tiền, gọi là địa tô. Cứ theo biểu thống kê của ông I-vơ Hăng-ri (Yves Henry) thì ở Bắc-kỳ trong số 964.490 người có ruộng thì 12.005 người cho cấy rẽ. Ở Trung-kỳ trong số 658.034 người có ruộng, có 68.471 người cho cấy rẽ. Tuy nhiên, có nhiều chủ ruộng có hai ba ấp, họ có tới hàng ngàn mẫu cho cấy rẽ (có dăm bảy chục, một trăm mẫu là thường), cho nên ở Đông-dương số dân cày phải mướn ruộng, bị bóc lột địa tô không phải ít.

Được quét bằng CamScanner

Ở Bắc-kỳ có nhiều làng, toàn thể dân dinh là tá điền của dăm tên địa chủ ở làng khác đến xâm canh. Dân làng Tá-hành (Thái-bình) và các làng Thanh-hương, Hà-cát, Bạch-long (Nam-định) đều là tá điền. Ruộng đất các làng đó là của mấy tên địa chủ ở làng Hành-thiện (Nam-định). Tá điền đều là đầy tớ của họ, mà các làng kia họ coi là ấp riêng của họ.

Ở Nam-kỳ phần nhiều dân cày là tá điền. Số tá điền trong Nam còn đông hơn số cố nông (không kể phu đồn điền).

Bóc lột địa tô cũng như bóc lột bằng cách trả tiền công đều là những cách bóc lột phổ thông mà dân cày Việt-nam phải chịu.

Địa tô có nhiều hình thức.

Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ, tá điền phải trả địa tô theo lệ hai cây ăn một, nghĩa là một mẫu lúa được 40 gánh thì tá điền chỉ được 20 gánh, còn 20 gánh là của địa chủ.

Làm mầu mất nhiều công, phân tro và hạt giống cũng tốn hơn cho nên địa tô về ruộng mầu thấp hơn địa tô về ruộng lúa. Ta hãy so sánh ba cách lấy địa tô sau đây sẽ rõ:

Ở ấp Tá-hành, tá điền phải nộp địa tô cho chủ ruộng:

Ruộng lúa 1/2 hoa lợi,
Ruộng ngô 1/3 hoa lợi,
Ruộn lạc 1/3 hoa lợi.

Địa chủ có nhiều cách thu địa tô bằng hoa lợi. Cách thứ nhất là đến mùa gặt, lúa chín, tá điền báo cho chủ ruộng, hai bên định ngày gặt. Khi gặt thì rẽ thửa ruộng ra làm đôi, mỗi bên gặt một nửa. Phần nhiều địa chủ chọn lấy phần lúa tốt, tá điền chịu nước lép, gặt phần xấu.

Được quét bằng CamScanner

Cách thứ hai là tá điền gặt được bao nhiêu tùy ý, gặt xong phải đem đến nộp thóc tô cho địa chủ, mỗi mẫu từ 20 đến 30 thùng. Các quá điền thường phải nộp địa tô cho địa chủ theo lối này. Ở Vĩnh-yên, tá điền phải nộp mỗi mẫu 30 thùng thóc cho địa chủ về mùa tháng Năm... Nộp thóc tô vào một mùa như thế thì đến tháng Mười được hưởng cả hoa lợi. Nhưng khốn nỗi, mùa tháng Mười ở vùng này lúa lại xấu, mỗi năm chỉ được 20 thùng là nhiều.

Ở Trung-kỳ, cách bóc lột còn nhiều di tích phong kiến hơn, cho nên người ta thường thấy tá điền phải thân hành gặt, hoặc thuê người gặt cho địa chủ, may thì được 0đ02 một ngày, không thì thôi, không có quyền kêu ca gì hết.

Ở mạn ngược Trung-kỳ, Bắc-kỳ, chế độ nông nô căn bản hãy còn, cho nên địa tô ở đây phần nhiều không phải là một thứ địa tô bằng lợi tức, mà là địa tô bằng sức lao động. Nông nô được một phần ruộng cày cấy thì bắt buộc phải ăn cơm nhà cày ruộng cho địa chủ quý tộc; đến mùa phải gặt lúa đập thành hạt thóc, mang về tận nhà cho địa chủ; ngoài ra, còn phải cắt tua nhau đến hầu hạ, phục dịch nhà địa chủ. Ở Sơn-la, Lai-châu, người Thái gọi cách đó là *làm cuông làm nguột* cho địa chủ. Nông dân phải làm ruộng cho địa chủ, nhưng ở xa nhà địa chủ quá thì nộp thóc nguột cho địa chủ.

Có nơi địa chủ không lấy địa tô bằng hoa lợi, mà lấy địa tô bằng tiền. Tá điền xong mùa, phải bán thóc đi chồng tiền cho địa chủ, mỗi mẫu là bao nhiêu đó. Như thế gọi là chủ ruộng bán mầu.

Ở Bắc-kỳ có nhiều trường hợp địa chủ nhỏ vì thiếu tiêu phải đợ ruộng cho bọn địa chủ lớn, nhưng vẫn giữ ruộng để cho cấy rẽ, rồi chồng tiền lại cho địa chủ lớn và biến thành quá điền.

Được quét bằng CamScanner

Ở vùng Hà-đông tá điền phần nhiều cũng phải nộp địa tô cho địa chủ bằng tiền. Trong mấy năm khủng hoảng dữ, phải chồng một mẫu 6đ00 đến 7đ00. Năm nay (1937) giá thóc cao phải chồng đến 10đ00.

Ở Quảng-nam, mỗi mẫu tá điền phải nộp cho địa chủ 15đ00; mà lợi tức cả năm được độ 30đ00. Ruộng tốt, lợi tức hàng năm được 50đ00 thì phải nộp 25đ00.

Tóm lại, ở Việt-nam có đủ các hình thức bóc lột địa tô theo lối *tiền tư bản:*

1. *Địa tô lao động,* tá điền phải nộp bằng sức lao động,

2. *Địa tô hoa lợi,* tá điền phải nộp một phần hoa lợi,

3. *Địa tô tiền,* tá điền phải nộp một số tiền.

Ngoài địa tô chính thức, tá điền còn phải nộp cho địa chủ những khoản mà ta có thể gọi là địa tô phụ thuộc. Ở Thái-bình, có nơi, khi mới bắt đầu nhận ruộng cấy rẽ, tá điền phải nộp cho địa chủ mỗi mẫu 2đ00 hoặc 3đ00 tiền khất canh. Đến mùa lúa chín lại phải nộp cho địa chủ 0đ50 gọi là tiền trình gặt. Ở Phúc-yên[1], có nơi, quản ấp còn bắt điền tốt phải nộp thuế trâu mỗi năm 1đ00 gọi là tiền đầu trâu. Ở Vĩnh-yên[2], gặp khi nhà địa chủ có giỗ, tá điền phải nộp một phương gạo (40 đấu gạo).

Ở nhiều vùng thuộc Bắc-kỳ, tá điền cứ đến ngày giỗ, ngày chạp, phải kéo nhau đến nhà chủ ruộng hầu hạ không công. Ở Vĩnh-yên có làng đến mùa tá điền phải làm hầu địa chủ mỗi mẫu 4 ngày. Trong 4 ngày ấy địa chủ chỉ cho cơm, chứ không trả công xá gì hết. Đó cũng là một thứ địa tô phụ thuộc. Tá điền khi đến nhà địa chủ phục dịch, tự coi mình như là đầy tớ; có khi

---

(1) Phúc-yên, đồn điền Đỗ-đình-Thông.
(2) Vĩnh-yên, đồn điền Trần-minh-Thu.

Được quét bằng CamScanner

bọn địa chủ chửi mắng, đánh đập mà họ đành phải chịu nhẫn nhục, nếu không địa chủ rút ruộng ra thì không biết lấy gì sinh nhai.

« Ở Nam-kỳ cũng như ở Bắc-kỳ, chủ điền bắt tá điền phải làm xâu theo tục đời phong kiến truyền lại, mà phải lễ những ngày tư ngày tết. Kìa như anh Nga, tá điền của ông Hương-Yên ở Vĩnh-kim-đông (Mỹ-tho) phải trả 120 giạ mà gặt chỉ được có 230 giạ. Mỗi lần tết phải đem lễ chủ điền 4đ00, hai giạ gạo, một cặp vịt. Lại còn phải làm thêm 15 ngày công mỗi năm. Ở Thanh-nhất gặt 170 đến 190 giạ, tá điền phải đóng 100 giạ lúa, nạp 10đ00 lễ và một cặp vịt. Ở chợ Giồng (Mỹ-tho) lúa tạ 100 giạ, còn phải thêm 5đ lễ và 10 ngày công. Cũng ở Mỹ-tho, muốn mướn ruộng của một ông hội đồng địa hạt có danh kia, phải đi lễ 10đ00 và làm một tháng công. Ở vài nơi trong hạt này, tiền lễ Tết lại cao đến 25 hoặc 30 đồng ».(1)

Tóm lại, cách bóc lột địa tô ở ta còn nhiều tính chất phong kiến ; bọn địa chủ có ruộng cho cấy rẽ, cắt họng dân cày lấy địa tô chính, địa tô phụ, mà còn tự vênh vang cho mình là nhân đạo, cứu dân nghèo ; họ không biết rằng chính họ là trùng ăn bám dân nghèo ; khác chi con giun, con sán trong ruột người ta. Cái « phú quý » của họ chẳng qua là cái nấm mọc trên đống phân bóc lột !

Bây giờ ta thử xem lợi tức của một mẫu ruộng trung bình là bao nhiêu và tá điền được bao nhiêu ? Trước hết ta phải nhớ rằng địa chủ chỉ có ruộng, tá điền nhận ruộng cày cấy từ lúc ruộng còn trơ đất, đến lúc có hạt thóc, bao nhiêu phí tổn về cày bừa, bón xới, tá điền

---

(1) Trích trong bài « Tình cảnh nông dân » đăng trên báo *Đuốc nhà Nam*.

Được quét bằng CamScanner

phải chịu hết. Ví dụ: làng Thanh-vân (Vĩnh-yên) mỗi mẫu đến mùa gặt được 50 thùng trung, giá bán đi được 25đ00 thì tá điền phải chịu phí tổn tính ra tiền là gần 12đ00, chia ra như sau :

Cày	:	2đ00
Bừa	:	1đ00
Cấy	:	0đ80
Tát nước, cào cỏ	:	2đ00
Phân	:	2đ50
Gặt	:	2đ50
Lễ	:	0đ50
Tổng cộng :		11đ30

Với 25đ00 lợi tức, phải trả cho địa chủ một nửa là địa tô, còn 12đ50, trừ 11đ30 phí tổn mỗi mùa mỗi mẫu được 1đ20; xem thế đủ biết cảnh người nông dân tá điền cũng không hơn tình cảnh người cố nông mấy.

CHO VAY NẶNG LÃI

Cho vay nặng lãi là một cái nạn nó dằn vật dân cày ; không một hạng dân cày nào tránh khỏi nạn ấy. Vì sao? Vì một lẽ rất giản dị là dân cày sau khi trả địa tô cho địa chủ không còn đủ để nuôi sống cho mình và cho vợ con mình, đó là chưa kể những chi tiêu về làm ruộng, như mua phân bón, thuê trâu, v.v...

Ở nhà quê, ta thường thấy tháng ba ngày tám khi xa mùa và trong vụ thuế dân cày phải đâm đầu đi vay.

Nhà giàu có nhiều cách cho vay nợ lãi, có thể tóm lại thành hai cách chính : một là cho vay bằng hoa lợi, hai là cho vay bằng tiền.

Hạn cho vay thóc chỉ trong một thời gian là 6 tháng, chứ không phải một năm, có khi chỉ ba bốn tháng phải

Được quét bằng CamScanner

trả. Ở làng Hà-cát, huyện Giao-thủy (Nam-định), địa chủ có lệ tháng Hai cho vay 10 thùng, tháng Mười phải trả 15 thùng, lãi 50%. Ở Vĩnh-yên, Thái-bình, người ta còn cho vay lãi 100%. Vì giá thóc gạo lên xuống không chừng, thường thường ngày dưng thóc kém, ngày mùa thóc hơn; muốn tránh những sự thiệt thòi do giá thóc lên xuống, chủ nợ bắt người vay thóc phải trả bằng tiền. Ví dụ: cuối năm 1936 cho vay 10 thùng thóc, giá là 5đ00 (mỗi thùng 0đ50) đến mùa phải trả 7đ50. Nhưng vì ngày mùa giá thóc hơn, chỉ có 0đ30 một thùng, cho nên người vay trả 7đ50 tức là 25 thùng. Như thế là lãi những 150%, chứ không phải 100%, thế mà người mắc nợ có khi còn phải van chủ nợ xin họ lấy thóc cho, để khỏi mất công đem đi chợ bán.

Người chủ nợ vít thóc vào kho, đợi khi nào thật kém mới bán ra. Chỉ chết dân nghèo ăn đong phải chịu thiệt. Cuối năm ngoái, thóc bắt đầu kém là họ vít thóc lại liền, đến nỗi trong vòng hai ba tháng mà giá thóc cao lên đến 160% [1].

Ở Quất-lâm (Nam-định) có phường cho vay thóc. Phường này là một tổ chức bóc lột bằng cách cho vay nợ lãi. Họ có rất nhiều thủ đoạn cho vay cắt họng. Ví dụ: cho vay ngô, thùng bằng gỗ, đến lúc trả phải trả bằng thùng sắt tây (thùng dầu hỏa), thùng này cố nhiên to hơn thùng gỗ.

Thường thường cho vay một thùng lấy hai thùng, lãi 100%. Năm 1936, phường buôn nợ ở Quất-lâm cho vay 1đ00, đến mùa bóp người vay lấy 10 thùng thóc. Muốn cho người vay khỏi quỵt nợ, họ tổ chức một bọn lâu la làm khách nợ đi đòi. Lôi thôi, chậm trả thì họ liền thượng cẳng tay, hạ cẳng chân, phá nhà, lấy đồ vật. Ở Nam-kỳ,

---

(1) Ở Miền Bắc Trung-kỳ giá thóc từ 0đ25 lên 0đ95.

người ta tính ra bọn đại địa chủ cho tá điền vay thóc, lấy lãi trung bình 6 tháng là 100%. Người ta xem sổ kế toán một đồn điền Nam-kỳ năm 1936 thì thấy 11.463 giạ lúa cho tá điền vay trong một mùa có lợi đích xác là 11.463 giạ [1].

Ở Bắc-kỳ có cách cho vay trâu, người chủ nợ gán trâu già, hoặc trâu gầy cho người vay, bắt viết văn tự thành tiền, cố nhiên là giá trâu do chủ nợ định. Họ bắt chẹt, định giá trâu một cách quá đáng; người vay nợ đem trâu về không làm được việc, đem bán cho lò mổ chẳng được bao nhiêu đồng.

Cho chịu công non là một cách bóc lột nợ lãi rất nặng mà bần cố nông thường phải chịu. Như trên kia chúng tôi đã nói qua, ngày dưng dân nghèo không có gì ăn, phải đến chịu công non ở nhà phú nông, địa chủ. Một vài ví dụ: năm 1936 ở làng Hạ-cát một người dân nghèo đến nhà giàu vay 1 đ 00, phải hứa đến mùa làm 15 ngày công, ăn cơm một bữa. Như thế đã là nhẹ, vì mấy năm trước vay 1 đ 00 phải trả những 20 công. Đáng lẽ không phải chịu công non thì đến mùa làm 15 ngày được 2 đ 70. Mùa tháng mười năm 1936, ở vùng này công 0 đ 18 một ngày, như thế là người chịu công non đã vay nợ lãi 170 %.

Có khi dân nghèo vay hai thùng thóc, đến mùa phải gặt cho chủ nợ một mẫu; lại có khi (1936) địa chủ cho vay một thùng rưỡi thóc, theo thời giá chỉ đáng 0 đ 50, xong mùa người có nợ phải cày một mẫu ruộng. Nếu không chịu công non thì được 1 đ 20, như thế là chịu lãi 140 %.

Ở Nam-kỳ, bần nông thường phải chịu công non, gần đến mùa họ kéo đến miền Long-xuyên để chịu công.

---

(1) Theo *Đuốc nhà Nam* — 1936.

Không may đến nơi lúa chưa chín hẳn, hoặc nước sông lên cao quá, chưa gặt được, họ phải đợi. Nhưng lấy gì ăn? Họ đành phải đến nhà địa chủ chịu công non. Đáng lẽ được một ngày 4 cắc (hào) thì họ chỉ được 3 cắc.

Cách cho vay tiền cũng quá tệ. Thường thường phải có nhà, đất, ruộng, vườn mới đủ cho chủ nợ tin mà cho vay hàng trăm, hàng chục. Lãi hàng năm thường phải trả từ 84% đến 120%. Trước hồi kinh tế khủng hoảng, cho vay 1đ00 trong một tháng, mỗi ngày người vay phải góp 5 xu. Hiện nay cho vay 1đ00, người ta bắt mỗi ngày góp 4 xu.

Ở nhà quê, về vụ thuế người ta cho thuê bạc, cứ 1đ00 mỗi ngày lãi 5 xu. Một đôi nơi gần chợ, vợ con địa chủ cũng dùng cách cho thuê bạc này để lấy lời. Vợ con dân cày cần tiền đi chợ mua bán, đành phải cắm đầu đi thuê bạc. Họ chịu lãi đồng niên là 1.800%.

Báo Đuốc nhà Nam thuật một chuyện khá ngộ nghĩnh: ở đồn điền Gờ-rét-xi-ê (Gressier), tá điền phải may một cái màn cho trâu; Gờ-rét-xi-ê cho tá điền vay 5đ00 để may cái màn ấy, tính đến mùa phải trả 25 giạ lúa. Mướn hai con trâu của chủ, tá điền phải trả từ 80 đến 500 giạ. Trong đồn điền Gờ-rét-xi-ê bao giờ giạ lúa cũng tính là hai cắc mà hiện nay (3-1937) trên thị trường giạ lúa chạy từ 5 cắc đến 8 cắc.

Nói đến cách cho vay nợ lãi, ta không nên quên cách cho vay chiếm ruộng của bọn tư sản buôn bán đầu cơ ở thành phố. Bọn này có nhiều mối liên hệ với dân quê. Họ cân thóc, gạo, ngô, đỗ, giao thiệp với dân cày để trục lợi. Dân cày thiếu tiền chạy lên vay họ dăm ba chục, một vài trăm. Họ bắt viết văn tư và lấy lãi cho thật nặng. Qua năm ấy sang năm khác, lãi đập lên vốn, đến sau không trả được nợ, phải gán ruộng cho họ.

Do cách này mà những tỉnh như Nam-định, Thái-bình có nhiều nhà buôn ở thành phố đã thành địa chủ một cách mau lẹ; họ choán đất rất dễ dàng. Con đường làm giàu của họ là từ tiểu tư sản thương nghiệp bước sang tư bản trọng lợi, rồi từ tư bản trọng lợi chạy qua địa chủ, thâm nhập thôn quê. Thủ đoạn làm giàu của họ là buôn hàng, buôn tiền (mà tiền cũng là một thứ hàng) và bóc lột địa tô. Họ vừa có hiệu buôn vừa có ruộng lúa.

Ở nhà quê các nhà giàu thường dùng cách cầm đồ để lấy lãi. Ví dụ: một cái áo đoạn đáng giá 6đ00, chưa mặc được bao lâu người có áo túng tiền phải mang cầm cho nhà giàu, họ chỉ trả cho 1đ00 lãi 10 phân một tháng. Hạn cầm trong hai tháng, quá hạn một ngày hay một buổi không chuộc là mất toi cái áo. Cứ đến vụ thuế hoặc vào hồi tháng ba ngày tám, nạn cầm đồ ở thôn quê rất thịnh hành: mâm, nồi, xanh, chảo, quần áo, bát đĩa, đồ thờ đồ tự, đến khi túng là đem cầm ráo! Quá hạn không lo kịp đành chịu bỏ.

Bây giờ ta cần phải hỏi: bọn địa chủ tại sao cho vay không kiêng nể pháp luật, dám lấy nặng lãi quá như thế? Họ đã có thủ đoạn đối phó rất quỷ quyệt. Ví dụ: tên X cho tên Y vay 100đ00 thì bắt viết thành 150đ00. Trong văn tự bao giờ cũng thêm mấy chữ: «Đến hạn người chủ nợ nhận vốn, lãi y như cựu lệ» nghĩa là như pháp luật đã định là 3%, nhưng sự thật họ đã ăn lãi đứt đi 50 phần trăm ngay từ khi viết văn tự.

Cách thứ 2: tên A vay tên B 400đ00, lãi 36%; trong một năm 400đ00 kia đẻ ra lãi là: $\frac{400 \times 36}{100} = 144đ.$ Người chủ nợ khấu luôn 144đ00, chỉ đưa cho người

Được quét bằng CamScanner

vay có 400 — 144đ = 256đ. Tuy nhiên, trong văn tự vẫn phải biên 400đ00. Thật ra lãi không phải 36%, mà là : $\frac{144 \times 100}{256} = 56\%$.

Cách cho vay nợ lãi như thế, thoát được pháp luật, mà thật là cửa cổ dân cày. Trong văn tự có khi chủ nợ bắt gán nhà, gán đất, đợ ruộng, đợ vườn, đến hạn không trả sẽ mất toi những của bảo đảm đó. Vì văn tự đã đem trước bạ, nếu lôi thôi chủ nợ đem ra tòa.

Biết bao nhiêu nhà có nợ địa chủ, trước còn đợ ruộng, đến mùa chồng thóc, cứ trả lãi mãi không hết được vốn, đến sau phải đem gán hẳn ruộng cho chủ nợ. Bao nhiêu của cải về tay quân hút máu, hút mủ hết. Bọn chủ nợ mỗi ngày một giàu có, vênh vang mặt mũi với bà con; thật là một bầy đỉa độc vùng vẫy trong vũng nước tanh hôi mà vẫn lấy làm khoái!

Ở Tả-hành (Thái-bình), tá điền vay nợ đến mùa không trả được, chủ nợ cắm ngay lấy ruộng. Thật là tàn nhẫn. Một năm không trả được nợ, thì lại đập vào vốn; chủ nợ cứ thế tính mãi lên: lãi mẹ đẻ lãi con. Thành ra giữa chủ nợ và người vay có một mối quan hệ về nợ liên miên không rứt, người có nợ cứ phải hầu hạ, quỵ lụy, van lơn chủ nợ, mồng năm ngày Tết phải tết chủ nợ. Cách cho vay nợ lãi đã làm cho người dân cày thành một kẻ nô lệ của chủ nợ.

Nếu người vay nợ không khéo chiều chuộng chủ nợ thì đến năm sau túng thiếu không hòng vay được một hột thóc, tất nhiên phải đói hoặc không lấy gì sắm sửa nông cụ để làm ruộng. Tình hình ấy bắt buộc người vay nợ phải xu phụ người chủ nợ. Không những thế, nếu không làm vừa ý chủ nợ, sẽ bị chủ nợ giở thủ đoạn tàn nhẫn ngay: họ sai đốc thôi khách nợ đến nhà chửi bới, nói cho rát mặt, xách nhiễu cơm rượu, tiền hành lý. Có

Được quét bằng CamScanner

khi khách nợ vác cả bàn đèn đến, nằm dài ra đòi thuốc phiện là khác. Nếu đụng đến khách nợ thì lôi thôi to; nó lấy mảnh sành rạch ngay trán, nằm ăn vạ, kêu gào làng nước, vu cho mình đánh nó. Chủ nợ biện chè cho chánh, phó lý đến làm biên bản. Lúc đó chỉ còn có một nước là kẻ vay nợ vào nằm nhà đá!

Nói đến cách cho vay nợ lãi, ta chớ nên quên cách bóc lột của *Nông phố ngân hàng* và *Nhà cầm đồ*. Hai tổ chức này lập ra nói là để cứu dân khỏi nạn cho vay cắt họng ở thôn quê, nhưng sự thật nó chỉ làm cho một số ít dân quê đỡ phải vay nợ lãi quá nặng, chứ không thể cứu dân khỏi nạn cho vay cắt họng được. Bởi vì chính những tổ chức đó, nhất là Nông phố ngân hàng, cũng chẳng qua là những cơ quan bóc lột nợ lãi.

Nông phố ngân hàng là một tổ chức buôn bạc của bọn đại tư bản và đại địa chủ. Chúng vào cổ phần với nhau, lập thành vốn, cho vay ở các tỉnh, được chính phủ cầm đầu và ủng hộ.

Lãi cho vay ở Nông phố ngân hàng không nhất định. Ở Hà-đông 1%; ở Hưng-yên gần 10%. Như thế đối với cách cho vay ở nhà quê còn nhẹ hơn nhiều. Ngờ đâu muốn vay của Nông phố ngân hàng phải chịu bao nhiêu phiền phức và tốn phí, nó làm cho cái lãi 10% thành 20%, 30% hoặc hơn nữa. Người vay Nông phố ngân hàng phải có ruộng đất làm bảo đảm. Trước hết, phải cho tiền lý trưởng và chưởng bạ họ làm giấy nhận cho mình có ruộng đất, rồi đến ngày lên Nông phố ngân hàng lĩnh tiền, phải chịu tiền lộ phí và tiền chè lá cho lý trưởng thì lý trưởng mới chịu đưa lên, vì Nông phố ngân hàng bắt buộc lý trưởng phải có mặt để chứng nhận, trong khi kiểm soát giấy tờ, văn tự về ruộng để bảo đảm và trong lúc giao tiền cho người vay.

Được quét bằng CamScanner

Ta hãy nghe lời than phiền của một người dân quê vay nợ Nông phố đủ rõ cách cho vay và cách đòi nợ của nó như thế nào:

«Tôi đem văn tự ruộng của tôi làm bảo đảm để vay nhà Nông phố ngân hàng số tiền là 80đ00. Người ta trừ ngay đi 10đ00 lãi đồng niên và tiền bút chỉ[1], rút lại chỉ nhận được có 70đ00. Từ đó mất mùa và thóc hơn thành ra tôi chỉ đủ nộp thuế và không sao trả nợ ngay được.

«Sang năm 1935, nhà Nông phố ngân hàng nhờ quan sở tại sức bắt tôi phải trả nợ trong hạn hai năm là 116đ60 (cả vốn lẫn lãi), một nửa trả năm 1935, một nửa trả năm 1936.

«Đến năm 1936, tôi đã trả tất cả là 75đ00. Thế là tôi chỉ còn nợ Nông phố ngân hàng có 41đ60. Số tiền ấy tôi phải trả nội trong năm 1936, cuối năm là hết hạn.

«Ấy thế mà ngay từ đầu tháng 11 năm 1936, Nông phố ngân hàng đã kiện tôi về tội nợ đến hạn không trả, như thế là kiện trước hạn một tháng.

«Ngày 26 tháng chạp, nhân ốm, tôi có nhờ lý trưởng lên tỉnh trả nhà Nông phố cho tôi 42đ00. Nhưng không ngờ gặp ngày lễ, nhà Nông phố đóng của. Mãi đến mồng một tháng giêng năm 1937 lý trưởng làng tôi mới nộp được số tiền ấy.

«Như vậy là tôi đã nộp thừa 4 hào: thế mà tòa án Thái-bình còn bắt tôi trả 8đ00 lãi cho nhà Nông phố và 5đ00 án phi. Vì tôi không có tiền trả ngay 13đ00 ấy, nhà Nông phố không chịu đưa giấy biên lai và văn tự nợ cho tôi.

«Tôi chậm trả nợ 3 ngày là vì gặp ngày lễ mà tôi không biết, chứ không phải tôi muốn thế, vả nợ của tôi

---

(1) Tức là tiền phí tổn về giấy bút. *(B.T.)*

Được quét bằng CamScanner

mãi đến 31-12-1936 mới hết hạn, chứ không phải tháng 11. Bởi vậy tôi thiết nghĩ có quyền không trả 8đ00 lãi phụ kia và đòi văn tự nợ nhà Nông phố ngân hàng hiện đương giữ.

«E rằng đến mùa sắp tới, nhà Nông phố ngân hàng sẽ kiện tôi, nên tôi phải vội phân trần mấy lời này, mong các nhà hữu tâm can thiệp đến.

V. ký» (1)

Ở Thái-bình có khi xảy ra nạn cắm ruộng lấy nợ cho Nông phố ngân hàng. Đến hạn không trả, Nông phố ngân hàng yêu cầu quan sức cho chánh, phó lý đem tuần ra cắm lấy ruộng người vay nợ; thuê người gặt bán đi, lấy tiền trả cho Nông phố. Ví dụ: 1 mẫu 40 gánh lúa, chức việc trong làng ăn đi 10 gánh, tuần phu ăn đi 5 gánh, còn 25 gánh bán đi trả nợ. Có nơi ở Bắc-ninh người ta còn bỏ tù người có nợ Nông phố nữa. Ta xem đó thì biết:

1. Nông phố ngân hàng là một tổ chức có tính chất bóc lột nặng lãi tuy nó lấy lãi nhẹ hơn bọn địa chủ ở thôn quê.

2. Do những giấy tờ phiền phức của nó, người vay phải chịu lãi cũng khá nặng.

3. Do điều kiện phải có ruộng đất, nhà cửa làm bảo đảm, cho nên nó chỉ lợi cho bọn địa chủ hoặc phú nông khi cần tiền phải vay; còn đối với bần cố nông không lợi chút nào.

4. Nông phố ngân hàng ỷ thế Nhà nước đỡ đầu, làm lắm việc lạm quyền vô lý.

---

(1) Rút trong một bức thư gửi cho nhà báo của Đảng hồi Mặt trận bình dân (1936-1939).

Được quét bằng CamScanner

Tóm lại, Nông phố ngân hàng hiện nay không có lợi cho đa số dân cày, lại còn làm cái ngòi những nhiễu dân cày nữa.

Còn Nhà cầm đồ ? Nhà cầm đồ lấy lãi nhẹ hơn nhà giàu cầm đồ ở thôn quê. Nhưng không khỏi có chỗ bóc lột. Ví dụ : ngày 27 tháng này đến cầm đồ, Nhà cầm đồ cũng bắt phải chịu lãi cả tháng. Đó là một điều vô lý. Chậm một ngày không đến chuộc hoặc đến thay vé lá mất toi. Chính phủ đối với Nhà cầm đồ thường hay dung túng, không có pháp luật hạn định việc cho vay, cũng như nó dung túng cho Nông phố ngân hàng. Ở Sài-gòn, năm 1930 Nhà cầm đồ lấy lãi 2%, nay rút xuống 1%. Ở Bắc-kỳ, hiện nay Nhà cầm đồ Hà-nội vẫn lấy lãi 2%, còn các tỉnh khác lấy 5% đến 6%.

Nông phố ngân hàng và Nhà cầm đồ cứ nhè dân chỗ nào ngờ nghệch và túng thiếu, cần đến họ là họ lấy lãi cao. Cách buôn bạc của họ cũng như các thứ buôn khác cũng tùy theo luật cung cầu trên thị trường mà bóc lột.

SƯU CAO THUẾ NẶNG

Sau địa tô và nợ lãi thì sưu thuế là cái ách thứ ba nó đè lên cổ dân cày. Trước hết hãy xét thuế trực thu.

Tạm lấy chế độ thuế khóa ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ làm căn cứ, ta xét thấy chế độ ấy có nhiều cái bất công và vô lý ! Nếu thuế khóa là cái thước đo sức khỏe của một nền kinh tế thì ta phải nhận rằng Đông-dương đang trải qua một thời kỳ nguy kịch.

Hãy ngó qua lịch sử : cuộc biểu tình của dân cày năm 1908 ở Quảng-nam, Quảng-ngãi chẳng phải đã theo khẩu hiệu giảm thuế đó sao ? Những cuộc dân cày đấu tranh suốt các năm 1929 — 1930 — 1931 cũng không

Được quét bằng CamScanner

ngoài nguyên nhân sưu thuế nặng nề, quan nha, kỷ hào và nhà Đoan ức hiếp. Mà ngay bây giờ đây dân cày tham gia vào phong trào quần chúng một phần cũng để đòi giảm thuế.

Thuế trực thu chia ra làm hai thứ :

1. Thuế đinh,
2. Thuế điền.

Thuế đinh.— Thuế này bổ vào đầu những người từ 18 tuổi đến 60 tuổi. Ở Bắc-kỳ căn cứ theo chỉ bài thì thuế đinh mỗi người phải đóng 2đ25 và ở Trung-kỳ 3đ00. Ở Nam-kỳ, thuế đinh chia làm hai hạng : người giàu, hạng hữu sản, phải đóng 5đ50, còn người nghèo hạng vô sản, phải đóng 4đ50 (1)

Xét lịch sử phương Tây, đời phong kiến cũng có thuế đinh gọi là thuế đầu người (capitation). Người Gô-loa (Gaulois) đã phải nộp thuế này cho Nhà nước. Người Ga-lô Rô-manh (Gallo-romains) về thời đại dân tộc Nhật-nhĩ-man xâm lược cũng phải nộp thuế đinh cho giống Bác-ba (Barbares) và giống Phơ-răng (Francs). Đời nhà Đường bên Trung-quốc có một thứ thuế gọi là *thuế dung*, xét ra cũng là một thứ thuế thân. Ở nước ta, về đời vua Phế-Đế nhà Trần, niên hiệu Xương-Phù năm thứ hai, mỗi người phải nộp thuế đinh là 2 lõi tiền cho nhà vua (2).

Xét về nguyên tắc, thuế đinh là một thứ thuế đánh vào đời sống của nhân dân. Nhưng nhà vua thường coi

---

(1) Sự thật ít người được hưởng lệ nộp thuế vô sản. Bọn kỷ hào cứ tùy ý cho ai là vô sản thì người ấy được nộp 4đ50. Có nhiều người nghèo xác nghèo xơ mà họ không cho là vô sản cũng vẫn phải đóng 5đ50 như người giàu.

(2) Phan-huy-Chú : Lịch triều hiến chương loại chí.

Được quét bằng CamScanner

cái đời sống của dân là thuộc quyền sở hữu của mình, nên bổ thuế đinh bắt dân phải nộp, họ coi đó là một sự công bằng và tự nhiên lắm.

Thuế đinh trải qua các đời vua có thay đổi nhiều. Đến đời Tây-sơn, Nguyễn-Huệ thống nhất Bắc Nam, hy vọng thành lập một đội quân rất mạnh, bèn đặt ra sổ đinh, tính nhân đinh trong nước đến tuổi phải ra lính và muốn cho dân khỏi lậu, bắt mỗi người đinh tráng đến 18 tuổi phải đeo thẻ tùy thân. Người nào nộp thuế, có thẻ thì như là mình đã làm trọn bổn phận là thần dân của nước. Từ 1884, chính phủ bảo hộ thành lập, lợi dụng ngay cách đánh thuế đinh và phát thẻ tùy thân của chế độ phong kiến Việt-nam làm một lợi khí xoay tiền cho công quỹ và kiểm soát dân đinh.

Đem so sánh thuế khóa của xã hội phong kiến Việt-nam với thuế khóa hiện thời, ta thấy cái gánh thuế thân ngày nay đè lên vai dân nặng hết sức, dân kêu than không chịu nổi là phải lắm! (1)

Thuế đinh ngày nay đánh đồng loạt kẻ giàu người nghèo; từ người dân đen vô sản, khố rách áo ôm, đến tụi địa chủ, tư sản, ô-tô, nhà lầu, ai cũng phải nộp

---

(1) Phan-huy-Chú — Lịch triều Hiến chương loại chí: Dưới đời Trần Phế-Đế, một người dân chỉ phải nộp hai lõi tiền kẽm.

Đến đời Lê-thánh-Tôn, niên hiệu Hồng-Đức, mỗi người nộp tám tiền.

Đời Lê-thịnh-Đức đánh một thứ thuế gọi là «Quỹ tiền», mỗi người phải nộp một quan tám tiền. Người làm việc Nhà nước chỉ phải nộp một quan hai tiền.

Dưới chế độ bảo hộ, một người dân đinh phải nộp 2đ50, 3đ00. Nếu tính tiền xanh, mỗi đồng là 20 tiền (2 quan) thì thuế đinh ngày nay đã lên tới 5 quan, 6 quan. Lấy giá sinh hoạt làm tỷ lệ sẽ biết thuế ngày nay nặng hơn trước thế nào? (Về chỗ này chúng tôi chưa đủ tài liệu tra cứu; tạm thời xin miễn giải thích).

Được quét bằng CamScanner

bằng nhau; đó là một điều bất công hết sức! Thuế thân là một mối lo sợ hàng năm của nhân dân. Dân quê đến vụ thuế là đỗ nhào đi vay nhà giàu, chịu lãi nặng, vay Nông phố ngân hàng hoặc có thóc thì bán thóc. Rẻ mấy cũng phải bán đặng nộp thuế cho xong xuôi. Cầm cố nồi xanh, quần áo để nộp thuế. Có khi nhà nghèo quá, thuế đến dít phải bán con [1]. «Bán vợ đợ con, nộp thuế cho Nhà nước» là một câu thành ngữ trong dân gian.

Lấy ngay một vi dụ dích xác: năm ngoái ở Thái-bình, làng Đông-vệ, một nhà phải bán cả bàn thờ ông vải đi để nộp sưu thuế. Mấy năm về trước khủng hoảng dữ, ở Thái-bình, đến vụ thuế người ta thấy tại các chợ nhà quê bày la liệt những quần, áo, xanh, nồi, lư hương, đèn nến, v v... Dân quê chạy thuế quên cả những nhu cầu trong gia đình, còn nói chi đến bổn phận mà người Tây lấy làm thiêng liêng đối với nhân dân Việt-nam là thờ phụng tổ tiên nữa?

Nhà giàu lợi dụng vụ thuế cho nợ, mua rẻ; họ đong thóc 0đ30 một thùng mà chỉ ít bữa xong vụ thuế, họ bán ngay lại được 0đ50, làm giàu trông thấy!

Dân cày nghèo phải vay nợ, cầm cố, bán cả đồ thờ ông vải, đợ cả con mà nộp thuế. Như thế cũng còn là may, vì có nhiều người đến cửa nhà giàu van lạy cũng không vay được, đành phải ỳ ra, mặc sức cho cường hào hành hạ. Ai đã được chứng kiến những cách khảo dân lấy thuế cũng phải lấy làm phẫn uất. Tỉnh đưa chỉ bài về cho huyện, huyện giao cho lý trưởng; lý trưởng họp Hội đồng làng lại bổ thuế và giao trách nhiệm thu thuế từng nhà cho tộc biểu; tộc biểu cứ chiếu sổ đinh bắt

---

(1) Ở Hà-cát (Nam-định), năm 1934 có nhà phải bán con cho nhà Đạo lấy 3đ00 một đứa để nộp thuế.

Được quét bằng CamScanner

thuế, người nào không có nộp liền bị khổ đến thân ngay. Chánh, phó lý bắt ngay ra đình, gông, cùm, đánh đập, có khi treo kẹp nữa. Bạn đọc có biết họ kẹp thế nào không? Họ lấy một cái cặp bằng tre kẹp lấy những ngón tay, chêm thật chặt, thâm tím, vãi máu ra họ cũng chưa thôi. Làm như thế để người nhà trông thấy thương hại, phải vội lo chạy cho đủ suất thuế. Cách này gọi là «ngũ trảo» (kẹp năm ngón tay). Bọn kỳ hào phải hết sức hành hạ dân đen, lấy cho được thuế, nếu không đến ngày «đăng trình» thiếu thuế, thì chính lý trưởng và có khi cả chánh, phó hương hội cũng bị quan Huyện quan Phủ hành hạ. Nhẹ thì chửi mắng, nặng thì bợp nhĩ, có khi lý trưởng còn bị chôn chân nữa là khác. Ngay vụ thuế năm ngoái, chính sách chôn chân này còn thấy thi hành ở phủ Kiến-xương, Thái-bình.

Các quan Phủ, Huyện phải thẳng cánh đối phó với kỳ hào để lấy cho đủ thuế, nếu không sự trừng phạt sẽ đợi họ ở tỉnh. Địa phương nào thiếu thuế thì các quan Phủ, Huyện bị quan Tỉnh quở trách, cho nốt xấu. Chính phủ bên trên không hiểu tình dân nghèo khổ, cứ hạ lệnh thu cho đủ thuế, rồi cứ dùi đục đánh chàng, chàng đánh gỗ, anh trên hành hạ anh dưới, anh dưới lại hành hạ anh dưới nữa, rút lại chỉ chết anh cùng đinh.

Dân thiếu thuế, cùm kẹp, roi vọt không ra tiền, thì quan đã có cách cho «tha thải», nghĩa là cho lý trưởng đứng tên người thiếu thuế, viết văn tự vay nợ nhà giàu nộp thuế cho dân, rồi dân phải trả sau. Ngoài cách «tha thải» còn có cách cầm ruộng, tịch thu gia sản. Có nơi quan Huyện đi với lính về làng bắt trâu, bò, lợn, gà của dân, bán luôn cho một người lái đi kèm với quan: con trâu đáng giá 30đ00 thì quan chỉ bán rẻ cho lái mươi mười lăm đồng lấy tiền bù vào thuế thiếu. Lắm nhà kêu khóc về cách tịch thu gia sản này, vì họ

Được quét bằng CamScanner

phải chịu vạ vịt. Ví dụ: xóm Nhất có anh Hai, anh Ba và anh Tư thiếu thuế tất cả là 20đ00. Quan về xóm lùng các nhà, bất cứ nhà nào có trâu là quan bắt. Anh Năm không thiếu thuế cũng bị bắt trâu. Sau khi quan đi rồi, dân đâm ra đánh chửi nhau, thù hằn nhau, cũng kệ xác dân, quan không biết đấy là đâu, miễn sao đủ thuế cho Chính phủ bảo hộ là được![1].

Người ta nói: dân chạy thuế quá bằng chạy giặc. Thật vậy, mỗi khi đến vụ thuế là xôn xao làng xóm. Nhiều người cùng khốn không chạy ra tiền, phải bỏ làng trốn đi nơi khác để tránh những sự hành hạ dã man.

Năm 1936, làng Bích-đại, Vĩnh-yên 6 người trốn,
làng Đông-vệ, Thái-bình 7 người trốn,
làng Thanh-vân, Vĩnh-yên 1 người trốn.

Chính phủ cũng biết thế, nên hàng năm sau vụ thuế, ở khắp thành thị và thôn quê, người ta tổ chức những cuộc khám thẻ rất ngặt. Ở các phố, ngã ba, các chợ, bến tàu, bến đò, ga tàu hỏa; nhà quê thì tuần, tỉnh thì cảnh sát cản khách đi đường hỏi thẻ. Họ tổ chức những cuộc vơ vét (rafle) cốt bắt cho tiệt những người trốn thẻ. Trong những cuộc lùng bắt thẻ này, người dân nghèo Đông-dương thật là một con vật chứ không còn là người nữa; có khi có trí khôn như mọi người mà chỉ vì thiếu mấy đồng bạc thuế phải trốn tránh, bị người ta truy nã như truy nã một con ác thú!

Thuế điền.— Thuế đinh là thuế bổ vào đầu người, còn thuế điền là thuế bổ vào ruộng. Thuế đinh thì đồng

---

(1) Mấy năm nay, vì ảnh hưởng của kinh tế khủng hoảng và tai biến tự nhiên, dân nghèo quá, Chính phủ cho từng nơi chịu một phần thuế tháng Năm đến tháng Mười mới phải trả. Song như thế không phải là đã hết được những sự hành hạ nhũng nhiễu về thuế.

Được quét bằng CamScanner

loạt, giàu nghèo đến tuổi phải nộp như nhau (trừ Nam-kỳ). Trái lại thuế điền phải tùy theo ruộng tốt xấu mà cao hạ khác nhau.

Đất đai chia làm hai hạng chính: hạng ruộng lúa và hạng đất trồng mầu. Ruộng lúa gọi là điền, đất trồng trọt và ở gọi là thổ. Thuế điền khác thuế thổ. Ví dụ: năm 1936 ở làng Hành-thiện (Nam-định), thuế đất trong chỉ bài Chính phủ giao cho lý trưởng bổ, chia ra đẳng hạng như sau:

a) Điền: (1)	*Thuế:*
Nhất đẳng điền	1đ90
Nhị đẳng điền	1đ50
Tam đẳng điền	1đ00
b) Thổ:	*Thuế:*
Nhất hạng thổ	3đ30
Nhị hạng thổ	1đ00
Tam hạng thổ	0đ50
Tứ hạng thổ	0đ17
Ngũ hạng thổ	0đ02

Mục đích sự phân chia thuế điền thổ thành đẳng hạng khác nhau là cốt làm cho việc bổ thuế được công bằng: ruộng xấu nộp thuế hạ, ruộng tốt nộp thuế cao. Ví như ruộng một mùa cho vào nhị đẳng hay tam đẳng điền. Ruộng trồng màu cho vào nhất nhị hạng thổ; còn đê và sông cho vào ngũ hạng thổ. Thoạt xem tưởng như thế là công bằng lắm. Ngờ đâu cách phân chia ấy chỉ là giả dối và chỉ có hình thức bề ngoài. Ta hãy xem tại sao.

Ở Trung-kỳ chế độ thuế đinh do chỉ dụ nhà vua ban hành ngày 15 tháng Tám năm 1898. Theo chỉ dụ ấy,

---

(1) Ở Trung-kỳ thuế điền chia ra 4 hạng: nhất đẳng điền 1đ50, nhị đẳng điền 1đ20, tam đẳng điền 0đ80, tứ đẳng điền 0đ60.

Được quét bằng CamScanner

ruộng đất chia làm 4 hạng hoặc 6 hạng. Nhưng sự phân chia đó tuyệt nhiên không căn cứ vào giá trị sản lượng và năng suất và lợi tức của ruộng đất, như ở Pháp chẳng hạn, mà theo chỉ dụ thì « những ruộng đất ở Trung-kỳ chia thành đẳng hạng không phải theo giá trị và lợi tức của nó khác nhau, mà chính là « nhờ hồng ân của tiên tổ » (!)

Nguy cơ chính là ở chỗ các tổ tiên ta chia đẳng hạng không căn cứ vào giá trị và lợi tức ruộng đất. Dù khi các cụ mới bắt đầu phân chia ruộng đất có căn cứ vào giá trị thực của ruộng đi nữa, ta cũng không nên quên rằng trong khoảng thời gian từ đó đến nay ruộng đất thay đổi đã nhiều, có ruộng khi trước tốt mà nay thành xấu. Vậy mà cắm đầu theo các cụ, cho các cụ là thần thánh thì bảo sao không có sự hàm hồ được?

Kết quả là ngày nay ta thấy có nhiều ruộng thật xấu mà thuộc về nhất đẳng, ruộng rất tốt lại thuộc về tam đẳng.

Sự phân chia đẳng hạng về ruộng đất đã sai thì sự bổ thuế theo đẳng hạng ấy cũng không thể đúng được. Chính dân quê cũng biết chỗ đó lắm, cho nên đến vụ thuế cứ tính gộp cả thuế điền lại rồi chia đều, lấy số trung bình mỗi mẫu điền là bao nhiêu, mỗi mẫu thổ là bao nhiêu rồi theo đó bổ cho các nhà có ruộng đất Cách đó gọi là « nhất tam quy nhị ».

Về công điền, một vài nơi dân muốn cho đỡ có sự bất công, đặt ra lệ như sau: trong khi quân cấp ai bắt phần trước thì phải nộp thuế nhất đẳng, ai lấy sau nộp thuế nhị đẳng hoặc tam đẳng. Lẽ tất nhiên người bắt phần trước nhận phần ruộng tốt. Song đó chỉ là những phương pháp tạm thời bổ cứu về thuế điền thổ; bổ cứu một cách vô hiệu, vì xảy ra có sự bất đồng ý kiến về quân cấp công điền trong nhân dân thì phương pháp đó lại không thể thực hành được nữa.

Được quét bằng CamScanner

Cách phân chia ruộng đất theo đẳng hạng đã gây ra nhiều sự nhũng lạm trong việc bổ thuế. Bọn kỳ hào muốn thu cho nhiều thuế để dễ ăn bớt, ăn xén; bọn quan nha, muốn cho thuế nộp dồi dào để mua chuộc lòng yêu chuộng của quan trên; chính phủ muốn tăng thuế ruộng đất để làm giàu công quỹ. Ai nấy đều có cách thần diệu và mau chóng để tăng thuế. Họ thực hành phương pháp «gia đẳng»: đổi nhị đẳng điền thành nhất đẳng điền, tam đẳng điền thành nhị đẳng điền để đánh thuế cho nhiều. Làm như thế chỉ cần một tờ sức của quan là đủ. Dân làng nào lành quá thì bọn kỳ hào cứ niêm yết ra đình rồi «gia đẳng» bừa đi.

Chính vì chính sách «gia đẳng» vô lý này mà dân làng Đông-vệ (Thái-bình) cách 10 năm nay còn chia ruộng làm ba hạng mà ngày nay chỉ còn có một hạng nhất.

Thuế điền còn có một cái tệ nữa là nó không ăn khớp với số ruộng. Nhiều làng ruộng ít mà phải chịu thuế nhiều, thuế chịu không ấy gọi là «thuế không thụ». Chúng tôi xin chứng minh sự quái gở này bằng những con số và những sự việc:

Làng Dũng-nghĩa, Vũ-tiên (Thái-bình) bị lở xuống sông đến ngót 100 mẫu mà dân vẫn phải nộp đủ thuế cho Nhà nước như trước khi chưa lở. Làng Tả-hành (Thái-bình), có 100 mẫu mà phải nộp 127 mẫu. Làng Thanh-vân (Vĩnh-yên) phải nộp 305 mẫu mà thật ra chỉ có 270 mẫu. Làng Vô-song (Thái-bình) nộp 637 mẫu theo chỉ bài mà chỉ có 561 mẫu. Làng Quỳnh-đôi (Nghệ-an) có 618 mẫu mà Nhà nước cứ đánh 911 mẫu. Đó mới là mấy cái ví dụ trong trăm, nghìn cái.

Vì sao có nạn «không thụ»? Vì mấy lẽ như sau:

1. Ruộng gần sông lở đi, dân khai, nhưng Nhà nước không giảm thuế (như trường hợp làng Dũng-nghĩa và nhiều làng khác ven sông Hồng, v.v...).

Được quét bằng CamScanner

2. Có nhiều chỗ đất hoang gần rừng núi không cày cấy được, nhưng chính phủ cứ đánh thuế bổ vào đầu dân lân cận (như trường hợp làng Đông-vệ).

3. Do gian lận trong khi đạc điền, nhằm mục đích bắt dân chịu thêm thuế (nhiều nơi).

Dân chịu «khống thụ» như thế cứ im sao? Không, họ cũng cựa rẫy nhiều đấy, khốn nỗi xiềng xích chặt quá, nào có được! Ấp Kiên-hành lở xuống sông mất một phần ruộng. Dân làm đơn xin chính phủ cho miễn thuế những nơi ruộng lở ấy, nhưng xin nhiều lần quan cứ làm lơ đi, mãi sau dân kêu nhiều, rát mặt quá, quan mới miễn cho; nhưng muốn cho công quỹ khỏi hao hụt, quan trên sức cho kỳ hào thi hành phương pháp «gia đẳng»: những đất thuộc tam, tứ hạng thổ bị liệt thành điền, chung quy khỏi «khống thụ» mà thuế vẫn phải gánh nhiều như trước! Thật là «đánh bùn sang ao», được tiếng là miễn nạn «khống thụ» cho dân mà chính phủ không thiệt tý nào hết.

Bọn phản động nói: ở Đông-dương dân lậu thuế điền nhiều, chỗ «khống thụ» gánh cho chỗ lậu thuế. Lý luận như thế là lý luận của con sư tử nói chuyện với con cừu. Giả phỏng có chỗ dân lậu được thuế thì lỗi đó không phải tự dân chịu «khống thụ» làm nên. Sao lại để mặc cho dân chỗ này chịu «khống thụ» trả nợ cho dân chỗ kia lậu thuế? Nhưng sự thật mấy năm nay Sở địa chính đã đạc điền lại theo phương pháp mới, làm thế nào dân quê lậu thuế được? Trái lại, biết bao nhiêu làng phải «khống thụ», sao Sở địa chính thấy rõ mà cứ lờ đi?

Sự thật thì chính sách đạc điền chỉ có những kết quả có hại cho dân, chứ không có lợi:

Được quét bằng CamScanner

Kết quả thứ nhất: Dân làng phải nộp tiền mỗi mẫu là 0đ30, lại phải bỏ tiền ra mua thước đồng đo ruộng của Sở địa chính: thước này giao cho chưởng bạ giữ.

Kết quả thứ hai: Mỗi làng bầu một người chưởng bạ, giữ sổ địa bạ, lại thêm một kẻ đục khoét dân, mỗi khi ai tậu bán ruộng nương phải nộp cho chưởng bạ một số tiền là 0 đ 35, do pháp luật thừa nhận. Nhưng chưởng bạ lợi dụng chỗ đó mà bóp nặn dân quê, ruộng bán 30đ00 thì phải cho chưởng bạ ba bốn đồng hoặc hơn nữa.

Kết quả thứ ba: Chỗ nào lậu được thuế thì nay phải nhả ra hết.

Kết quả thứ tư: Chỗ nào «khống thụ» nhiều quá, Sở địa chính không che lấp nổi, hoặc dân làng đòi bỏ «khống thụ» gay gắt quá thì chính phủ thực hành phương pháp «gia đẳng» để giữ nguyên mực thuế cũ.

Kết quả thứ năm: Làng nào làng nấy phải có địa đồ, sổ địa bạ hẳn hoi, rành mạch, ai vay Nông phố ngân hàng không trả được thì tiện cho Nhà nước truy ruộng đất đòi nợ cho Nông phố.

Thật ra không phải vì dân mà đạc điền!

Thuế ngoại phụ.— Bên cạnh thuế đinh và thuế điền chính ngạch, còn những thứ thuế bất thường và ngoại phụ. Ta hãy kể những thứ thuế ngoại phụ thường thấy ở Bắc-kỳ, ví dụ thuế «bách phân phụ thu».

Hiện nay, ở Bắc-kỳ một người dân phải đóng 2đ25 thuế đinh chính ngạch; ngoài ra lại phải đóng 15% về thuế bách phân phụ thu (centièmes additionnels) tức là 0đ33 nữa[1].

---

(1) Theo chỉ bài bổ thuế làng Hành-thiện, Nam-định năm 1936.

Được quét bằng CamScanner

Ba hào ba ấy tức là tiền thuế chuộc lệ làm phu, làm xâu, một lệ dã man của thời phong kiến còn sót lại. Trong chỉ bài bổ thuế ta thường thấy đề « thập nhật công sưu », chính là thuế mà người dân phải chuộc 10 ngày cỏ-vê làm cho Nhà nước — chuộc bằng tiền.

Ngoài số thuế điền chính ngạch, vụ năm 1936, dân làng Hành-thiện phải đóng 118đ13 về thuế bách phân phụ thu, thêm 3đ15 về 4/4.000 phụ thu cho phòng Thương mại.

Như thế cũng chưa hết, còn nhiều thuế ngoại phụ khác như tiền tổng phu, tổng sư. Tiền tổng phu là tiền chánh tổng được bổ thêm vào thuế đinh để trả công cho phu đi phát giấy việc quan. Ở Bắc-kỳ, về số tiền này, xã lớn phải nộp 5 xu, xã nhỏ nộp 2 xu rưỡi. Ấp Tả-hành (Thái-bình) có 15 suất đinh mà phải nộp 0đ40 tiền tổng phu. Tiền tổng sư là tiền trả cho thày giáo hàng tổng. Có chỗ cả tổng chẳng có một trường nào cũng phải trả thứ tiền này.

Ở Tỉnh có việc đón tiếp quan trên hoặc hội hè gì, cũng bắt dân phải chịu. Đó là tiền phụ thu hàng Tỉnh. Ở Huyện có việc gì chi tiêu, ví dụ: mua tre cắm lại hàng rào dinh quan Huyện, thì dân các làng trong Huyện đến vụ thuế phải nộp thêm một thứ thuế phụ thu hàng Huyện. Đôi khi dân quê còn phải nộp những thứ thuế bất thường đặc biệt; ví dụ: dân một vùng trong xứ bị nạn lụt lội, hạn hán thì chính phủ bổ thêm vào thuế chính ngạch, xã lớn 10đ00, xã nhỏ 6đ00, nhỏ nữa 2đ00 về tiền cứu tế. Năm 1934 ấp Tả-hành phải nộp 1đ00 về thứ tiền này.

Ở Trung-kỳ, người ta còn bắt dân đóng một thứ thuế ngoại phụ gọi là tiền trích lục, tức là tiền mua lấy những chỉ dụ, sức, trát của vua quan.

Được quét bằng CamScanner

Năm 1925, nhân dịp tứ tuần đại khánh của nhà vua, nhân dân Trung-kỳ phải đóng 30% cho chính phủ; tuy nói là thuế bất thường, nhưng từ đó đến nay năm nào dân cũng phải đóng, hình như tứ tuần đại khánh mãi mãi không thôi!

Thế rồi thuế ngoại phụ chồng lên thuế ngoại phụ, đến nỗi mỗi một mẫu ruộng, thuế chính ngạch chỉ có 1đ50, nhưng cộng thêm thuế ngoại phụ có khi lên tới 2đ50, 3đ00. Đó là chưa kể những làng bị « khống thụ », như làng Dũng-nghĩa, chính ngạch thuế điền có 1đ50 mà thành 4đ00, 4đ50. Thật là không thể tưởng tượng được.

Bọn cường hào tha hồ lợi dụng chỗ thuế ngoại phụ mà lạm bổ. Họ cứ chẻ đầu dân ra mà lấy, không chịu nộp đã có hình pháp tàn ngược, đã có những thủ đoạn dã man như trên kia đã nói.

Lý trưởng giữ việc thu thuế, nhưng bên dưới còn một số tộc biểu làm tay sai. Họ chia nhau mỗi người một ngành, một xóm đi thúc từng nhà. Họ vin cớ làm việc làng, xà xẻo mỗi người một tí, lý trưởng cũng phải có phần của lý trưởng. Họ bổ thêm một phần thuế để lấy tiền lộ phí, đi nộp thuế, tết quan nha, « vi thiềng » cho cai cơ, cậu lệ; lại còn phải đút lót cho thày ký Kho bạc nữa chứ! Nếu không thày ấy bẻ hành bẻ tỏi, bạc giấy không rách cũng bảo là rách, bạc đồng không giả cũng cho là giả, vờ gõ keng keng xuống bàn, rồi quăng tuột xuống khe bàn hoặc miệng túi, bắt nộp đồng khác. Thày lý nào hắc búa không « vi thiềng » thì cứ cho là đứng hết buổi này sang buổi khác, không nộp được thuế. Mặc cho chồn chân mỏi gối, ăn chực nằm chờ đã rát ruột mới nộp xong. Tình hình ấy thúc giục anh lý trưởng đục khoét để tiêu pha trong kỳ đổ thuế. Cũng có làng để một phần ruộng bút điền cho lý

Được quét bằng CamScanner

trưởng được hưởng hoa lợi, cũng như ăn lương của làng, nhưng dù bút điền có đủ chi tiêu, lý trưởng cũng cứ đục khoét kiếm thêm để lấy tiền lên tỉnh đập trống, đánh bạc, rượu bí tỉ.

Biết bao nhiêu thứ thuế chính ngạch và ngoại phụ đã đủ đè bẹp dân cày, vậy mà còn chịu nạn phù thu lạm bổ của kỳ hào thì chịu sao cho nổi. Năm 1936 ở làng Thanh-vân (Vĩnh-yên), một mẫu ruộng trong chỉ bài phải nộp 1đ90 mà nhân dân phải nộp 2đ75. Làng Vỵ-sĩ (Thái-bình), mỗi mẫu phải nộp 2đ88 cho lý trưởng mà chỉ bài chỉ ghi 1đ90.

Những ví dụ như thế rất thường. Năm xưa huyện Vũ-tiên (Thái-bình), tại một làng kia có một số dân thấy lý trưởng phù thu lạm bổ đi kiện quan, quan trả lời một câu cụt lủn, làm cho dân phải bẽ bàng và căm tức: « Các anh còn lạ gì tục ta nữa, cũng phải cho lý trưởng ít nhiều thì nó mới có ăn mà làm việc làng, việc nước chứ ! » Thì ra chính quan Huyện cũng có phần trong số tiền lạm bổ của lý trưởng làng kia rồi.

Tóm lại, sưu thuế ở Việt-nam đã quá hà khắc. Chế độ quan lại, cường hào lại thối nát vô cùng. Chỉ có tụi phản động mới dám nói rằng thuế khóa ở Việt-nam không cần phải cải cách.

Được quét bằng CamScanner

Quyển hai

CHƯƠNG IV

THUẾ GIÁN TIẾP

(mất hai trang)

. . . . . .

Đó là một thứ thuế gián tiếp đè lên đầu nhân dân, thêm vào những thứ thuế hiện có »[1]. Nhân dân Đông-dương phải sinh hoạt đắt đỏ hơn các dân tộc khác ở Viễn-Đông 15 phần 100. Nạn sinh hoạt đắt đỏ ở Đông-dương một phần tại chế độ thuế quan. Nếu ta nhận thấy ngày nay đến mũi kim, sợi chỉ nhân dân Đông-dương cũng phải mua của nước ngoài, thì ta không thể không thừa nhận rằng sự sinh hoạt của dân ta rất thiệt thòi về chế độ thuế quan hiện tại. Sinh hoạt càng đắt đỏ, đời sống của dân càng quẫn bách, mà một phần đông nhân dân là dân cày.

---

(1) Xem « Vấn đề kinh tế Đông-dương » (Le Problème économique indochinois) của Pôn Béc-na (Paul Bernard).

CS Được quét bằng CamScanner

Những nhà tư bản Pháp nhờ chế độ thuế quan giữ được độc quyền, cho nên có thể bán đắt cho dân ta tiêu dùng. Họ vớ được một số lời cao hơn số lời của họ thường có trên thị trường thế giới. Số lời cao đó trong kinh tế chính trị học gọi là thặng dư lợi nhuận thuộc địa (surprofit colonial) [1]. Thặng dư lợi nhuận này có được là nhờ sự bóc lột nhân dân thuộc địa một cách quá quắt. . . . . *(mất năm giòng)* . . . . . .

Nhưng nếu chính phủ có thể dùng thuế quan hạn chế hoặc ngăn chặn hàng nhập cảng thì cũng có thể dùng thứ thuế ấy để khuyến khích hoặc cản trở những hàng xuất cảng.

Chính phủ có thể và thường đã ngăn ngừa những thứ hàng thuộc địa tràn ngập sang thị trường nước Pháp để cho hàng Pháp khỏi bị cạnh tranh (ngăn ngừa bằng thuế quan hoặc bằng cách hạn chế — contingentements) để ủng hộ công nghiệp và thủ công nghiệp ở Pháp; cũng như có thể đánh rất nhẹ thuế xuất cảng những nguyên liệu của Đông-dương chở về bán bên Pháp để cho các nhà tư bản Pháp mua được những nguyên liệu ấy với một giá rất rẻ. Tóm lại, thuế quan là một phương pháp làm lời cho tư bản chính quốc trong việc mua nguyên liệu cũng như trong việc bán hàng hóa.

---

(1) Trong những thời kỳ ổn định tạm thời của chủ nghĩa tư bản, trước cũng như sau cuộc đại chiến thứ nhất, giai cấp tư sản đã dùng thặng dư lợi nhuận thuộc địa để tăng lương cho một số công nhân chính quốc, gây ra một hạng công nhân quý tộc (aristocratie ouyrière), bọn này sao nhãng đấu tranh và có thái độ thỏa hiệp với tư bản.

Giai cấp tư sản Pháp còn dùng thặng dư lợi nhuận thuộc địa để bù đắp vào sự thiệt thòi trong khi dùng chính sách bán phá giá (dumping) để cướp giật thị trường của các nước tư bản khác.

Được quét bằng CamScanner

Mục đích chính của thuế quan là bảo hộ công thương nghiệp của chính quốc và công thương nghiệp Pháp ở thuộc địa.

Thuế quan cũng là một phương pháp quan trọng để làm tiền cho công quỹ nữa.

Cho nên ta thấy ngoài thuế nhập khẩu chính thức, người ta còn đánh thuế thống kê (droit de statistique), mỗi hòm, bọc, tạ, hay thước khối phải nộp 0đ04, và một thứ thuế thương chính phụ thuộc đối với bất luận một thứ hàng nhập cảng nào, gọi là thuế at-va-lô-rem (advalorem) 2%. Ngay đến thóc gạo chiếm quá nửa số lượng của hàng xuất cảng ở Đông-dương cũng phải chịu một thứ thuế xuất cảng đặc biệt: 4,5% một tạ, theo thời giá (nghĩa là hiện nay mỗi tạ 0đ33 thuế). Từ cuối năm ngoái chính phủ lại tăng thuế ngô từ 0đ06 một tạ lên 3% theo thời giá.

ĐỘC QUYỀN THƯƠNG CHÍNH HAY « RÊ-GI »

Thuế quan đánh vào các hàng hóa xuất cảng hoặc nhập cảng mà những người tiêu thụ phải chịu. Nhưng thuế quan chưa phải là hết thảy những thứ thuế gián tiếp. Ở Đông-dương, còn mấy thứ hàng hóa do chính phủ giữ độc quyền sản xuất hoặc dùng cách hạn chế của nhà Đoan để giữ độc quyền cho một hay nhiều công ty làm ra bán cho dân, như rượu, muối, thuốc phiện, v.v...

Đi ra ngoài phố ta thấy rải rác những cửa hàng treo một cái biển trên có hai chữ R. O. (Régie-opium = Độc quyền thuốc phiện) mà có người chế giễu là lá cờ của nước Cộng hòa làng bẹp (République des Opiomanes). Đó chính là chỗ bán thuốc phiện. Chính phủ giữ độc

Được quét bằng CamScanner

quyền ấy, cấm không cho ai được buôn bán, cả đến hiệu thuốc cũng phải khai với Sở thương chính (1) nếu buôn thứ thuốc có chất thuốc phiện.

Còn rượu ? Từ năm 1931 trở về trước, chính phủ để cho một minh hãng Phông-ten (Fontaine) giữ độc quyền sản xuất. Các ty rượu khi đó còn treo biển có chữ R. A. (Régie - alcool), nghĩa là Độc quyền rượu. Nhưng mấy năm nay chế độ độc quyền của nhiều công ty đã thay thế cho chế độ độc quyền trong tay một công ty. Dù sao như thế vẫn là độc quyền, vì muốn được phép nấu rượu, phải chịu theo nhiều điều kiện của Sở thương chính bó buộc, chịu mất tiền cho nhà Đoan kiểm soát, cho nên chỉ có mấy công ty có thể nấu được thôi. Ngoài những công ty ấy, nhân dân vẫn không được tự do nấu rượu — dù nấu để dùng trong nhà.

Bên cạnh những hình thức độc quyền trên đây, còn một hình thức độc quyền khác tức là độc quyền bán muối. Chính phủ không giữ độc quyền làm muối. Một công ty (như công ty Ca-na) hay một người dân thường có thể làm muối sau khi đã xin phép, nhưng không được tự tiện đem bán. Làm được bao nhiêu phải bán cho nhà Đoan bấy nhiêu, rồi nhà Đoan bán lại cho dân, cố nhiên theo một giá cao gấp bội. Ở Nam-định, mua của dân làm muối 0đ75 một trăm ki-lô, nhà Đoan bán lại cho người tiêu thụ 3đ64 (2).

Còn một hình thức độc quyền nữa là chính phủ đánh thuế quan một vài thứ hàng nhập khẩu rất nặng, nói

---

(1) Sở thương chính với nhà Đoan là một.

(2) Giá bán 100° cân muối phân tích ra như sau :

— Giá mua của người làm muối	:	0đ75
— Thuế gián tiếp (thuế tiêu thụ)	:	2đ25
— Tiền chuyên chở, hao phí	:	0đ64
Tổng cộng	:	3đ64

Được quét bằng CamScanner

là để bảo hộ cho công nghiệp trong nước, nhưng sự thật là để cho những công nghiệp ấy ít bị cạnh tranh bởi hàng hóa ngoại quốc và có thể giữ độc quyền thị trường trong xứ (như các công nghiệp diêm, sợi, vải v.v...). Lấy riêng công nghiệp diêm làm ví dụ, ta thấy diêm ngoại quốc có nhiều thứ rất tốt, nhưng vì thuế quan quá nặng nên không thể cạnh tranh với diêm của người Pháp ở đây. Như thế là nhờ thuế quan công nghiệp diêm đã giữ độc quyền thực tế ở Đông-dương.

Đó là mấy hình thức độc quyền có mật thiết quan hệ tới Sở thương chính.

Chế độ độc quyền thương chính hiện thời ở Đông-dương gây ra những tệ hại gì ?

NẠN ĐỘC QUYỀN THƯƠNG CHINH

Với nghề làm muối : Xét những điều thỉnh cầu của dân làm muối gửi cho Ủy ban xét về muối, ở Đại hội đồng kinh tế và tài chính năm ngoái (1937), ta thấy có nhiều điều bất công. Chính phủ mua của diêm hộ (dân làm muối) có một phần, rồi bán lại cho nhân dân đắt lên gấp 5 hoặc 9 — 10 phần [1]. Từ nạn kinh tế khủng hoảng

---

(1) Ngày xưa dưới triều các vua ta, cũng có lúc các diêm hộ phải nộp thuế bằng tiền. Có lúc phải nộp muối cho nhà vua. Nhưng phải nộp một phần rất ít, ví dụ : đời Lê-cảnh-Hưng năm thứ 10,

— công diêm điền phải nộp mỗi mẫu 8 tiền,

— tư diêm điền phải nộp mỗi mẫu 3 tiền.

Đến đời Lê-cảnh-Hưng năm thứ 23, mỗi bếp (tức là 50 mẫu ruộng muối) phải nộp cho nhà vua 40 hộc muối, nặng 120 tiền kẽm ; mỗi hộc nặng 3 tiền ; về sau vì chứa muối vào kho không tiện, cho nên mỗi bếp chỉ phải nộp... (mất một chữ)... quan một năm. So với ngày nay thật là... (mất một chữ)...

Được quét bằng CamScanner

vừa qua, chính phủ hạn chế mùa làm muối và số muối sản xuất của từng diêm hộ. Hễ làm thừa hoặc làm xấu, Sở thương chính bắt đổ xuống biển, không bồi thường. Những người có ruộng muối cũng chịu nạn «khống thụ» như người có ruộng lúa. Có nhiều nhà, ruộng muối vì một lý do này hoặc lý do khác không thể làm được nữa, vẫn phải chịu thuế điền như ruộng thường. Người làm muối không được phép dùng muối của mình đã làm ra. Dân nghèo vùng biển không tiền mua muối, chứa nước chạt (tức nước muối) trong nhà để nấu thức ăn cũng bị tù. Người các nước dân chủ nghe thấy mà rùng mình với chính sách cay độc ấy !

Nhưng chưa hết cái ách nhà Đoan trên đầu diêm hộ! Trong khi họ đem muối đến nộp Sở thương chính lấy một ít tiền mà họ bớt ra một phần để mua lại một nắm muối, họ còn bị nhiều điều cực nhục. Nào đánh đập, chờ đợi rã cả chân. Ở Quảng-yên diêm hộ bị nhà Đoan lấy thặng ra 20% muối, gọi là muối trừ hao, lại còn bị gạt muối gian nữa. Ở Vinh mỗi thúng muối là 50 ki-lô. Đáng lẽ gạt bằng miệng, người ta lại dùng một thứ vung chụp lên trên. Thành ra thúng nào cũng có ngọn. Làm như thế mỗi thúng muối dôi ra 5 ki-lô, có khi hơn. Ở Phan-thiết mấy năm trước đây thiếu muối, phải chở muối Ca-na đến ; Sở thương chính tính đắt lên mỗi tạ 0đ05. Nhưng mấy năm nay, Phan-thiết đã tự làm đủ muối dùng, không cần muối Ca-na nữa mà dân vẫn chịu 0đ05 như cũ, ấy mới lạ chứ !

Với nghề làm nước mắm: Bên cạnh chế độ độc quyền muối, một thứ thức ăn cần thiết vào bậc nhất, phải nói ngay đến chế độ kiểm soát nước mắm, một thứ thức ăn cũng cần không kém gì. Nghề làm nước mắm cũng như nghề làm muối đều là những thứ nghề phụ thuộc của dân cày. Hiện nay nếu nghề làm muối không được

Được quét bằng CamScanner

tự do thì nghề làm nước mắm cũng bị kiểm soát rất ngặt. Dân làm nước mắm gặp lắm bước trở ngại. Nhà Đoan có đặt ra một sở bài trừ hàng lậu (Service de la Répression des fraudes). Theo pháp luật, sở này có quyền khám nước mắm, nếu thấy thối được đổ đi liền, không cần hỏi ý kiến Viện Pát-stơ (Pasteur) hay quan tòa. Nhưng sự thật các nhà chuyên môn[1] cũng như nhân dân đều kinh nghiệm thấy rằng nước mắm làm đúng điều kiện vệ sinh cũng vẫn có thể thối; trái lại, nước mắm mới thối có thể nấu và lọc lại làm cho hợp vệ sinh. Nhưng sở bài trừ hàng lậu cứ bắt đổ bừa đi. Việc thi hành pháp luật một cách gay go của sở ấy đã phá hoại nghề làm nước mắm không phải ít.

Theo nghị định ngày (mất một chữ) -9-1937, nước mắm ở Nam-kỳ phải bán theo giá nhất định 8 xu một lít. Nghị định ấy đã mang lại cho dân làm nước mắm nhiều nỗi thiệt thòi. Vì nước mắm có hạng tốt, hạng xấu, nó phải theo giá các nguyên liệu làm ra nó như muối và cá mà lên xuống bất thường; hơn nữa, theo luật cung cầu ở thị trường, phải có lúc cao lúc hạ. Nếu định giá đồng loạt cho các hạng nước mắm, nhà nghề sẽ không thiết làm nước mắm tốt, vì hạng tốt bán đắt, ít người mua. Họ sẽ đua nhau chế hạng nước mắm xoàng và nhân đó nghề nước mắm không tiến lên được.

Một điều nữa làm phiền cho nghề nước mắm là lệ bắt đóng vào những lọ ít ra cũng phải đựng được 3 lít. Ở Nam-kỳ cũng như ở Bình-thuận, Trung-kỳ, Sở trừng phạt của Nha thương chính khám xét rất ngặt. «Ở Nam-kỳ họ buộc các nhà làm nước mắm ký những tờ cam kết đóng nước mắm vào tĩn (lọ) 3 lít. Ai không

---

(1) Chúng tôi muốn nói hai nhà chuyên môn Rô-dờ và Guy-léc (Rose và Guillerm).

Được quét bằng CamScanner

nghe sẽ bị tịch thâu giấy thuế thân »[1]. Sở trừng phạt đến các nhà bán lẻ hăm dọa làm ăng-két hễ thấy đựng nước mắm vào chai lọ dưới 3 lít. Nếu thi hành chính sách cay nghiệt ấy thì những nhà làm nước mắm trong Nam phải hủy đi 5 triệu cái lọ không hợp lệ, thiệt hại tới 16 vạn đồng và phải mua lọ 3 lít phí tổn đến 40 vạn đồng. Những sự thiệt thòi ấy ai chịu? Cố nhiên lại rơi vào đầu người tiêu thụ tức là toàn thể nhân dân. Vả lại, đào đâu ra lọ 3 lít ngay mà dùng, nếu không cắm đầu mua chai « hec-mê-ti-cốt » (herméticos) là một thứ chai mà mấy năm trước đây người ta đã định bắt dân dùng để làm lợi cho một công ty người Pháp muốn độc quyền bán chai cho dân.

Dân làm nước mắm còn chịu nhiều điều phiền phức lặt vặt khác nữa. Ở các làng Hậu-lộc, Lộc-tiên (Thanh-hóa) dân làm nước mắm chứa trong nhà 7 thùng trở lên không nộp thuế là bị phạt và nhất định phải tiêu thụ muối của nhà Đoan. Nhà Đoan thấy chậm lấy muối là phạt.

Thuyền chở mắm phải nộp thuế đã đành, khi đi qua các đồn người ta lại còn bắt nộp thuyền nhỏ 1đ00, thuyền lớn 2đ00 hoặc 3đ00. Không nộp đừng đi!

Với nghề trồng thuốc lá, thuốc lào. — Nghị định ngày 6-12-1935 đã buộc dân trồng thuốc những điều kiện rất cay độc. Đến nỗi trong Nam-kỳ dân làng Tân-thới-thượng năm 1937 đã biểu tình nêu khẩu hiệu « Phản đối chế độ thuốc! ». Hoặc đã có nơi dân trồng thuốc rủ nhau nhổ hàng mẫu thuốc để khỏi phải có chuyện với nhà Đoan.

Những điều kiện cay độc kia như thế nào?

---

(1) Trích ở Báo Sài-gòn ngày 8-11-1937. Lời ông Khá ở Hội đồng quản hạt.

Được quét bằng CamScanner

Khi trồng thuốc phải khai với chưởng bạ (ở Trung-kỳ, khai với hương yên) để lấy giấy chứng nhận trồng bao nhiêu mẫu, bao nhiêu cân? Thay đổi chủ ruộng thuốc, thuốc chết, đều phải khai báo. Lệ này rất hại cho dân trồng thuốc. Hương yên, chưởng bạ không phải lúc nào cũng ở nhà, hoặc có phòng giấy, ngồi đợi sẵn những người đến khai báo. Dân quê trồng thuốc phải tùy theo thời tiết. Nay làm được, mai gặp tiết trời thay đổi lại phải đình; gặp ngày trồng được, chưởng bạ, hương yên đi vắng thì thật nguy hiểm.

Khi hái thuốc phải trình hương lý, mỗi lần gánh thuốc về nhà cũng lại trình hương lý. Chính phủ không hiểu rằng lá thuốc đến ngày hái, không thể chậm lại như ngô, lúa. Không may đến ngày hái, hương lý vắng nhà hai ba hôm thì ôi thôi còn gì! Vả lại thuốc hái về phải phơi ngay; trong lúc đợi không may trời mưa trôi hết phấn lá; gặp trời nắng lá thuốc khô héo; sau này thuốc sẽ xấu và dễ bị sâu. Có nơi Sở thương chính lại còn bắt chỉ được bán thuốc cho người có môn bài, thành ra người không có môn bài trả giá cao hơn cũng chịu. Ngoài ra, còn phải khai đem thuốc về để chỗ nào, bao nhiêu cân, tạ; và khi nào thuốc hỏng phải báo ngay cho Sở thương chính biết. Những thể lệ khai báo và giấy tờ lôi thôi, phiền phức đã tai hại cho dân trồng thuốc không biết chừng nào. Chế độ ấy lại còn làm ngòi cho hương lý ăn tiền của dân nữa. Ở Huyện Thụy-anh (Thái-bình), Vĩnh-bảo (Hải-dương) và Tiên-lãng (Kiến-an) mỗi lần dân trồng thuốc đến khai phải nộp một hào cho chưởng bạ.

Chế độ thuốc hiện thời làm hại cả việc buôn thuốc nữa. Theo khoản 38 của nghị định năm 1935, người buôn thuốc, bán hoặc tàng trữ trên 10 ki-lô phải có giấy phép và phải chịu quyền kiểm soát của Sở thương chính

Được quét bằng CamScanner

Người trồng thuốc chỉ có thể bán thuốc cho người có giấy phép. Bọn này liền lợi dụng chỗ đó mà bắt chẹt người trồng thuốc, khiến cho họ không bán nổi một hào 1 ki-lô. Người mua thuốc không được mang bán quá 15 ki-lô, cũng không được chứa thuốc trong nhà. Vô phúc không bán hết, để ở nhà, hôm sau Đoan vào bắt được là phạt quàng vào cổ.

Ở Bắc-kỳ, đối với thuốc lào đã chế và đóng bánh, thuế thông hành nặng vô cùng: 0đ75 một ki-lô. Cửa hàng thuốc in tên hiệu vào giấy phong thuốc cũng phải chịu thứ thuế ấy, mặc dầu người chủ hiệu chỉ buôn về để bán, không hề chế lại.

Kết quả của chế độ Thương chính hiện thời làm cho người trồng thuốc cũng như người buôn thuốc chịu bao nỗi thiệt. Ai phải gánh sự thiệt đó?

Không những nhà trồng thuốc và nhà buôn thuốc mà cả người tiêu thụ, tức là quần chúng nhân dân đông đảo trong xứ.

VẤN ĐỀ RƯỢU — ĐỘC QUYỀN THỰC TẾ ĐI ĐÔI VỚI ĐỘC QUYỀN THƯƠNG CHÍNH

Mấy năm trước đây, nhân dịp hết hạn giao kèo nhượng độc quyền cho hãng Phông-ten (Fontaine), ở Đông-dương đã nổi lên một luồng dư luận đòi phá bỏ chế độ độc quyền rượu.

Trên báo Nam-phong, ông Phạm-Quỳnh đã tự hào rằng mình đấu tranh thắng được hãng Phông-ten trong kỳ họp Đại hội đồng kinh tế và tài chính năm 1931. Ông lại tự hào hơn nữa là đã mang lại sự tự do nấu rượu cho dân. Nhưng ta phải hiểu chữ « dân » ông nói là gì? Cố nhiên, « dân » đây không phải là « dân đen », không

Được quét bằng CamScanner

phải là dân cày. « Dân » là mấy ông đại tư bản, đại địa chủ. Thật thế, từ bấy đến nay Đoan vẫn bắt rượu lậu, nhà tù vẫn có « án rượu » nai lưng ra chịu gậy và làm cỏ-vê. Chỉ riêng mấy ông tư bản « buộc gioạ » sẵn tiền mở được Công ty Vạn-vân, Công ty Nam-tửu... Cuộc đấu tranh của ông Phạm-Quỳnh họa chăng chỉ giúp ích cho mấy nhà tư sản, địa chủ!

Những công ty được chính phủ cho phép nấu rượu phải nộp thuế cho công quỹ và chịu sự kiểm soát của Sở thương chính, thành ra rượu ở Đông-dương chịu hai chế độ độc quyền: độc quyền thực tế của các công ty tư bản và độc quyền kiểm soát của Sở thương chính.

Ép dân uống rượu. — Chế độ độc quyền ấy đã mang lại cho dân một kết quả rất dã man là dân phải uống rượu của các Ty.

Ta hãy mang ra một chứng cớ trong muôn nghìn cái. Trong một lá đơn của hương lý làng Bích-đại (Vĩnh-yên) gửi cho Đại sứ Gô-đa (Godard) có một đoạn nói:

« Chúng tôi không phải là lái buôn mà cũng không phải người đứng tiểu bài rượu. Nay tất cả những chức việc trong làng chúng tôi đều bị một điều cưỡng bách: lĩnh rượu của các hãng Phông-ten, Vạn-vân, Văn-điển, v.v.., về bán. Thế là chúng tôi ăn cơm nhà bỏ tiền túi ra bán rượu cho người. Nhưng nào có bán được! Rượu lấy về vẫn chất đống...

« Chắc ông thừa hiểu cái việc trên, ngay đến người giàu có thừa tiền mà phải quăng ra lĩnh rượu vô lý ấy cũng phải tức tối. Huống chi chúng tôi đều là những người tứng bấn, lấy tiền đâu mà lĩnh rượu! Muốn cho « tròn danh phận » chúng tôi cầm cố hoặc bán đồ đạc để lấy tiền.

« Nhưng nào có phải lĩnh một hai kỳ đâu. Luôn luôn mỗi tháng ba kỳ, nhiều ít tùy các hãng bắt buộc...

Được quét bằng CamScanner

« Bỏ một kỳ không lĩnh sẽ có sự bắt bớ, đánh đập tàn nhẫn. Có nhiều khi người ta đổ rượu vào đầu chúng tôi hoặc vào gốc cây rồi bắt chúng tôi phải trả tiền. Thế không chịu nổi, chúng tôi lại phải khất, mặc dầu vợ đói con rét. Ấy đấy, chúng tôi vẫn đương bị nỗi ức mà còn nhiều nơi cũng chịu chung số phận như chúng tôi nữa... »

Thật thế, nhiều nơi chính sách bắt dân uống rượu cũng na ná như trên. Ở Cao-bằng mỗi người dân mỗi năm phải nộp 0đ45 tiền thuế rượu. Hai năm về trước, ở Vĩnh-bảo (Hải-dương) và Phú-bình (Thái-nguyên), người ta bắt trong một tháng mỗi suất đinh phải uống một chai. Hết tháng, làng nào không mua đủ số thì hào lý bị đánh, bị phạt làm cỏ-vê ở huyện. Anh lý trưởng nào cứng cổ nói : « Dân tôi nghèo quá, đến gạo cũng không có, tiền đâu uống rượu ? » thì quan sẽ đặt rượu ngay ra trước mặt, bắt phải trả. Bán nhà, bán ruộng đi mà trả, làm sao thì làm !

Mỗi tháng ở tỉnh có kỳ hội thương, quan Tỉnh ra lệnh cho mỗi ông Phủ, Huyện phải bán rượu cho bằng được. Nếu rượu không chạy, thuế thương chính thu ít đi thì chính quan Tỉnh cũng có lỗi. Thành ra ở Đông-dương, từ quan cho đến tổng lý, ai nấy đều có thêm một trách nhiệm là *bán rượu cho các Ty*.

Vài năm nay nhờ ảnh hưởng của Mặt trận bình dân, chỗ nào người ta không bắt thì chí ít cũng sức cho hào lý đại khái như sau : theo nhà Đoan báo cáo, tháng này số rượu tiêu thụ ít quá. Xem ra trong dân gian nấu rượu lậu nhiều nên ít dùng rượu Ty. Vậy tổng lý phải lùng bắt rượu lậu, sao cho số rượu bán tăng lên.

Có làng muốn chiều ý quan phải bỏ tiền quỹ ra lập một cái Ty nhỏ (sous-débit) lấy rượu về bán hàng tháng, người dân phải mua rượu đã đành, có ma chay,

Được quét bằng CamScanner

cưới xin, lại phải mua một số rượu đặc biệt. Ở Đông-dương từ lâu đã có lệ nhà nào xin phép mổ bò phải mua 20 chai rượu, giết lợn 15 chai, mổ dê 5 chai.

Dân đã say, người ta lại còn muốn cho dân say hơn nữa ! Nấu rượu tốt mà uống không xong phải uống rượu cồn. Có phát điên mà đánh vợ, choảng con, chửi nhau, giết nhau cũng mặc ! Thì ra những bài luân lý ở nhà trường dạy ta « không nên uống rượu » đều là hão cả !

TÂY ĐOAN ! TÂY ĐOAN ! — Ở nước ta, Sở thương chính bài trừ hàng lậu rất gắt. Theo luật thì lính Đoan chỉ có quyền vào khám nhà từ 5 giờ sáng đến 6 giờ tối.

Người ta xông vào nhà khám xét, không cần phải có giấy quan tòa, họ làm việc mẫn cán quá sức tưởng tượng vì họ được ăn hoa hồng và được thưởng rất hậu. Khám bắt hàng lậu thật là một cuộc chạy thi lấy thưởng. Luật thương chính đã định :

— Trích lấy 40% ở tiền thương lượng nộp phạt (transaction) chia cho những người đi bắt.

— Trích 8% ở tiền nộp phạt đặt một cái quỹ riêng gọi là vốn chung (fond commun). Quỹ này cứ 6 tháng một lần chia cho tây Đoan. Việc chia này căn cứ vào số vụ án của từng tây Đoan đã gây nên trong thời gian ấy mà thưởng nhiều hay ít.

Tiền nộp phạt cho nhà Đoan đem chia như sau :

— Công quỹ (budget général)	4%
— Quỹ hưu bổng	40%
— « Vốn chung » (fond commun)	8%
— Phần các ông chủ (part des chefs)	8%
— Phần những người đi bắt rượu	40%

Được quét bằng CamScanner

Nếu có kẻ báo thì phải để 10% trong 40% kia thưởng cho kẻ ấy, còn 30% là phần người đi bắt.

Vì lệ chia lời như trên, cho nên nhân viên Sở thương chính đã hết sức nhiễu hại nhân dân, họ cố ý bới bèo ra bọ. Ngay một tỉnh Thanh-hóa trung bình mỗi năm có đến 1.500 cái án phạt về rượu lậu.

Ở nhà quê, vùng biển, tây Đoan là chúa tể, mà cũng là tai vạ của nhân dân.

Trong điều 34 của Nghị định về muối ra ngày 18-10-1921 có nói: «Trên ruộng muối và trong vùng 10 cây số chung quanh ruộng muối, người nào giữ trên 100 ki-lô muối mà không có sổ làm (giấy phép) sẽ bị phạt tiền từ 100 đến 2.000 quan». Nhưng về thực tế ta thấy dân vùng biển để trữ nước chạt cũng bị phạt.

Đoan về khám muối lậu ở nhà quê thường bắt cả người mua lẫn người bán. Có khi người bán trông thấy hút lính Đoan chạy trốn, người mua cầm muối đứng đấy là bị điệu đi liền.

Năm 1936 ở Xuân-trường (Nam-định), tây Đoan đi khám thuốc phiện lậu, vào một nhà thấy một người nằm bên bàn đèn đang hút thuốc ty, trên khay có để mấy đồng bạc, người tây Đoan vồ lấy tiền và quăng ra vài hộp thuốc.

Nhưng bậy nhất vẫn là bắt rượu. Ở Định-hải (Nam-định), mấy năm trước đây xảy ra một việc tây Đoan bắt rượu làm cho dân gian đến nay nhớ lại còn bất bình. Một nhà kia có mua một cút rượu lậu để uống. Thấy Đoan vào vội đổ xuống bếp. Đoan xúc chỗ tro ướt, lấy cút, làm biên bản rồi giải người đi.

Theo lệ nhà Đoan bắt được rượu, cơm rượu hoặc đồ cất ở ruộng nhà ai là nhà ấy phải phạt, dù ruộng đó ở xa nhà mình hàng chục cây số.

Được quét bằng CamScanner

Chỗ đó hết sức bất công! Ở nhà quê thường xảy ra những chuyện hằn thù nhau rồi bỏ rượu vào ruộng đi báo để lĩnh thưởng và trả thù. Nhân viên nhà Đoan không xét kỹ, cứ bắt bừa để lấy thưởng. Thành ra dân quê có ruộng lúc nào cũng ngơm ngớp hình như lưỡi gươm Đa-mô-cờ-lét (Damoclès) treo trên đầu (1). Không riêng từng người, cả một làng cũng có thể gặp những nỗi bất bình ấy nếu Đoan bắt được tang vật rượu lậu ở ruộng công. Thì đây ta hãy giở tờ Trung-Bắc ngày 8-8-1937 :

« *Án rượu.*

« Làng Thượng-lập bị phạt 2.000 quan về rượu lậu.

« Tháng trước Sở thương chính Hải-dương đi tuần qua địa phận làng Thượng-lập, có bắt được một vò rượu lậu giấu ở làng ấy, bèn gọi lý dịch ra ký nhận rồi lập biên bản trình tòa án Hải-phòng.

Phiên tòa trừng trị sáng hôm qua, tòa án đem việc này ra xử, Tòa phạt làng ấy 2.000 quan ».

Nhà Đoan có lệ tịch thu đồ đạc nấu rượu (ống cất, nồi, vung, hũ, v.v...) làm tang chứng. Tịch thu đúng đồ nấu rượu cũng có, nhưng lại có khi vào khám thấy nồi đồng to liền buộc cho là đồ nấu rượu rồi mang đi. Mỗi tháng nhà Đoan bán đấu giá những đồ tịch thu ấy một lần cũng được khá tiền cho vào công quỹ. Chỉ dân là thiệt.

---

(1) Damoclès — Nịnh thần của vua Denys đời cổ Hy-lạp hay khen vua sung sướng. Một hôm được vua mời dự tiệc trong cung, đang say sưa, vui vẻ bỗng ngước mắt lên trần thấy một lưỡi gươm sáng loáng treo bằng một sợi mã vỹ lủng lẳng chỗ xuống đầu. Damoclès tái người, đánh rơi cốc rượu và từ đó hiểu rằng sự sung sướng của một vị vua độc đoán cũng như sự vui mừng của mình trong bữa tiệc ấy.

Được quét bằng CamScanner

Nạn tây Đoan nhũng nhiễu không ai còn lạ. Năm 1936 Béc-nác-đê (Bernardet) đi khám ở Phong-cốt (Thanh-hóa) giám cả gan bắn chết lý trưởng Trần-văn-Hoàng. Sau đó chín người vừa hào mục vừa tuần phu bị bắt; tòa buộc vào tội xúi giục lý Hoàng kháng cự lại nhà Đoan. Trái lại Béc-nác-đê được hưởng án treo và chỉ phải đổi đi nơi khác.

«Tây vác hũ», một người tây Đoan ở Bắc-kỳ có tiếng là tàn ác. Tháng 11 năm 1936 vợ anh dân cày tên là Kiến ở làng Hành-nghĩa (Vũ-tiên Thái-bình) bị tây Đoan vào nhà khám rượu trong lúc chồng chị đi vắng; rồi hôm sau người ta thấy chị có tiền mua một con lợn con... Những chuyện như thế làm sao kể cho xiết được?

Người ta cứ lợi dụng sự rời rạc, thiếu giác ngộ của dân cày mà làm tràn. Chế độ độc quyền thương chính không những đã làm cho dân phải tiêu dùng đắt đỏ, nó còn gieo cho dân nhiều tai vạ nữa! Không mau mau sửa đổi đi, còn đợi gì?

Kết luận, với thuế gián tiếp quá nặng, nhân dân tiêu dùng đắt đỏ, mà đại đa số nhân dân ta phải nhớ là dân cày.

Chế độ thương chính lại làm cho mấy nghề phụ của dân cày như làm muối, làm mắm, trồng thuốc, chịu nhiều nỗi bất công. Nhân viên Sở thương chính phạm nhiều điều vô lý. Dân cày có khi mất ăn, mất ngủ về nạn tây Đoan. Những sự thật bày ra trước mắt chúng ta hàng ngày đòi nhà đương cục chí ít phải sửa đổi chế độ độc quyền, chế độ kiểm soát của Sở thương chính, nếu chưa cải cách hẳn được chế độ ấy.

Được quét bằng CamScanner

CHƯƠNG V

DÂN CÀY THIẾU RUỘNG

Dân cày sống về ruộng đất, nhưng ruộng đất ở Đông-dương lại không nuôi sống đầy đủ cho dân cày.

Sự thật ấy hình như người ta chưa chịu để ý. Ta không thể không vạch rõ nó ra khi ta bàn đến vấn đề nông dân. Nhưng vấn đề ruộng đất mênh mang, phiền phức. Chưa sưu tầm đủ tài liệu, chúng tôi chỉ xin bàn qua về việc phân chia ruộng đất ở Đông-dương, chú trọng nhất về công điền, công thổ mà chúng tôi cho là then chốt của vấn đề ruộng đất trong thời kỳ này.

HIỆN TƯỢNG TẬP TRUNG RUỘNG ĐẤT VÀ SỰ LŨNG ĐOẠN RUỘNG ĐẤT

Xét lịch sử nước Việt-nam phong kiến, ngày xưa tất cả ruộng đất là của công, hay nói một cách khác, là của nhà vua. Mỗi khi một đời này thay thế quyền chính cho đời kia, ruộng đất cũng chuyền tay, hình như gia tài riêng của các đời vua vậy. Dân cày phải nộp thuế cho triều đình và với một phần hoa lợi còn lại, sinh nhai một cách rất khổ.

Được quét bằng CamScanner

Từ đời Lê-đại-Hành đánh đuổi bọn xâm lược Trung-quốc đến nhà Tiền-Lê, nhà vua cấp cho những vị khai quốc công thần một phần ruộng làm của riêng, gọi là *công thần điền*.

Cuối đời Lý, nhà vua cho công thần Lê-phụng-Hiểu đứng trên đỉnh núi ném đến đâu được quyền có ruộng vùng ra đến đó. Ruộng ấy biến thành ruộng tư, gọi là *thác đao điền*. Đời Hậu-Lê có tục cấp ruộng cho Sử thần. Ruộng này cũng biến thành của tư, gọi là *sử thần điền*. Đấy là chưa kể những chuyện chiếm ruộng công làm ruộng tư của những bọn nịnh thần, về phe chúa Trịnh hay chúa Nguyễn. Ví dụ: quận Nhưỡng (Hải-dương) chiếm thật nhiều ruộng đất.

Đến triều Nguyễn, với chính sách đạc điền và chính sách «Minh cương giới» của Gia-Long, người ta thấy tư điền và công điền phân chia trong địa bạ rất minh bạch.

Đầu thế kỷ 19, ruộng đất mới tập trung một phần nào. Đứng về nguyên tắc, chế độ công điền làm cho trong nông thôn không có hạng người thật vô sản, vì ai nấy đến 18 tuổi đều được hưởng một phần ruộng công. Nhưng đứng về thực tế lại khác hẳn, như ta sẽ thấy trong đoạn nói về công điền ở dưới. Bên cạnh những ruộng tư của ông Hoàng, bà Chúa, công thần, khoa mục, v.v..., phần nhiều ruộng đất lúc bấy giờ là của công.

Từ khi người Pháp sang Đông-dương, ruộng đất cứ mỗi ngày một tập trung vào tay đại địa chủ, nhất là các cố đạo, các nhà thực dân người Pháp.

Nguyên nhân là vì người Pháp sang Đông-dương đã mang theo chủ nghĩa tư bản, làm biến chuyển cả nền kinh tế của nước Việt-nam cổ.

Được quét bằng CamScanner

Họ chở tư bản sang Đông-dương mở mang hiệu buôn, nhà máy, khai thác mỏ và đồn điền, làm cho công nghiệp và thương nghiệp bắt đầu phát triển. Một mặt họ sản xuất ra một ít hàng hóa ở đây, một mặt họ chở hàng hóa bên Pháp sang bán cho dân thuộc địa[1]. Những công nghiệp phẩm, hoặc nói một cách khác những hàng hóa chế tạo bằng máy móc tràn ngập vào trong xứ. Không cạnh tranh nổi, công nghiệp và thủ công nghiệp của người bản xứ phải đổi bại. Dân cày phần nhiều có nghề thủ công là nghệ phụ thuộc để sống ngoài ngày mùa, do đó bị phá sản rất nhiều. Tình cảnh của họ sa sút, rồi ruộng vườn phải bán cho địa chủ, đi làm thuê cho địa chủ, phú nông, hoặc lên tỉnh làm thợ, vào nhà máy, đi các mỏ và đồn điền.

Ở các thành thị, các chợ to, các huyện lỵ đông đúc, đường giao thông tiện lợi, thương mại phát triển, ta thấy sản sinh ra một bọn người làm giàu về nghề buôn. Họ thừa tiền cho vay nợ lãi và lần lần choán ruộng đất của dân cày nghèo bằng cách bắt người có nợ phải gán ruộng, bán đoạn hoặc bằng cách cầm ruộng.

Trải qua những năm từ 1924 đến 1929, thủ công nghiệp bản xứ sa sút, ruộng đất tập trung vào tay địa chủ, số dân cày vô sản hóa rất đông. Đến khi kinh tế đại khủng hoảng, dân cày nhiều nơi phải cầm đợ ruộng đất cho nhà giầu, rồi đến hạn không trả được phải bán đoạn cho chủ nợ với một giá rất hạ. Ruộng đất càng tập trung mạnh vào tay bọn địa chủ hoặc nhà Nông phố Ngân hàng[2].

---

(1) Công nghiệp nào mở mang ngay ở đây mà không hại cho công nghiệp bên chính quốc thì được phép mở mang, ví dụ: công nghiệp dệt, điêm, xi-măng, v.v... Còn công nghiệp luyện gang thép, chế tạo máy móc thì độc quyền mở mang bên chính quốc.

(2) Bạn đọc coi mục sau sẽ thấy giải thích ruộng đất tập trung vào ngân hàng như thế nào.

Được quét bằng CamScanner

Nhưng bên cạnh sự tập trung ruộng đất bởi luật cạnh tranh và phát triển của kinh tế như đã nói ở trên, ta còn thấy ruộng đất tập trung do sự *chiếm đoạt*. Theo pháp luật của chính phủ bảo hộ, ông thủ hiến Đông-dương có quyền cho cá nhân từ 1.000 mẫu tây đến 4.000 mẫu; quá số ấy quyền cho đất phải ở trong tay ông Thượng thư thuộc địa. Chế độ cho đất (institution de concessions) này đã đẻ ra những đồn điền khổng lồ của người Pháp.

Nhất là vào khoảng những năm 1885—1890, quân Cờ đen, Cờ vàng hiệp lực với người Việt-nam chống lại người Pháp, ở Bắc-kỳ có một số dân chạy loạn, bỏ ruộng đất mà đi. Một phần ruộng bị bỏ hoang. Chính phủ bảo hộ ký nghị định nhượng cho những nhà thực dân làm đồn điền. Cũng có nơi thuộc tỉnh Bắc-giang, sau khi biến loạn, dân trở về quê cũ. Chính phủ bắt họ khai lại ruộng đất; họ khai ít đi để trốn một phần thuế. Mấy chú «cô-lông» (colons) láu cá biết thóp đứng ra xin khẩn những phần đất không khai. Lúc đó chính phủ cũng yết thị cho dân ai thấy việc xin khẩn kia phạm đến ruộng đất của mình thì có quyền khiếu nại. Nhưng ra hạn ngắn quá, dân quê không chú ý; hết hạn bọn tây thực dân kia cứ chiếu địa đồ cắm lấy ruộng. Đồn điền của «bà chủ» Tác-ta-ranh (Tartarin) ở Hiệp-hòa là một ví dụ. Dân mất ruộng là dân các làng Châu-lỗ, Tiên-sơn, Hưng-châu, huyện Hiệp-hòa (Bắc-giang). Dân có phần ruộng đất kia bỗng hóa ra tá điền cho chủ mới.

Nhưng thật ra những việc ấy cũng chưa bất bình bằng việc chiếm đoạt hơn 4.000 mẫu ruộng của 22 làng thuộc các huyện Gia-lâm, Văn-giang, Văn-lâm (Bắc-ninh).

Năm mươi năm trước đây, ở Bắc-kỳ có xảy ra một cuộc khởi nghĩa mà người ta thường gọi là «Giặc bãi sậy», rồi gặp luôn đến cuộc vỡ đê Văn-giang. Dân cư

Được quét bằng CamScanner

22 làng kia không làm ăn được, phải bỏ hoang một phần lớn ruộng đất. Đến khi loạn lạc đã yên, sự cai trị trong hương thôn đã được ổn định, dân lại nộp thuế cho chính phủ, mặc dầu ruộng vẫn bỏ hoang chưa cày cấy. Vào khoảng 1907 - 1908, Mác-ty (Marty), một người tây cô-lông, sau khi đã xin chính phủ khẩn trưng, về chiếm đứt ngay của dân một vùng rộng chừng hơn 4.000 mẫu. Người ta đem người về đạc điền, cắm ruộng, chôn mốc, đào hào, đắp lũy, vượt lên một cái đồn điền ăn vùng vào địa hạt của 22 làng. Dân làng có địa bạ Gia-Long làm bằng cứ, song vẫn bị cướp ruộng trốc tay. Cực chẳng đã phải liều mạng ra ngăn cản : một bên nhân công của chủ đồn điền mộ từ xa tới, một bên dân quê mất ruộng đã nhiều phen xùng đột ; có khi xảy ra án mạng, rốt cuộc vẫn vô hiệu. Dân cày đã nhiều lần kiện cáo, quan cứ làm lơ. Thế cô đành phải chịu ; rồi một số biến thành tá điền cho người đã chiếm đoạt ruộng đất của mình.

Nỗi oan ức ấy không biết kêu vào đâu được !

Năm 1929 chực chiếm ruộng của dân Dương-am, Hải-dương, Pát-xi-nha (Passigna) [1] đã gây ra một cuộc dân cày đấu tranh kịch liệt.

Mà cần chi phải kể những việc xảy ra từ lâu. Hãy nói ngay việc cướp ruộng của 2.000 dân cày hạt Long-xuyên năm 1937. Hai nghìn dân cày đã đem mồ hôi nước mắt ra khai khẩn 1.378 mẫu tây từ lâu đời. Họ vẫn nộp mỗi mẫu 2đ10 thuế cho chính phủ. Tưởng rằng đất bỏ hoang, ai nhận khai khẩn trước thì được quyền hưởng lợi, dân cày không nghĩ đến việc trước bạ ruộng đất để tránh những sự bất trắc xảy ra về sau. Họ ngại đi lại cửa công và rất sợ giấy tờ phiền phức. Ngờ đâu ông chủ

---

(1) Một nhà thực dân người Pháp.

Được quét bằng CamScanner

tỉnh Long-xuyên tuyên bố 1.378 mẫu kia là ruộng công. Rồi trong một phiên hội đồng hàng tỉnh người ta thấy đa số tán thành cho ông Lê-quang-Liêm, một nhà đại địa chủ Nam-kỳ kiêm Hội đồng quản hạt, ký giao kèo thuê đứt số ruộng ấy. Thế là trong giây phút 2.000 dân cày hạt Long-xuyên bị cướp ruộng, biến thành tá điền. Không muốn thế, họ đã đấu tranh, xung đột với bọn người nhà ông Liêm đến đổ máu.

Ở Nam-kỳ hiện nay, miền Hậu-giang luôn luôn xảy ra những truyện lôi thôi về tranh chiếm ruộng đất. Có nhiều lô đất chính phủ đã nhượng cho bọn thực dân hoặc cho địa chủ bản xứ từ lâu đời. Dân cày không biết, đầu đơn xin khẩn. Chính phủ cũng cứ cho. Đến khi đã tốn bao nhiêu công sức phá hoang thành ruộng, tưởng đã yên thân. Bỗng nhiên một ngày kia, bọn thực dân hay địa chủ đem một tụi côn đồ đến cắm lấy ruộng, công nhiên chiếm đoạt.

Tình trạng ấy làm cho cuộc xung đột giữa địa chủ và dân cày trong Nam ngày thêm gay gắt. Và đó là nguyên nhân chính của các cuộc dân cày đấu tranh hiện thời ở xứ này.

Ngoài Bắc gần đây có việc chiếm ruộng ở Thiện-tường (Thái-bình) là đáng chú ý hơn cả. Hơn 40 năm trước đây một nhà đại địa chủ (Nam-định) xin lĩnh trưng một thửa đất bồi ở bờ biển Thái-bình (thuộc huyện Tiền-hải). Chưa kịp khai khẩn y đã chết. Nối nghiệp cha, con cái y chiêu mộ dân đinh đến cày cấy. Chỗ ruộng mới vỡ thật ra ở vào hai nơi sát bờ biển cách nhau hai cây số. Hai nơi này không bao lâu đã thành hai thôn của một làng đặt tên là Thiện-tường. Không may gặp bão mồng hai tháng năm (1905) nước biển dâng to, mùa màng mất, nhà cửa giạt trôi, dân cư xiêu bạt. Qua cơn bão, tụi địa chủ chỉ chú trọng tu bổ

Được quét bằng CamScanner

một thôn đỡ hại, còn thôn kia bỏ mặc tá điền. Không được một chút giúp đỡ, những người này ráng sức làm lụng, gây lại ruộng vườn. Họ đắp đê ngăn nước.

Không bao lâu trên thôn Thiện-thành cũ đã mọc lên một cái làng mới lấy tên là Thiện-tường. Việc này có ông Đa-vít (David), công sứ Thái-bình lúc đó cho phép và chứng thực.

Sau 20 năm cần lao, chống với sức tự nhiên, dân Thiện-tường đã có được 165 mẫu ruộng. Quang cảnh ngày một trù phú.

Tụi địa chủ Nam-định trông thấy mà thèm. Họ chiếu giấy xin lĩnh trưng của ông cha kiện dân Thiện-tường, chiếm lại ruộng đất.

Tòa xử cho họ được kiện. Thế là dân cày bị cướp không 165 mẫu mà mình đã tổn bao nhiêu công sức gây nên [1]. Một số bỏ đi, còn một số dành nuốt hận làm tá điền cho bọn bóc lột.

Trên đây là mấy cái ví dụ chứng tỏ dân cày bị địa chủ chiếm ruộng. Và đó là một nguyên nhân bất thường làm cho ruộng đất càng ngày càng tập trung vào tay bọn người ăn bám kia!

RUỘNG ĐẤT TRONG TAY BỌN THỰC DÂN

Dưới quyền chủ nghĩa đế quốc Pháp, những đồn điền trại ấp của bọn « cỏ-lông » mọc lên như nấm.

---

(1) Khi Mặt trận bình dân lên cầm quyền, dân làng Thiện-tường làm đơn kêu chính phủ. Ông Cô-lát (Colas), Công sứ Thái-bình, bắt tụi địa chủ phải trả lại cho dân một nửa ruộng làm công điền của làng. Nhưng họ vận động không trả, khiến cho giữa bọn đi bóc lột và người bị bóc lột đã xảy ra nhiều cuộc xung đột dữ dội.

Được quét bằng CamScanner

Đến năm 1890 ở Đông-dương tính ra có tới 116 cái đồn điền của người Tây, rộng tới 11.690 mẫu tây, chia ra như sau :

4.346	mẫu tây ở	Nam-kỳ.
3.484	—	Trung-kỳ.
3.068	—	Bắc-kỳ.
490	—	Cao-miên.

Những người có ruộng hầu hết là cố đạo ; họ nhân danh Trời, Thánh mà chiếm ruộng đất của dân ; họ bóc lột tàn nhẫn quần chúng ở « dưới trần », rồi hứa với quần chúng sẽ cầu nguyện cho được lên « thiên đường » sau khi chết !

Bọn thứ hai có ruộng là tụi võ quan được chính phủ bảo hộ cho đất để đền công chinh phục xứ này.

Sau nữa đến bọn thực dân thường, nhưng có quyền thế, xin trưng khẩn đất đai ở thuộc địa.

Từ năm 1897 đến năm 1900, những việc lũng đoạn đất đai càng nhiều. Năm 1897, ở Bắc-kỳ có 40 cái đồn điền mới thành lập, rộng tới 59.930 mẫu tây. Mấy năm sau người ta còn chiếm đất thêm nữa :

Năm	1896	chiếm	15.800 mẫu tây
»	1897	»	78.074 »
»	1898	»	100.146 »
»	1899	»	10.706 »
»	1900	»	58.275 »

Trong 10 năm bọn « cô-lông » chiếm tất cả 320.000 mẫu tây để trồng cà-phê và lúa.

Từ 1907 họ đổ xô vào vùng đất đỏ Nam-kỳ. Đó là thời đại cao-su của thực dân Pháp. Cùng khi đó những đồn điền ở Sơn-tây, Bắc-giang, Thái-nguyên thành lập.

Sau cuộc đại chiến 1914 — 1918, chủ nghĩa đế quốc Pháp muốn băng bó những vết thương đau đớn của

Được quét bằng CamScanner

chiến tranh, hết sức chở vốn sang thuộc địa mở đồn điền, khai mỏ, dựng nhà máy. Đó là thời kỳ tăng cường khai thác thuộc địa để lấy nguyên liệu như than, chì, kẽm, cao-su, v.v... cung cấp cho nền công nghiệp ở chính quốc.

Từ năm 1925 đến năm 1929, bọn thực dân có thêm được 215.000 mẫu tây đồn điền nữa.

Năm 1926 họ chiếm 96.927 mẫu tây.

Năm 1928 họ chiếm 47.000 mẫu tây (1).

Thời kỳ ấy phù hợp với mấy năm ổn định tạm thời của chủ nghĩa đế quốc. Năm 1929 — 1930 kinh tế đại khủng hoảng. Công cuộc khai thác thuộc địa cũng chậm lại.

Tổng cộng từ khi Đông-dương thành thuộc địa của Pháp, bọn thực dân đã có được 892 000 mẫu tây về đất nhượng (concessions) cộng với 133.000 mẫu tây của họ tậu hoặc chiếm được, tất cả là 1.025.000 mẫu tây.

Đến năm 1930 trong số 1.025.000 mẫu ấy, 445.000 mẫu đã khai khẩn, trị giá là 2.350 triệu quan. Riêng đồn điền cao-su đã chiếm 706.000 mẫu tây.

Nhưng năm 1931 mới có 174.000 mẫu tây là đã trồng trọt.

Ngoài ra, ta phải kể sự lũng đoạn ruộng đất của nhà Đông-pháp ngân hàng và những chi nhánh của nó như Địa ốc ngân hàng, v.v... Dùng cách cho vay, những nhà Ngân hàng này tịch ký ruộng đất của những người đến hạn không trả được nợ.

Trong thời kỳ kinh tế Đông-dương khủng hoảng nặng (1929 — 1935), một hiện tượng đã xảy ra có thể cắt

---

(1) Những con số trong đoạn này rút ở bản điều tra về ruộng đất của báo Tiền phong (Avant-garde) — 1937.

Được quét bằng CamScanner

nghĩa tại sao mấy năm vừa qua ruộng đất tập trung vào Ngân hàng. Người ta mở Nông phố ngân hàng ở khắp các tỉnh bảo là để giúp cho dân cày vay nhẹ lãi. Bọn địa chủ đổ xô nhau đem gán ruộng để vay. Họ vay của Nông phố ngân hàng 10 — 12 phân, rồi cho dân cày vay lại lấy 20 — 30 phân. Tưởng bở, ngờ đâu họ tính sai. Kinh tế khủng hoảng dữ dội quá.

Ở Nam-kỳ, thóc lúa sụt giá 3 hào một giạ; ngoài Bắc 18 xu một thùng. Trung bần nông, tá điền không lấy gì trả nợ cho địa chủ, nhiều khi đến hạn đâm ỳ ra. Muốn trả nợ Nông phố ngân hàng, tụi địa chủ phải cắn răng bán nhà, bán đất. Ở Đông-dương, nhất là ở Nam-kỳ, khi đó tình cảnh cả địa chủ lẫn dân cày rất nguy ngập. Một anh địa chủ phá sản đổ nhào lại kéo hàng trăm anh tá điền ngã theo. Ruộng đất của họ chạy vào ngân hàng ráo. Đến nay, ta có thể nói rằng 25% ruộng đất ở Đông-dương đã lọt vào tay bọn thực dân, nhất là bọn tư bản tài chính Pháp.

Bao nhiêu nghị định về chế độ cấp đất từ trước đến nay cốt để bênh vực cho bọn chủ đồn điền, cho các công ty nặc danh lũng đoạn ruộng đất. Bọn « cô lông » nào có thế lực thường chiếm được phần con sư tử.

Người ta thường kêu dân quê thiếu đất, nạn nhân mãn đã trở nên trầm trọng. Nói ra vẻ thương dân lắm, kỳ thật họ chỉ tuyên truyền cho việc mộ phu đi Tân-đảo, Tân-thế-giới để làm mồi cho bọn thực dân Pháp ở đó, và họ cố tình lờ đi, không nhắc tới chế độ cấp đất cho bọn thực dân.

Bọn thực dân có đồn điền còn tìm cách làm cho ruộng đất dần dần lan rộng ra như giọt dầu trên miếng thảm. Ở Bắc-kỳ có nơi chủ đồn điền thả trâu bò cho ăn lúa của dân mấy làng lân cận. Lẽ tất nhiên dân bị

Được quét bằng CamScanner

thiệt hại phải đuổi đánh. Đụng phải con nào gây thương tích thì lập tức chủ đồn điền bắt phải đền bảy tám chục một con. Không đền được thì gán ruộng.

Ở Đông-dương có nhiều nơi (ví dụ Bùi-chu, Phú-nhai, thuộc Nam-định) ruộng hàng chục làng là của cố đạo. Dân cày hầu hết là con chiên mà cũng là tá điền. Dân lương ở những làng chung quanh khi túng thiếu đến vay cố, quá hạn không trả được đành gán ruộng cho cố rồi vợ chồng con cái kéo đến xin đi đạo và xin làm con chiên, đầy tớ cho Nhà thờ. Khu vực của các cố đạo cứ dần dần mở rộng mãi ra. Những vùng ấy thật như những cái quận của tụi quý tộc đời phong kiến và dân cày khác nào nông nô của các cố đạo

RUỘNG ĐẤT TRONG TAY BỌN ĐỊA CHỦ BẢN XỨ

Những phần ruộng đất quan trọng ở xứ này cố nhiên ở trong tay bọn cố đạo, bọn tư bản tài chính và bọn cô-lông; nhưng số ruộng tập trung trong tay bọn địa chủ bản xứ vẫn là phần lớn nhất.

Việc điều tra về ruộng đất này gặp rất nhiều trở ngại. Ở xứ ta những nhà địa chủ có nhiều ruộng thường không đứng tên một mình. Họ cho con, cho vợ lẽ đứng tên trong địa bạ, mặc dầu hoa lợi vẫn thu về tay họ. Ở ấp Tả-hành (Thái-bình) có nhà địa chủ cho con đứng tên để nhận phần ruộng mà chính người con này chưa ra đời. Một số đông tiểu địa chủ đã cho ruộng cho đại địa chủ, nhưng trong địa bạ họ vẫn là chủ phần ruộng ấy.

Xét đại cương ta thấy ruộng đất tập trung nhất ở Nam-kỳ. Trong 14 tỉnh người ta tính ra có 90.285 địa chủ sống bằng sự bóc lột sức lao động của người khác.

Được quét bằng CamScanner

Đông-dương có tất cả 5.024.015 mẫu tây đất cày cấy mà riêng Nam-kỳ đã có 2.285.000 mẫu tây, tức là gần một nửa ruộng của toàn xứ. Bọn đại địa chủ giàu nhất ở vùng Bắc-liêu, Cần-thơ. Tính ra ở vùng này riêng số địa chủ có trên 50 mẫu tây (chừng 139 mẫu ta) đã chiếm mất 65% ruộng đất.

Nói chung Nam-kỳ có 244 đại địa chủ có trên 500 mẫu tây. Bọn đại địa chủ Nam-kỳ thật là những ông Hoàng, ông Quận. Điều kiện sinh hoạt của tá điền và địa chủ sai biệt nhau nhiều quá. Chính vì thế mà dân cày trong Nam có tinh thần giai cấp hơn dân cày các xứ khác ở Đông-dương và cũng chính vì thế họ là quân tiền phong của phong trào nông dân đấu tranh trong thời kỳ này.

Ở Bắc-kỳ, một vựa thóc thứ hai của bán đảo chữ S, ruộng đất ít tập trung hơn. Trong 18 tỉnh, người ta tính được 12.005 địa chủ sống về cách cho cấy rẽ. Những tỉnh nhiều địa chủ kếch sù nhất là Bắc-giang, Hà-đông, Thái-bình, Nam-định, Bắc-ninh, Hải-dương.

Nếu chỉ tính nguyên những ruộng cày cấy, trồng trọt được thì ta thấy ruộng đất Bắc-kỳ phân phối rất vụn vặt.

. . . . . .

. . . . . *(mất bốn trang)* . . . . . .

của Trung-quốc. Mà tỉnh điền là một hình thức về ruộng đất của chế độ phong kiến. Ngày xưa các vua tự nhận ruộng đất trong nước là của mình, tùy ý mình cho ai thì người ấy được một phần làm ruộng tư. Dưới đời Trần-thái-Tôn (1225—1258) ruộng đã chia ra 4 thứ như sau đây:

1. Quốc khố điền là ruộng để riêng cho Nhà nước;
2. Công điền là ruộng của Nhà nước chia cho dân;

Được quét bằng CamScanner

3. Thác đao điền là ruộng của vua cấp cho công thần;

4. Tư điền là ruộng của riêng từng nhà.

Nói một cách chung, dân tộc ta trước kia đã nhiều phen bị vua quan Trung-quốc áp bức. Mỗi khi dân ta đứng lên giải phóng dân tộc, đánh đuổi bọn xâm lược phương Bắc thì đồng thời ta đánh đổ luôn cả bọn quý tộc dựa vào quyền thống trị của bọn phong kiến Trung-quốc mà hưởng đặc quyền, đặc lợi. Nhưng sau khi bình được giặc ngoài, người chỉ huy phong trào giải phóng lên cầm quyền, mở ra một đời mới, đem một phần ruộng của tụi quý tộc cũ phản quốc sung công làm công điền, còn một phần chia cho những người trong gia tộc mình và cho các công thần đã theo mình đánh giặc. Một số tư điền mới thành lập và dần dần trong nước sinh ra một bọn quý tộc mới. Bọn này lạm quyền chiếm đất, khuếch trương thế lực của mình, bóc lột dân đen; một số đông người không có đất bị một số ít quý tộc phong kiến áp bức bóc lột. Trong dân gian sinh ra nghèo đói, trộm cướp. Vấn đề chia lại ruộng đất, cải cách ruộng đất lại thành ra một vấn đề cần phải giải quyết.

Lịch sử từ đời Hậu Lê trở lại đây đã đưa chúng tôi đến cái thuyết trên.

Lê-Lợi (1428 — 1527) sau khi chỉ huy nhân dân Việt-nam đánh được phong kiến Trung-quốc xâm lược, liền cải cách ruộng đất, dựng lại chế độ công điền của đời Trần, thực hành việc quân cấp công điền cho các đinh tráng. Ruộng đất ấy là ruộng đất đã tịch thu của bọn quý tộc cũ. Đồng thời, Lê-Lợi lại cấp ruộng cho các bậc khai quốc công thần. Một bọn quý tộc mới sinh ra; đến đời Lê-Mạt, bọn này lộng quyền, chiếm đất của dân nhiều quá.

Được quét bằng CamScanner

Đến thế kỷ thứ 18, chúa Nguyễn và chúa Trịnh cùng một bày quý tộc, chân tay của chúng, cứ thừa thế lấy ruộng lập thành những trại ấp bao la, gọi là Thái ấp.

Nhân dân lầm than, đói rét, trộm cướp như rươi, nguyên nhân chỉ vì thiếu ruộng cày cấy.

Cho nên dưới đời chúa Trịnh lộng quyền đã nổ ra nhiều cuộc dân cày khởi nghĩa, tương đối nổi tiếng là phong trào Nguyễn-hữu-Cầu (vua quan gọi là «giặc» Quận Hẻo). Và sau đó ít lâu Tây-sơn khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa này *thật là một cuộc cách mạng không những có tính chất giải phóng dân tộc như người ta đã thường nhận mà còn có tính chất nhân dân, tính chất dân cày nữa.*

Nó phát sinh vì ruộng đất quá tập trung trong tay bọn quý tộc ăn bám. Nhiệm vụ của nó đáng lẽ là phải giải quyết những mâu thuẫn của chế độ ruộng đất. Nhưng không may chưa làm trọn được công việc ấy thì Nguyễn-Huệ đã chết; đồng thời có những cuộc tranh giành, chia rẽ đáng tiếc xảy ra trong nhà Tây-Sơn và giữa những người nối nghiệp Nguyễn-Huệ.

Ruộng đất chưa chia lại, trong dân gian vẫn còn những mối bất bình. Đến nỗi sau khi thống nhất Việt-nam (1802), Gia-Long phải quy định lại ruộng đất, ấn định phần ruộng công, ruộng tư cho từng làng[1].

---

(1) Cuộc định lại chế độ điền địa của Gia-Long tuy rất quan trọng, nhưng mục đích không ngoài việc ổn định cơ sở vật chất của chế độ phong kiến của triều Nguyễn. Cho nên đến đời Minh-Mạng, nhà vua phải ban bố một cái dụ bắt các quần thần người nào giàu phải bỏ ra một phần ba ruộng đất sung công cho làng mình. Nhưng dụ này không thi hành ở Bắc-kỳ. Báo Tạp chí Đông-dương 1914 (Revue Indochinoise 1914, 1er semestre) có nhắc đến cái dụ ấy.

Được quét bằng CamScanner

Gia-Long lên ngôi, các công thần và các con cái bọn bày tôi chúa Nguyễn cũng được hưởng một phần ruộng tư. Cả đến ông Hoàng, bà Chúa nữa. Nhưng một điều chắc chắn là số ruộng công lúc đó nhiều hơn bây giờ.

Nhà vua không những quy định chế độ công điền mà còn làm cho số công điền lan rộng ra nữa. Dưới đời Tự-Đức, triều đình sai các quan dinh điền đi khai phá đất hoang trong rừng núi hoặc lập ấp trên đất bồi ở bờ biển. Những huyện Kim-sơn, Tiền-hải là kết quả của công trình thực dân của Nguyễn-công-Trứ. Ruộng đất mới khai phá đều liệt vào đất công : quyền chi phối thuộc về nhà vua.

Đó là những nguồn gốc khác nhau của chế độ công điền hiện tại.

Thuyết ấy có đúng không? Câu trả lời xin nhường lại các nhà sử học sau này.

Tóm lại, chế độ công điền hiện thời có hai nguyên nhân : nó đẻ ra vừa bởi tàn tích của chế độ ruộng đất của nước Việt-nam cổ, vừa bởi chính sách của nhà Nguyễn, chính sách ấy có được là do yêu cầu về ruộng đất của nông dân nước ta.

Tại sao vua chúa ngày xưa lại có xu hướng để ruộng làm của công? Trước hết người ta có quan niệm ruộng đất là của Trời, vậy vua có quyền sở hữu về ruộng đất vì « vua là con Trời » kia mà! Sau nữa để một phần ruộng làm của công tức là làm lợi cho công quỹ : vua bắt dân chịu thuế ruộng công nặng hơn ruộng tư (1). Để một phần ruộng đất làm của công, mỗi khi cần vua còn thưởng đất cho công thần. Vả chăng muốn cho dân gian

---

(1) Dưới triều Gia-Long, 1 mẫu tư điền phải nộp 40 bát thóc, mà 1 mẫu công điền phải nộp những 120 bát. Thuế khi đó nộp bằng hiện vật.

Được quét bằng CamScanner

được yên ổn, phải cho dân có đất: phải có công điền để quân cấp cho dân và tránh sự phát sinh một hạng người cùng khốn hoàn toàn không đất.

Tuy nhiên, còn để chế độ tư điền, còn có bóc lột thì không thể tránh nạn ruộng đất dần dần tập trung vào tay đại địa chủ. Vả lại, bọn kỳ hào, quan lại cứ lợi dụng chỗ không nghiêm khắc của pháp luật, chỗ dân cày kém đoàn kết và giác ngộ mà lũng đoạn, chiếm đoạt bừa đi.

Không những số ruộng tư tập trung vào địa chủ, đến cả số ruộng công còn lắm khi bị chiếm đứt làm ruộng tư nữa.

Diện tích công điền. — Trong 5.024.015 mẫu tây đất có thể cày cấy được ở Đông-dương, có tới 489.055 mẫu tây công điền phân phối như sau:

233.745 mẫu tây ở Bắc-kỳ.
194.448 mẫu tây ở Trung-kỳ.
60.862 mẫu tây ở Nam-kỳ.

Ở Bắc-kỳ công điền chiếm một phần năm ruộng đất có thể trồng trọt. Ở Trung-kỳ một phần tư. Ở Nam-kỳ tỷ số đó còn thấp hơn nữa. Ta hãy xem tỷ số công điền ở mấy tỉnh:

Hà-nam trong 56.000 mẫu tây có 21.101 mẫu công điền, tức là 2 phần 5.

Thái-bình trong 118.100 mẫu tây có 38.477 mẫu công điền, tức 1 phần 3.

Hải-dương trong 135.200 mẫu tây có 19.745 mẫu công điền, tức 1 phần 7.

Phú-thọ trong 38.400 mẫu tây có 3.546 mẫu công điền, tức 1 phần 11.

Bắc-giang trong 106.600 mẫu tây có 4.681 mẫu công điền, tức 1 phần 23.

Được quét bằng CamScanner

Quảng-bình trong 40.000 mẫu tây có 21.428 mẫu công điền, tức quá 1 phần 2.

Thừa-thiên trong 32.200 mẫu tây có 24.084 mẫu công điền, tức 2 phần 3.

Và mấy tỷ số khác trong 4 phủ huyện :

Phủ Lý-nhân (Hà-nam),	công điền chiếm	46% ruộng đất.
Phủ Khoái-châu (Hưng-yên)	—	42,5% —
Huyện Tiền-hải (Thái-bình)	—	59 % —
Phủ Xuân-trường (Nam-định)	—	77,5% —

Xét ruộng từng làng, có làng có công điền, có làng không. Lại có « cả » công điền ở làng này nhưng thuộc về địa hạt làng khác. Ví dụ : công điền làng Thương-phú (Thái-ninh, Thái-bình) ở mãi làng Dương-xuyên, cách chừng 3 cây số.

Có khi một làng ở xa biển mà có công điền ở sát bờ biển. Đó là kết quả của chính sách chia đất bồi của chính phủ mấy năm trước đây [1].

Quân cấp công điền. — Cách quân cấp công điền hiện nay như thế nào ?

Có làng quân cấp ruộng công cho dân. Nhưng lại có làng không quân cấp, vì nếu chia ra, ruộng linh tinh quá, mỗi người chỉ được một giải đất bé, không tiện việc cày bừa. Khi nào không tiện chia, kỳ hào cho một vài người đứng ra lĩnh trưng rồi đến mùa chồng tiền hoặc chồng thóc cho làng để « chế sưu » (đóng đỡ sưu cho dân) hoặc tiêu pha về công việc hàng xã. Công điền

---

(1) Năm 1931-1932 có nghị định làng nào đông người quá mà ít ruộng thi được phép san một ít dân xuống bờ biển làm ăn. Làng Hành-thiện vì thế có ấp Bạch-long xa làng chừng 30 cây số.

Được quét bằng CamScanner

không chia phần nhiều là những công điền riêng của làng và những làng không chia công điền phần nhiều là những làng đinh nhiều ruộng ít.

Bọn kỳ hào lợi dụng chỗ không chia này mà thi hành chính sách « thụt két » rất khéo. Lợi tức của ruộng công được mười phần, họ thường ăn bớt mất hai ba phần hoặc hơn nữa. Làng Vô-soóng có 30 mẫu công điền mà rốt cuộc dân không được hưởng một chút chi cả. Bọn kỳ hào cho thuê được bao nhiêu lời đem tiêu phí về việc làng, việc thánh để tha hồ tranh thịt, tranh xôi. Song có phải bất cứ ai cũng thuê được ruộng làng đâu! Anh nào đút lót cho kỳ hào hoặc thần thế mới được.

Phần nhiều người ta cho thuê ruộng công bằng cách đấu giá. Muốn hiểu cách này ta hãy xét cách cho thuê ruộng công ở mấy làng ở Bắc-kỳ.

Năm 1936, làng Hành-thiện (Nam-định) cho thuê 15 mẫu ruộng lưu trữ là 120đ00. Sang năm 1937 thóc kém mà chỉ cho thuê lấy 110đ00. Trước khi đấu giá bọn kỳ hào cho rao mỗ, hôm sau ai muốn đấu ra đình. Chiếu lệ! Kỳ thực đã có một bọn dự bị sẵn. Bọn này có thế lực, vận động trước, nhận thuê ruộng của làng rồi cho dân đinh thuê lại, mỗi mẫu tính 15đ00, tức là 15 mẫu 225đ00. Bọn đứng ra thuê, ở giữa không phải làm cũng được lời 115đ00.

Ở làng An-xuyên (Bình-định) bọn kỳ hào cho thuê 10 khu đất công lấy 296đ00 mà đáng lẽ có thể cho thuê được 900đ00. Chỉ công quỹ là thiệt. Tiền « chế sưu » ít đi, gánh thuế nặng lên!

Còn những ruộng công có thể quân cấp thì sao? Chỗ nào ít đinh nhiều ruộng, chia ra không đến nỗi linh tinh quá thì người ta mới chia. Cứ lệ, đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi đều được hưởng một phần ruộng công do làng quân cấp (Chú ý : phụ nữ không được hưởng

Được quét bằng CamScanner

ruộng công). Nhưng có làng người già quá 60 tuổi cũng được dự một phần, ít hơn phần dinh tráng. Trước đây người ta còn cắt ra một phần ruộng công cấp cho lính, cho mõ trước khi đem chia. Phần nhiều ở Bắc-kỳ người ta chia công điền cho cả những người đi phu Tân-thế-giới, đi đồn điền Nam-kỳ. Có đôi nơi, như làng Đông-lạc (Ninh-giang, Hải-dương), một người chết tính đến lúc chia chưa hết tang, cũng vẫn được hưởng quyền quân cấp.

Phần nhiều theo lệ quân cấp công điền, ruộng công phải chia đều cho các đinh tráng, nghĩa là phần ruộng của mọi người đều ngang nhau. Nhưng cũng có nơi như làng Hà-lộ (Tứ-kỳ, Hải-dương), vì công điền có chỗ tốt chỗ xấu, muốn cho công bằng người ta không chia đều; ai nhận phần xấu thì được nhiều ruộng hơn người nhận phần tốt. Ở đây ruộng công chia làm ba hạng tốt, xấu, và trung bình. Những người nhận hạng tốt (tức hạng nhất) được 1 sào (360^{m2}), những người nhận ruộng hạng trung bình (tức hạng nhì) được 1 sào 6 thước (504^{m2}), và những người nhận hạng xấu (tức hạng ba) được 1 sào 10 thước (600^{m2}).

Ruộng công chia mấy năm một kỳ? Thường thường 3 năm một kỳ. Cũng có làng năm sáu năm một kỳ. Ít làng chia năm một; vì mỗi người được cày cấy có một năm, sang năm sau phần công điền của mình lại sang tay người khác, tất nhiên không ai chịu chăm nom, bón xới; mà có bón chăng nữa cũng chỉ qua loa, đủ cho tốt lúa một năm thôi. Dân cày cho rằng không tội gì «dọn cỗ cho người khác ăn». Vì lẽ đó chia lại hàng năm không có lợi.

Trong bốn phủ huyện tỉnh Hải-dương, có 71 làng chia 3 năm một kỳ; 37 làng 6 năm một kỳ; 8 làng 5 năm một kỳ; 1 làng 10 năm một kỳ; 1 làng 4 năm một kỳ.

Được quét bằng CamScanner

Đôi khi có làng chia ruộng công không theo thời hạn nhất định (như làng Hàm-hi, Tứ-kỳ, Hải-dương). Bao giờ có nhiều người chết đi hoặc lên lão và đồng thời có nhiều người đến tuổi thành đinh, các bô kỳ mục nghe dư luận thấy cần phải chia lại công điền, lúc đó mới chịu chia.

Công điền chia theo cách nào? — Có nhiều cách. Chúng tôi xin kể mấy cách như sau :

Cách thứ nhất: chia ruộng công ra nhiều khu. Kỳ hào nhận phần béo bở trước. Còn thừa mới gạt cho từng nhà tùy theo thế lực hoặc ngôi thứ trong hương thôn ; những người mới « vào làng », mới « đóng góp » chỉ được phần cặn bã.

Cách này phổ thông nhất mà cũng bất công nhất. Mạnh ai người ấy được phần hơn. Việc quân cấp tự tay kỳ hào làm hết ; dân cày không được dự, hoặc biết bất công mà không có sức đoàn kết, không đủ sức phản đối. Phần nhiều các làng xứ Bắc-kỳ chia theo cách này.

Cách thứ hai : ruộng công chia làm nhiều mảnh, ghép thành hai rẫy : một rẫy mảnh tốt và một rẫy mảnh xấu. Mỗi người được một mảnh tốt lại kèm theo một mảnh xấu.

Cách chia này tất nhiên là công bằng hơn cách trên. Nhưng phải nhớ rằng tụi kỳ hào chịu chia như thế cũng vì dân đã giác ngộ đôi chút. Ví dụ : làng An-lạc (Vĩnh-bảo, Hải-dương) tụi kỳ hào trước kia cũng làm bừa như cách trên ; sau dân cử một đoàn đại biểu lên kêu quan. Kết quả, kỳ hào phải nhượng bộ.

Cách thứ ba: đặt một sổ đinh theo ngôi thứ và già trẻ, ai có chức tước và nhiều tuổi ở trên, ai bạch đinh hoặc ít tuổi ở dưới. Ruộng cũng chia thành từng mảnh đánh số theo thứ tự : tốt, vừa và xấu. Lần này những

CS Được quét bằng CamScanner

người đứng trên đầu sổ bắt phần ruộng tốt thì lần sau phải nhận phần ruộng xấu, nghĩa là bắt ngược sổ đi.

Theo cách này những người đứng đầu sổ và những người đứng cuối sổ, cứ cách một lần được nhận ruộng tốt lại đến một lần nhận ruộng xấu. Còn những người đứng giữa sổ thì bao giờ cũng được nhận phần ruộng trung bình.

Ở Thái-bình, đã có làng chia ruộng theo cách này.

Cách thứ tư: ruộng công có chỗ xấu, chỗ tốt. Nếu chia đều e có sự bất công; người nào được phần ruộng xấu sẽ bị thiệt. Muốn tránh sự thiệt thòi ấy có làng (như làng Hà-lộ đã nói ở trên) chia công điền ra từng hạng; người nào nhận phần ruộng tốt được ít hơn người nhận phần ruộng xấu. Làm như thế phần ruộng nhiều hoa lợi cũng ngang phần ruộng ít, và đứng về lý thuyết mà nói, nhận phần nào cũng thế, hơn thiệt không mấy.

Cách thứ năm: chia ruộng công với số đinh thành những khẩu phần. Ví dụ: làng có 180 đinh và 36 mẫu ruộng công; mỗi khẩu phần là 2 sào; đặt con số cho mỗi khẩu phần; từ khẩu phần số 1 đến khẩu phần số 180. Rồi làm những cái thẻ biên số các khẩu phần. Việc cuối cùng là rút thăm, ai trúng khẩu phần nào phải lấy khẩu phần ấy.

Làng Thượng-phú (Thái-ninh, Thái-bình) từ năm 1937 đã quân cấp công điền theo cách này. Làng Đình-bảng (Bắc-ninh) cũng dùng cách rút thăm để cấp ruộng công.

Đó là mấy cách chia ruộng công ở các làng. Trong năm cách nói trên, chỉ có bốn cách sau là tương đối công bằng hơn. Tuy nhiên phải nhớ rằng cách rút thăm chỉ có thể dùng khi nào ruộng công sàn sàn nhau, không có chỗ tốt quá, chỗ xấu quá. Nếu ruộng công tốt xấu chênh lệch quá, rủi người nào trúng phải

Được quét bằng CamScanner

chỗ đất xấu luôn hai ba kỳ quân cấp, tất nhiên họ sẽ phản đối ngay. Song sự thật ruộng đất không thể nào đều nhau một loạt, nên cách rút thăm cũng chưa chắc đã được công bằng. Tụi kỳ hào có thể làm thăm « đặc biệt » để nhận phần ruộng tốt. Trừ khi nào dân quê tự mình tổ chức một ủy ban quân cấp công điền trong đó có cả đại biểu của dân cày và chức dịch của làng tham dự, cùng nhau kiểm soát việc chia (như ở làng Thượng-phú, Thái-bình) thì mới được tương đối công bằng thôi.

Lũng đoạn ruộng công. — Một điều đáng cho ta chú ý là hiện nay có nhiều làng kỳ hào trước khi đem chia đã gạt ra một phần ruộng riêng cho mình, gọi là bút điền ; họ kiếm cớ là để tết quan và chi phí trong khi lên huyện, lên tỉnh. Chính vì thế nên ở làng Trình-phố (Thái-bình) chánh tổng nhận 2 mẫu ruộng công, lý trưởng 1 mẫu ; còn lại bao nhiêu mới chia cho dân đinh.

Làng Hà-cát, huyện Giao-thủy (Nam-định), kỳ hào chia ruộng công lung tung. Phần công điền của một người có khi lại gồm nhiều mảnh ở hai ba nơi. Họ chia cho thế nào phải chịu thế. Muốn « quy tiện », (đổi lẫn cho nhau để có một phần ruộng liền hoặc ruộng gần tiện cho việc cày cấy) thì phải chịu thiệt. Ví dụ : mỗi suất đáng lẽ được 8 sào. Anh A muốn đổi một mảnh ruộng công của mình lấy mảnh của anh B, sẽ chỉ được 6 sào. Hai sào đôi ra tụi kỳ hào lấy. Có chịu thiệt như thế chúng mới cho đổi.

Ngoài việc kiếm cách xà xẻo, tụi kỳ hào có nơi chiếm đoạt hẳn ruộng công. Xã Xuân-phách, tổng Tượng-yên (Cao-bằng) có 4 mẫu công thổ. Bọn kỳ hào Nùng chia nhau làm từ lâu đời ; bây giờ chiếm hẳn làm của riêng.

Được quét bằng CamScanner

Ở nhiều làng tụi kỳ hào nhận lấy phần ruộng công của những người già quá tuổi trả lại cho làng. Họ mướn canh điền cày cấy, độc quyền hưởng hoa lợi. Nhiều khi những người làm xa quanh năm không về, nhưng vẫn lấy thẻ ở làng ; phần ruộng của những người này, tụi kỳ hào không chia cho vợ con hoặc thân nhân của họ, cứ chiếm lấy mướn người làm, hoa lợi được bao nhiêu chén ráo (xã Cổ-hội, Thái-ninh, Thái-bình). Lại có nơi kỳ lý bịa ra làm đình, làm chùa, bắt toàn dân ký kết bán ruộng công cho chúng làm tư điền để lấy tiền chi phí.

Chúng vận động với các quan địa phương nhận cho « hoán công vi tư » [1] ; thế là chúng chiếm đứt ruộng công của làng. Ở Đông-kinh (Thái-ninh, Thái-bình) dân ký bán cho cường hào 100 mẫu ruộng công giá chỉ bằng nửa ruộng tư. Ở nhiều nơi khác tụi kỳ hào cho vay nặng lãi, đến sau dân không trả được, buộc lòng phải gán ruộng công cho chủ nợ ; cứ như thế lâu năm trải qua nhiều đời kế nghiệp, công điền biến ra tư điền.

Ở Nghĩa-phong (Thái-bình), năm 1936 xảy ra một việc tranh chiếm công điền rất lôi thôi. Đã từ lâu, đồng dân ký kết bán ruộng công cho một người đàn bà góa. Mấy năm sau, người đàn bà này bán lại cho một người khác ở xã bên cạnh đến xâm canh. Dân biết thế liền đòi lại ; xảy ra một cuộc xung đột lưu huyết giữa dân làng và đầy tớ người kia. Ở Đông-tiên (Vũ-tiên, Thái-bình) mới đây cũng xảy ra một việc hơi giống như thế.

Có nhiều người — nhất là người ngoại quốc — đối với chế độ ruộng công của ta rất lạc quan. Họ tưởng dân quê ta nhờ có công điền, đời sống được đôi phần

---

(1) Hoán công vi tư : đổi ruộng chung làm ruộng riêng.

Được quét bằng CamScanner

bảo đảm. Nhưng thật ra mỗi người dân cày chỉ được một phần rất ít công điền (chừng vài ba thước đến một sào). Vả lại được dự một phần công điền là một vấn đề và được hưởng hoa lợi của phần công điền ấy lại là một vấn đề khác. Một số đông dân cày nghèo ngày thường không đủ ăn phải vay nặng lãi, đến khi nhận được một phần ruộng công liền cố luôn cho chủ nợ, gọi là «cố công điền».

Ở ấp Thiện-thành (Tiền-hải, Thái-bình) cứ đến vụ thuế dân không có tiền nộp, phải «cố công điền» cho các địa chủ, mỗi mẫu lấy 4đ00, rồi người có ruộng công phải làm giấy nhận lại phần ruộng kia mà cày cấy; đến mùa phải nộp cho địa chủ mỗi mẫu 20 thùng, một năm 40 thùng. Có nhiều địa chủ làm công điền theo cách này mà trở nên giàu có. Đối với những nơi dân nghèo quá phải «cố công điền» thì công điền có cũng như không. Chỉ lợi cho tụi cho vay cứa họng hoặc tụi địa chủ đầu cơ công điền, công thổ.

Tóm lại, ruộng đất ở Đông-dương tập trung vào trong tay địa chủ, dân cày thiếu ruộng cày cấy.

Công điền, công thổ bị tụi kỳ hào lũng đoạn và chiếm đoạt, hoặc có chia nhưng phần nhiều chia một cách bất công.

Muốn nâng cao mực sống của dân cày *phải chia lại ruộng đất và trừng trị tụi đầu cơ ruộng đất công.*

Được quét bằng CamScanner

CHƯƠNG VI

TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU VỀ ĐỜI SỐNG CỦA DÂN CÀY

ĐÊ ĐIỀU VÀ NẠN NƯỚC LỤT

Dân cày Đông-dương bị nhiều từng áp bức bóc lột. Họ khổ vì chế độ xã hội đã nhiều; song họ bị dằn vặt bởi những tai nạn tự nhiên cũng không phải ít. Lụt lội, đại hạn, hoàng trùng, bão gió..., bao nhiêu «tai trời, vạ đất» thỉnh thoảng lại làm tan nát cả mùa màng. Nhưng tai hại nhất là nạn nước lụt.

Ở Đông-dương lụt lội hay xẩy ra nhất ở vùng hạ lưu sông Hồng-hà, sông Thái-bình [1] và sông Cửu-long. Hàng năm về mùa mưa, nghĩa là từ tháng 5 đến tháng 9, nước trên nguồn đổ về như thác làm cho mực nước ba con sông này dâng lên rất cao; có năm mực nước sông Hồng-hà lên tới 11m93; và cứ theo các nhà kỹ sư, có thể lên đến 13m. Mỗi năm đến mùa nước lũ, dân quê hai bên bờ sông lo ngay ngáy, trông thấy mặt sông nước chảy xiết thì mất ăn mất ngủ. Lúc nào cũng nơm nớp, hình như đê có thể vỡ, nước xoáy vào đồng,

---

(1) Tổ tiên ta vẫn gọi sông này là sông Bạch-đằng. Tại sao người ta đổi tên của nó? Người ta sợ lịch sử oanh liệt của nó chăng?

Được quét bằng CamScanner

nhà cửa đổ xiêu, mùa màng mất tăm dưới làn nước bạc; một phần ít nhân dân chết đói, chết chìm, còn một phần đông sống sót nhưng sống cơ cực hoặc chạy ra ăn mày ở các thành phố lân cận. Khi chờ đợi chính phủ hoặc các hội từ thiện phát chẩn, họ đi lang thang phố này qua chợ nọ, nhặt lá rau, vỏ chuối ở vệ đường; nhiều khi ăn rồi ném bát bỏ chạy, vì trong túi không có một đồng trinh nhỏ.

Trong các cuộc phát chẩn, thảm hại nhất là thấy nạn dân chen nhau, cướp những nắm gạo thừa rơi vãi dưới đất, xô đẩy, dày xéo lên nhau dưới trận mưa vọt của tuần đinh hay lính tráng. Dự vào một cuộc phát chẩn năm vừa qua, chúng tôi được mục kích những bộ mặt vàng ửng, khô tóp, nói không ra hơi, miệng há hốc, ngồi đợi người phát gọi. Đến khi được một vài đấu thì vội bốc bỏ mồm nhai. Đó là những bộ mặt mấy ngày luôn chưa được một hột cơm.

Tổ chức cứu tế nạn dân không được chu đáo, lại bị kỳ hào ăn bớt ăn xén, hao hụt mất nhiều. Dân cày bị lụt lội, đại hạn luôn luôn. Có nơi như vùng Lục-nam (Bắc-giang), nhiều làng mất mùa luôn bốn năm. Dân cày gặp nạn lăn ra mà chết.

Thật ra không phải riêng gì năm ngoái mới có lụt. Từ lâu nhân dân Việt-nam đã chịu lụt lội nhiều lần. Về đời nhà Trần (thế kỷ thứ 13) nước sông Nhị-hà (Hồng-hà) đã tràn lên nhiều vùng; đến nỗi nhà vua phải cho đắp đê Đỉnh-nhĩ[1]. Từ 1806 đến 1900, riêng tỉnh Hưng-yên có đến 26 lần vỡ đê[2]. Từ 1900, ở Bắc-kỳ đê vỡ luôn. Những năm sau đây đều có lụt: 1902, 1903, 1904, 1905,

---

(1) Theo các nhà sử học cận đại, cái đê đầu tiên ở Bắc-kỳ là đê Cơ-xá đắp năm 1109 dưới đời nhà Lý.

(2) Tạp chí Đông-dương (Revue indochinoise) 1904.

Được quét bằng CamScanner

1909, 1911, 1913, 1915, 1917, 1918, 1924, 1926. Hại nhất là lụt năm 1915, nước tràn vào 365.000 mẫu tây, tức một phần tư hạ lưu xứ Bắc-kỳ, thiệt hại tới 5.500.000đ00(1).

Lụt năm 1926 ở Bắc-kỳ cũng rất tai hại. Nước sông Hồng-hà lên tới 11m93. Nhiều chỗ đê bị nước tràn qua; 145.000 mẫu tây bị ngập, thiệt hại tới 15.000.000đ00.

Năm 1935 ở Bắc-kỳ lại lụt.

Năm 1937 cũng ở Bắc-kỳ và cả Nam-kỳ lại lụt nữa. Sự thiệt hại so với các lần lụt trước còn hơn nhiều.

Vấn đề lụt lội ở Đông-dương đã đến ngày phải giải quyết, không thể trì hoãn được. Hiện nay người ta chỉ có một phương pháp là đắp cao đê. Theo các nhà chuyên môn, đắp đê cho kiên cố là một biện pháp hợp lý nhất có thể thủ tiêu nạn lụt. Nhưng khốn thay Sở lục lộ có trách nhiệm mà thật ra không làm tròn trách nhiệm của mình. Động xảy ra lụt lội thì chỉ chết quan nha và kỳ lý địa phương đứng đầu chịu báng: không bị giáng chức, huyền chức cũng về hưu.

Còn các kỹ sư Sở lục lộ, ăn lương của công quỹ Đông-dương cứ bằng chân như vại. Vỡ đê là tại các nhà chuyên trách địa phương «bất cẩn»; tại mối, kiến, chuột cống, rễ cây làm hư hỏng đê; còn Sở lục lộ cho thầu khoán đắp xong là phủi tay hết trách nhiệm.

Sau khi nước đã xuống, lại bắt phu các làng lân cận nai lưng ra đắp. Nhiều khi mang cơm nhà đi ăn mà đắp, có chăng nữa cũng chỉ được dăm ba xu một ngày, gọi là có chút công(2). Thật ra đê điều là công trình của

---

(1) Nông dân ở đồng bằng Bắc-bộ (Les paysans du delta tonkinois) — của Gu-ru (Gourou).

(2) Chính phủ Bắc-kỳ có để ra một số tiền quyên được, phát cho dân phu đắp lại những khúc đê hư hỏng (1937—1938).

Được quét bằng CamScanner

nhân dân. Dân đắp đê, giữ đê và sửa đê. Sở lục lộ đối với vấn đề trị thủy rất lờ mờ và sao nhãng.

Mỗi lần lụt lội sự thiệt hại tính ra đến hàng chục triệu đồng; tiền cứu tế nạn dân cũng đến mấy chục vạn. (Riêng tiền lạc quyên, chợ phiên, diễn kịch, thể thao, giúp dân bị lụt ở Bắc-kỳ năm 1937 cũng đến gần 20 vạn). Đồng ruộng sạch không, mùa màng mất hết, nạn dân không đóng được thuế hoặc chỉ đóng được một phần. Công quỹ do đó cũng bị thiệt thòi, hao hụt. Thế cũng chưa hết. Thường thường mỗi lần lụt lội lại kèm thêm một lần dịch tả. Dân đói ăn bậy rồi đi tả. Sở Y tế lại tốn thêm hàng chục vạn bạc thuốc tiêm[1]. Tai hại như thế mà không tìm phương giải quyết vấn đề lụt lội, thật nguy hiểm hết sức!

Song hiện nay đê điều ở Đông-dương còn nhiều chỗ thấp hẹp. Những chỗ xung yếu cũng chưa củng cố được hoàn toàn. Sở lục lộ chưa có trách nhiệm rõ rệt về đê điều. Chế độ cho bỏ thầu khiến cho đê điều đắp rất dối trá. Có nhiều khi nhà thầu khoán muốn đắp nhanh và đỡ tốn, độn tre pheo, rơm rạ, củi gỗ xuống dưới, đổ đất lên trên, nện mặt cho thật nhẵn. Sở lục lộ đi khám qua loa, không xét rõ thủ đoạn man trá của chủ thầu mà bắt đắp lại, hoặc có biết nhưng vì đã trót ăn lễ của chủ thầu nên há miệng mắc quai. Đến mùa nước quãng đê đắp dối kia vỡ bung ra; chỉ chết dân quê thôi![2]

---

(1) Năm 1938, xứ Bắc-kỳ tiêu tới 30 vạn bạc về việc trừ bệnh tả.

(2) Năm xưa một viên tri huyện, lúc đó tại chức ở Giao-thủy, ăn tiền, cho nhét củi «xú vẹt» vào đê. Quan trên biết việc về khám quả tang. Viên tri huyện kia bị đổi đi thượng du, rồi không bao lâu lại vận động về dưới xuôi, thăng tri phủ.

Được quét bằng CamScanner

Đê đã xấu, đắp lại dối và những kẻ đá hết sức sơ sài.. Sở lục lộ thiếu một chương trình hợp lý về vấn đề trị thủy. Chính sách trị thủy của chính phủ là một chính sách ngại phiền.

Nước sông Hồng-hà lắm chất bồi đến nỗi lòng sộng có chỗ cao hơn ruộng (ví dụ khúc sông ở cửa Tuần-vường). Sở lục lộ không đủ tàu cuốc để cuốc đất phù sa cho nhiều. Có nhiều chỗ có thể đào thêm sông nhánh, sông song loan (canaux latéraux) để cho nước có chỗ thoát nhanh, lại không chịu đào. Vin vào thất bại của sông Cửu-yên [1], Sở lục lộ thường hay lùi bước trước sự khó khăn, không chịu tiến lên nữa. Ở Pháp người ta xây đê bằng gạch rất dày. Ở Hà-lan người ta đắp đê xi-măng cốt sắt chắn nước biển. Còn bên mình đắp đê bằng đất cũng không ra hồn, cứ nay vỡ mai sạt !

Không chịu gắng sức dùng các phương pháp khoa học để trị thủy ; cứ làm cho qua chuyện. Rồi mỗi khi xẩy ra lụt lội, đổ lỗi cho nhân dân và chức dịch bất cẩn. Hoặc bổ choàng dậy vào quyên. Người ta phải hỏi sao chính phủ không dùng phương pháp trị thủy tích cực mà chỉ loay hoay với các phương pháp tiêu cực ? Tiền phí tổn về cứu tế nạn dân, tu bổ đê điều không phải ít. Công sức làm những việc đó cũng không phải vừa. Sao không gắng lên chút nữa mà xây đắp lại toàn thể đê điều theo một kế hoạch rõ ràng và dứt khoát? Sao không đề phòng nước lụt bằng những phương pháp triệt để như khơi sông, đào sông theo nguyên tắc lợi thủy, đắp đập, làm những túi chứa nước và xây lại đê, mà chỉ đợi chỗ nào sạt hay vỡ bung ra rồi mới bổ nhào đến ?

---

(1) Sông Cửu-yên từ Nghi-xuyên (Khoái-châu, Hưng-yên) đến Sĩ quý (Phủ-cừ, Hưng-yên). Bắt đầu đào từ năm 1834 đến năm 1841 thì bỏ, vì đê mới đắp yếu quá, vỡ luôn.

Được quét bằng CamScanner

Xưa nay đời sống của dân cày gặp nhiều tai nạn, mà những tai nạn tự nhiên ghê gớm vào bậc nhất có lẽ là lụt lội. Nếu không giải quyết vấn đề lụt lội thì chưa giải quyết được một phần khá quan trọng của vấn đề dân cày.

HỐI LỘ: MỘT TAI NẠN XÃ HỘI RẤT GHÊ TỞM

Dân Đông-dương nghèo vì nỗi cho vay nợ lãi, khánh kiệt về nạn hối lộ của quan trường.

Ở Việt-nam «ăn của đút» đã thành cái tật.

Khi quan mới về nhận chức, người ta xúm nhau lại biện lễ mừng. Ai sơ suất không «làm tròn phận sự» sẽ bị «trù» và khi nào xảy ra việc gì sẽ phải trả nợ sự sơ suất kia bằng một giá rất đắt. Muốn có tiền lễ quan ngày giỗ ngày Tết, bọn kỳ lý phải bóp họng dân. Mỗi năm vào vụ thuế, các quan từ Tri phủ, Tri huyện đến Tổng đốc, Tuần phủ, ai nấy đều có «bổng». Bọn kỳ hào phù thu lạm bổ phải dành một phần tạ quan mỗi khi đem cho quan duyệt y sổ bổ hoặc đăng trình [1].

Nhiều quan Phủ, Huyện không chấp đơn nếu lá đơn không kèm theo một vài đồng bạc. Dân ăn khao, vào đám, mổ trâu; mổ bò phải xin phép quan và muốn được phép phải biện lễ. Những vụ kiện cáo chia gia tài, tranh chiếm ruộng đất và nhiều vụ kiện khác rất nhỏ nhen, tỉ mỉ, đều là những dịp khiến cho quan nha nạt dân lấy tiền.

Một người dân đâm đơn kiện phải chè lá cho chánh phó lý; lên Huyện phải đút tiền cho nha, lệ, cho các cậu nho, một hạng thư ký riêng của các thày thừa; vào

---

(1) Đem thuế lên nộp ở Tỉnh.

Được quét bằng CamScanner

hầu quan lại phải biện lễ cho quan, đút lót người nhà trong, quan bà, cai cơ, cậu lệ. Việc lên đến Tỉnh phải vào «hầu» cụ Thượng, cụ Ấn, và chè lá cho quan tham, thày ký ở các sở, các tòa. Việc xong, nếu được kiện lại phải lần lượt «hậu tạ» từ trên đến dưới. Được kiện đã đành là khánh kiệt gia tài, mà thua kiện thì chắc chắn là sạt nghiệp và có khi phải ngồi tù nữa là khác. Bên nguyên, bên bị chỉ làm béo cho quan nha.

Song món béo bở nhất của quan trường là những việc bầu bán, công danh.

Nhà nào có máu mặt ra ứng cử hương lý, mua tậu chức dịch trong làng, phải đút hàng nghìn vào miệng các quan «phụ mẫu».

Tết quan, giỗ nhà quan, cậu ấm lấy vợ hoặc quan cưới nàng hầu, mỗi thứ là một thứ tiền. Cuối năm quan đi soát điếm canh: tiền. Gần tết cậu lệ về nhờ các cụ, các ông trong làng «vài đồng tranh pháo»: cũng tiền. Dân quê thật là con bò vắt sữa của tụi tham quan, ô lại. Chúng dùng lời đường mật mà thỉ giỗ, hoặc roi vọt, gông cùm dọa nạt, làm cho phải vọt tiền ra mới nghe.

Những thủ đoạn ăn tiền của tụi mọt dân rất khéo léo và quỷ quyệt. Ngày xưa hạng quan nhà nho sinh hoạt còn tương đối giản dị; họ chịu ảnh hưởng của đạo Khổng nhiều và còn biết kiêng dè dư luận một phần nào. Có người học nho mà ra làm quan cũng tham ô vô độ. Nhưng phần nhiều ngày xưa quan trường không đến nỗi thối nát quá như bây giờ. Ngày nay, tụi quan trường tân học đua nhau sinh hoạt theo lối Âu, thi nhau làm tiền; anh nào có thủ đoạn quỷ quyệt của anh nấy Ở Bắc-kỳ có một bọn quan muốn tránh tiếng ăn của đút bèn nghĩ ra cách nhận lễ gián tiếp. Họ cho cai cơ đứng ra giả vờ bán chè rượu cho dân ngay trong

Được quét bằng CamScanner

dinh. Người dân nào muốn đầu đơn phải mua chè rượu của bọn này. Mua ngay trong dinh rồi bưng lên quan. Làm như thế công chúng đỡ nhòm ngó. Số tiền mua chè rượu kia, tụi cai cơ không được bỏ túi; họ phải nộp lại cho quan và số chè rượu dân biếu quan trở lại tụi cai cơ và nằm dưới trại, đợi một người dân khác đến sẽ diễn lại tấn tuồng hối lộ giấu mặt của «quan phụ mẫu».

Chè rượu kia là chè rượu chỉ có vỏ. Dân cũng quen thủ đoạn ấy, cứ bảo nhau làm trò quỷ thuật: biến tiền ra chè rượu vỏ, biến chè rượu vỏ ra tiền.

Có ông quan Tỉnh cho bao thầu hối lộ. Muốn tránh tiếng tham ô, ông này cho một ông quan Phủ, Huyện nào đó bao những việc công danh. Mỗi khi ai ra làm lý trưởng, chánh tổng, cứ đưa tiền cho quan Huyện rồi quan Huyện đưa lên Tỉnh nộp quan trên sau khi đã giữ lại một phần cho mình; như thế là quan Tỉnh và quan Huyện chia nhau ăn của đứt. Muốn che mắt bàng quan, họ cũng có tổ chức.

Với những ông quan tân học, hối lộ đã thành một cái thuật của nhà nghề.

Nhưng có nhiều ông quan ăn tiền rất đê mạt, họ công nhiên nạt dân lấy của và họ thật là một tên ăn cướp ban ngày. Tháng chạp năm 1936, một viên Tri phủ ở Thái-bình, bắt viên cựu thư ký Tống-văn-Hiển làng Thượng-phú phải ra ứng cử lý trưởng để có dịp ăn tiền, vì thấy tên này cũng có máu mặt. Hiển không chịu, quan liền hạ lệnh tống giam dưới trại ba ngày, không cho ăn.

Tháng 10 năm 1936, viên chủ quận An-can vì can 29 vụ hối lộ mà bị huyền chức. Trong 29 vụ đó có nhiều việc rất nhơ bẩn. Ví dụ:

«— Tên Phòng hiếp dâm thị Ngoa 12 tuổi rồi sợ ở tù, nhờ tên Chánh đem lo ông quận 50 đồng;

Được quét bằng CamScanner

« — Ông quận đòi lột chức xã Từ-công-Trọng rồi ăn 50 đồng;

« — Hai tên Giác và Nhâm vì tranh đất giết chết tên Đước, rồi anh rể là Hương lo quan 50 đồng, v.v...» (1).

Ngày 30-9-1936, Nguyễn-văn-Đàm, Tri phủ Tĩnh-gia (Thanh-hóa) bị « tại ngoại hậu cứu » vì đã sai viên lại mục thay tờ bẩm để ăn tiền của dân (2). Tri phủ Đàm còn can tội « bắt dân biện lễ mỗi khi đến lĩnh trích lục, đến nộp thuế, và gá bạc cho tổng lý đánh đề ăn hồ (3).

Đó, là những thành tích quý hóa của các « quan phụ mẫu » !

Đôi khi chính phủ cũng có trừng phạt, nhưng chỉ trừng phạt những vụ quá trơ tráo đã gây dư luận rất xấu trong nhân dân, muốn bịt đi cũng không được.

Cuối năm 1936, viên Tri huyện Đặng-trần-Cung bị gọi về tòa nhì phủ Thống sứ để chờ ra trước Hội đồng kỷ luật.

Viên Tri phủ Phó-bá-Thuận bị huyền chức một năm bởi nghị định ngày 16-4-1935.

Viên Tri huyện Lê-sỹ-Vỹ cũng bị như thế bởi nghị định ngày 24-8-1935. Viên Tri huyện Nguyễn-quang-Thân cũng bị huyền chức.

Một điều đáng chú ý là phần nhiều những viên quan đã làm nhơ bẩn quan trường lại được trở lại làm việc. Ví dụ: Phó-bá-Thuận, Lê-sỹ-Vỹ, Nguyễn-quang-Thân, Nguyễn-huy-Cau, v.v... Một quan Phủ bị phát giác về việc bắt ép người ta phải « tình nguyện » ra làm lý trưởng, chỉ phải đổi đi nơi khác. Nhiều quan lại bị kiện về chuyện ăn hối lộ, có nhiều tiền lễ các « quý quan » cũng xong việc như thường.

---

(1) Báo Đông-Pháp ngày 4-10-1936.
(2) (3) Xem báo Trung-Bắc ngày 30-9-1936.

Được quét bằng CamScanner

Sự trừng phạt không đến nơi đến chốn của chính phủ không đủ làm cho bọn mọt dân sợ sệt.

Người ta bàn đến việc chấn chỉnh quan trường đã nhiều, nhưng không mấy khi chịu xét đến nguyên nhân nạn hối lộ, một cái ung nhọt trong quan trường. Thật thế, quan trường ăn hối lộ là một hiện tượng cũng như hết thảy các hiện tượng khác, đều có nguyên nhân, Một ông quan khéo làm tiền, chịu luồn lọt thì chóng được thăng trật. Trái lại, ông nào thanh liêm trong thời buổi này sẽ gặp nhiều nỗi khó khăn. Sống trong đám quan trường lên xe, xuống ngựa, nhảy đầm, ăn tiệc, mà một mình sinh hoạt giản dị, vợ con không được « tân thời », bạn đồng nghiệp sẽ cho là hủ lậu và tẩy chay, không chơi với. Trong một Tỉnh, các quan Phủ, Huyện đều chung tiền giỗ bố quan Tuần, riêng mình không, tất không khỏi mua oán vào thân. Mỗi lần lên tỉnh hội thương, cụ Tuần bảo ngồi « hầu » tổ tôm, mạt chược không có bạc trăm để thù tiếp cũng không xong. Trăm món tiêu xài phung phí... Hoàn cảnh ấy thúc giục các quan ăn hối lộ.

Trong quan trường ngày nay, từ trên đến dưới người ta đều cho hối lộ là chuyện tất nhiên. Cho nên người ta che chở lẫn cho nhau. Tổ chức nhau trong ngạch cai trị mà ăn cho khỏi lộ. Không may vỡ chuyện thì vội vàng đút lót quan trên, tìm hết cách bưng bít đi. Ông quan nào cũng nghĩ ra trăm nghìn thủ đoạn ăn tiền. Ai thạo ngón xoay xu lại lấy làm vinh hạnh !

Dân quê ít học, không biết luật pháp là gì. Động có việc là đi kiện nhau, bị quan tham, lại nhũng, thày cò, thày kiện phỉnh phờ, dọa nạt. Ruộng, vườn, nhà, cửa dần dần rơi vào túi tham không đáy của chúng.

Tóm lại, hoàn cảnh quan trường cám giỗ quan ăn hối lộ mà trình độ giác ngộ của dân còn thấp. Nếu

Được quét bằng CamScanner

không cải thiện đời sống cho dân, nâng cao trình độ của dân và nếu không trừng trị thẳng cánh bọn ăn hối lộ, thì nạn hối lộ nhơ bẩn khó bề tránh khỏi, và còn lâu nữa nó vẫn là cái ung chảy mủ trong ngạch cai trị ở xứ này.

CHẾ ĐỘ CAI TRỊ MỤC NÁT TRONG NÔNG THÔN

Ở nước ta, mỗi làng có một tổ chức cai trị riêng [1]. Làng Bắc-kỳ có ban hội đồng làng hay hương hội; làng Nam-kỳ có ban hội tề. Những ban này, phần nhiều bị địa chủ, phú nông chiếm giữ. Tuy có nghị định ấn định sự bầu cử nhưng người ta không cần; ai giàu có

---

(1) Ở Nam-kỳ, ban hội tề có:
— Hương cả,
— Hương chủ (như tiên chỉ ở Bắc-kỳ),
— Hương trưởng,
— Hương chính, giữ việc xử kiện trong làng,
— Hương giáo, dạy học,
— Hương bộ, giữ sổ sách,
— Hương quản, giữ việc canh phòng (có lương),
— Hương chánh, giữ sổ sinh tử giá thú,
— Hương thân, thu thuế với xã trưởng (có lương),
— Hương hào — —
— Xã trưởng, cũng như lý trưởng (có lương),
— Ban hội tề mỗi khi khuyết một chân thì họp kỳ hào cử người thay. Dân không được dự việc cử.

Ở Bắc-kỳ ban hương hội gồm có:
— Chánh hương hội, có khi cũng là tiên chỉ,
— Phó hương hội,
— Lý trưởng, thu thuế, xử kiện trong làng,
— Phó lý, giữ việc tuần phòng,
— Thủ quỹ, giữ quỹ cho xã,
— Thư ký, giữ việc giấy tờ,
— Chưởng bạ, giữ sổ đinh, điền,
Dưới ban hương hội còn có ban tộc biểu, nhiệm vụ chỉ là giúp lý trưởng trong việc thu thuế, bắt phu.

Được quét bằng CamScanner

trong làng cứ việc vung tiền ra chạy chọt, đút lót ; đến khi chức trách trong tay thì tha hồ bóc lột đàn em, xả xẻo của công để bù đắp lại số tiền khao lễ lúc ra ứng cử. Chức chánh tổng, lý trưởng trong nông thôn rất béo bở, cho nên thường khi ta thấy tranh nhau ứng cử, bán cả gia tài. Bán gia tài mà không thiệt. Đó chẳng qua chỉ là một cách « thả vỏ quýt, ăn mắm ngấu ». Chỉ vài vụ thuế cũng đủ hòa vốn. Vả lại ra đình được ăn, được nói, được chiếm ruộng công, được đầu gà, má lợn[1] và sau hết khỏi phải mang tiếng là « bạch đinh ».

Từ năm 1925 trở về trước, ở Bắc-kỳ chưa « cải lương hương ước », trong làng chỉ có chánh phó lý đẽo khoét dân đen. Từ ngày « cải lương », người ta đặt ra Hội đồng làng, lại thêm cho dân một tụi bóc lột. Hội đồng làng có những người chuyên môn, phân công nhau mà cai trị; nếu có những người có năng lực và ngay thẳng trong nông dân lao động ra làm việc thì các tổ chức ấy cũng không đến nỗi vô ích. Nhưng trong điều kiện hiện

---

Ở Trung-kỳ, hội đồng làng có những « bô » như sau :

— Lý trưởng,
— Phó lý,
— Hương bản,
— Hương kiểm,
— Hương mục,
— Hương dịch,
— Hương bộ,
— Hương thơ (người đưa giấy ở nhà quê, giúp việc « phắc-tơ »),
— Hương yên (cũng như chưởng bạ ở Bắc-kỳ).

(1) Ta hãy xem cách chia phần của làng Vỵ-sỹ (Thái-bình) thì đủ biết quyền lợi của kỳ hào ở chỗ xôi thịt như thế nào. Khi có việc tế lễ trong làng, người ta làm như sau :

— sỏ lợn biếu tiên chỉ,
— khoanh cổ biếu kỳ mục,
— bụng biếu cựu hương chức,
— chân giò biếu tộc biểu, v.v...

Được quét bằng CamScanner

nay, hội đồng ấy chỉ là cơ quan phiền phức khiến cho bọn địa chủ lợi dụng để áp bức bóc lột dân cày, lợi chưa thấy đâu, chỉ thấy hại. Ai có xem hội đồng làng làm việc mới thấy rõ sự «bí bét» của nó. Cãi cọ nhau như mổ bò. Chẳng đoán định được gì ra trò hết. Biên bản, giấy tờ phần nhiều là giả dối che mắt quan trên. Nhiều nơi ban này cả năm chẳng bao giờ họp. Bao nhiêu quyền hành đều do lý trưởng hoặc một mình chánh hội nắm hết (như làng An-phú, Thái-ninh, Thái-bình). Quan trên có sức về khai sổ chi thu thì chánh hội bịa đặt các khoản điền vào tờ khai kiểu mẫu, làm cho xong chuyện. Có làng chánh phó hội chết cả mà công việc làng vẫn «chạy» như thường. Có lẽ chính phủ biết thế, cho nên cũng không thấy sức bầu lại. Xem như làng Thượng-phú (Thái-ninh, Thái-bình) không có hương hội đã năm năm nay thì đủ rõ.

Bọn hương hội, kỳ mục không phải chỉ chuyên việc trị an trong hương thôn. Họ còn phải thu thuế, canh đê, trông nom việc tế lễ thần thánh..., mỗi việc là một cớ cho họ đục khoét dân, và đến vụ thuế họ phù thu lạm bổ, làm tiền mạnh.

Mượn cớ thế thần, họ thường hay chiếm ruộng công của dân. Làng Hiến-nạp (Duyên-hà, Thái-bình), có 38 mẫu công điền; bọn cường hào chỉ cấp cho dân mỗi người 5 thước, hết tất cả 12 mẫu. Trong số 26 mẫu còn lại, họ đem cố 10 mẫu trong 8 năm lấy 500đ bỏ túi. Làng Đại-hữu (Tiền-hải, Thái-bình) có hơn 70 mẫu công điền; hương hội tự tiện đem bán đấu giá lấy tiền ăn uống, không làm được việc gì lợi cho dân lại còn cả gan trích thẳng ra 13 mẫu, 2 sào, 2 miếng để dùng vào việc kỷ niệm sinh nhật người nhà viên chánh hội.

Làng Hành-nghĩa (Vũ-tiên, Thái-bình) bọn kỳ hào và con cháu của chúng chiếm đoạt của công, ức hiếp dân

Được quét bằng CamScanner

đen, làm nhiều điều vô lý. Trong dân có người can đảm đứng lên phản đối. Chúng liền bỏ rượu vào ruộng đi báo Đoan, hoặc bày ra trộm cướp rồi bảo đầy tớ chiêu xưng làm cho phải tù phải tội. Năm 1932, bọn anh Tu vô tội đã bị tù vì cái chính sách « nhổ gai trước mắt » của bọn cường hào này.

Bà già Trần-thị-Ruyên làng Cổ-tiết (Đông-quan, Thái-bình) bị người nhà phó tổng Long đánh một trận nhừ tử, chỉ vì trên ruộng tư của bà có một bình rượu mà bà chắc chắn rằng bọn cường hào lập kế phao vu để trả thù bà [1].

Đêm hôm mồng 10-11-1936, theo lời người báo có « đám hội họp » ở làng Trà-xuyên, ông Huyện Võ-giàng (Bắc-ninh) cho chánh tổng Châm-kê, chánh phó hội và lý trưởng Trà-xuyên đến nhà anh Nguyễn-văn-Hữu khám xét. Đến nơi thì thấy mấy người trong họ đang mổ lợn cúng giỗ. Bọn kỳ hào lập biên bản rồi đòi giải cả người cùng thịt thà, lễ vật lên quan. Mãi đến 10 giờ sáng hôm sau, chủ nhà giục chúng giải đi cho xong chuyện, chúng cứ dùng dằng đòi ăn lễ. Đến 11 giờ ông Huyện sốt ruột thân hành về tận nơi xem. Tụi kỳ hào khai là sự chủ kháng cự không cho họ « thừa hành chức vụ » ; nhưng ông Huyện chỉ thấy mấy thúng thịt thiu phơi ngoài nắng, còn ngoài ra không có chuyện gì hết. Thì ra bọn kỳ lý lợi dụng trát quan những nhiễu dân quê [2].

Tháng ba năm nay (1938), anh Phạm-Muộn ở làng Nhuận-ốc, tổng Bồng-hải (Yên-khánh, Ninh-bình), bị

---

(1) Coi Việt-báo ra ngày 22-10-1936.
(2) Theo các báo hàng ngày ở Hà-nội tháng 10 năm 1936.

Được quét bằng CamScanner

ngờ là làm thơ mạt sát chính sách hà khắc của quan trên và chánh tổng. Chúng «trù mặt», chờ dịp trả thù. Tháng 5 năm 1937 xảy ra một đám cướp ở làng; nhà khổ chủ chính là chân tay của chánh tổng. Việc xảy ra, tên chánh tổng cho bắt giam cả 4 anh em Phạm-Muộn tra khảo rất dã man. Hắn còn bắt em Phạm-Muộn ký giấy nhận rằng sáu giờ tối có sang nhà khổ chủ để có cớ mà buộc tội. Còn Phạm-Muộn, anh bị chánh tổng bắt quỳ vào hai cái trôn bát có muối và đá giăm, rồi bị nhốt vào buồng, buộc hai ngón chân cái treo lên xà nhà và bị đánh sưng tim mình mẩy. Máu chảy ra, quân cường hào bắt liếm đi.

Đó là những việc rất thảm thương, khốn nạn trong nông thôn đủ chứng tỏ rằng bọn cường hào là cái nạn của dân cày.

Không phải chúng tôi chỉ căn cứ vào dăm ba việc mà kết tội chung các chức dịch. Trái lại, chúng tôi nhận rằng: mấy năm nay cũng có người hiểu biết ra nhận việc làng, cố gắng cải cách trong hương thôn, ví dụ: chánh hội Khương-thượng (Hoàn-long, Hà-đông), ky lý làng Thượng-phú (Thái-ninh, Thái-bình), v.v... Nhưng nhìn chung ta phải nhận rằng những người tiến bộ ra làm việc làng rất ít. Còn phần nhiều một bọn cường hào, lý toét tham lam, ích kỷ, tàn ngược, nhỏ nhen, chỉ khỏe bí bét nơi đình chung, nạt dân cho nhiều, xôi thịt đánh cho đẫy!

Chúng tôi quả quyết rằng: bộ máy cai trị ở nông thôn đã mục nát; phải tẩy uế đi, phải mở rộng chế độ ứng cử và bầu cử trong làng để những người lao động, tiến bộ được dự việc làng, việc xã.

Được quét bằng CamScanner

CÁCH ĂN Ở VÀ VỆ SINH TRONG THÔN QUÊ.

Trong thôn quê nhiều nhà gianh, rất ít nhà gạch. Song dù gianh hay gạch thì phần nhiều kiến trúc cũng gần giống như nhau.

Ở Bắc-kỳ có tục làm nhà quay về hướng Nam để hóng gió mùa bức, và hầu hết chỉ mở cửa một mặt, để tránh gió Bắc thổi thốc vào phía sau. Đằng trước có mấy bức dại. Hai đầu có hai cái cửa đi ra xối nhà. Nền nhà phần nhiều bằng đất nện. Trong nhà rất tối tăm, ẩm thấp, không thoáng hơi chút nào. Nhất là hai cái buồng ngủ thì hết sức tối. Ngoài cái cửa ra vào thường không có cửa sổ.

Cứ lấy nhà trung bình hoặc nhà hơi giàu một chút ở Bắc-kỳ mà xét, ta thấy một gia đình có một cái nhà chính gọi là nhà trên dùng để ở, một cái nhà phụ gọi là nhà dưới để chứa thóc, làm gạo, dệt cửi. Nhà dưới châu đầu vào xối nhà trên. Một đầu nhà dưới là cái bếp, còn một đầu kia — có khi sát liền với nhà dưới, có khi cách xa mấy bước — là cái chuồng lợn và cạnh đó một cái hố xí (có khi lại không có hố xí nữa). Trước nhà có một cái sân. Qua sân là vườn rau hoặc vườn hoa. Rồi bên ngoài vườn là cái ao nước lờ lờ xanh, trên thả bèo để nuôi lợn, thả rau muống để người ăn. Một đầu ao có một cái cầu ao để xóc gạo, rửa bát, giặt quần áo; còn một đầu kia, về phía chuồng lợn có một cái cầu khác dùng để rửa đít.

Những nhà nghèo cố nhiên không được như thế. Một số cố nông, thợ cày không có nhà phải đi ở nhờ, làm canh điền, cày thuê, hầu hạ người ta. Còn một số, phần nhiều bần nông, ở những túp lều mục nát, xiêu vẹo tối như hang chuột, bếp thổi ngay cạnh chỗ nằm. Trước

Được quét bằng CamScanner

nhà một mảnh sân nhỏ xíu, lát vỏ sò cho đỡ lội hoặc không lát gì hết; thành ra sau một trận mưa, gặp nắng to, sân nứt nẻ bong lên từng tảng hình như róc vẩy. Bẩn nhất là nhà người Mường, nhà người Thổ. Họ làm nhà sàn, cách mặt đất chừng hai thước tây; người ở trên, trâu bò ở dưới, mùi hôi thối xông lên mũi.

Nhà trong Nam-kỳ nhiều khi tường làm bằng ván ghép. Nhà nghèo vách bằng phên giát cỏ gianh. Các làng trong Nam thưa nhà hơn ngoài Bắc; dân quê ăn ở tương đối vệ sinh hơn.

Ngoài Bắc, chung quanh nhà phần nhiều là dậu tre vây kín chỉ để hở một cái cổng ra vào. Trong một làng vùng đồng bằng Bắc-kỳ, tính trung bình mỗi nhà chiếm hai sào rưỡi đất. Nghìn nhà đã chiếm 250 mẫu ta. Cách ở riêng rẽ trong thôn quê chiếm mất nhiều đất. Nếu bỏ những thổ cư của riêng từng nhà và sắp đặt lại chỗ ở như phố thì có thể dôi ra rất nhiều đất để cày cấy.

Ở Bắc-kỳ có nhiều nhà địa chủ chiếm một cái thổ rộng hàng hai ba mẫu tới mười mẫu. Họ ở một cách «ông quận», làm cho bao nhiêu đất không thể sản xuất được. Trái lại, có nhiều làng bần nông, cố nông chen chúc trên mảnh đất chật chội, tưởng chừng như đến ngạt thở.

Đường sá trong làng phần nhiều là chật hẹp, lầm lội. Cống rãnh không thông. Người dân quê đổ rác bừa bãi. Trẻ con ra đường phóng uế là thường. Trâu bò đi lại rất bẩn thỉu. Sau một phiên chợ thì rác vứt tứ tung, người ta không chịu thu quét. Vệ sinh trong làng không có ai chăm sóc. Bọn hào lý không để ý đến. Cống rãnh nhà nào bẩn cũng kệ, không có ai thúc giục thu dọn cho sạch sẽ. Ruồi muỗi rất nhiều.

Được quét bằng CamScanner

Cho nên động có dịch tả là chết lăn ra như rạ. Những vi trùng truyền nhiễm cứ nhân điều kiện sinh hoạt khốn quẫn, ăn ở mất vệ sinh mà lan tràn ra rất nhanh.

Không cần phải nói đến bệnh dịch, hãy nói ngay mấy thứ bệnh kinh niên phổ thông nhất của dân cày. Sự ẩm thấp, lầm lội, chỗ ở tối tăm, bẩn thỉu, rơm thóc bụi bặm làm cho một phần đông dân cày bị bệnh đau mắt hột; một số bị toét mắt. Ở Đông-dương tỷ lệ người mù trong toàn thể nhân dân đông hơn các nước nhiều.

Một thứ bệnh nữa cũng khá thịnh hành là bệnh hủi. Tuy ở Đông-dương có những trại hủi, nhưng số người có bệnh đút tiền cho kỳ lý, lẩn lút trong làng cũng khá nhiều. Vả lại số trại hủi còn ít quá. Có nhiều người thật hủi nhưng chưa đến nỗi lở loét quá, người ta cho phép ở nhà, giữa đám dân lành lặn, chỉ vì một lẽ trại hủi không đủ chỗ chứa.

Ăn nước ao tù, dân quê hay bị bệnh dun sán, đau bụng kinh niên. Trẻ con nhiều đứa bụng ỏng đầy run. Nhiều làng dân quê không ăn nước ao, đã có nước giếng. Nhiều cái giếng nước vàng như gạch cua. Đôi khi có con chuột, con chó chết nổi lềnh bềnh, người ta cũng cứ gánh nước về uống. Nếu không sẽ phải đi gánh từ xa. Đó là một việc phiền phức, mất thì giờ, dân quê không muốn.

Ăn ở bẩn, khí hậu ẩm thấp, có năm dịch thương hàn, dịch tê liệt, dịch cúm, dịch đậu mùa...

Đã thế mà số nhà phát thuốc ở thôn quê lại ít. Mấy năm nay chính phủ cũng đã mở thêm những phòng phát thuốc ở các Phủ, Huyện, nhưng vẫn chưa thấm vào đâu.

Vấn đề y tế và vệ sinh là một trong những vấn đề quan hệ tới vận mệnh của dân tộc.

Được quét bằng CamScanner

PHONG TỤC VÀ GIÁO DỤC

Phong tục của nước ta là một thứ phong tục phong kiến đã đến ngày đời bại. Nền tảng kinh tế phong kiến đã bị chủ nghĩa tư bản làm cho lay chuyển, sinh hoạt của nhân dân đã biến đổi một phần. Những «thuần phong mỹ tục» của đời xưa dần dần đã thành ra giả dối và không hợp thời nữa.

Chúng ta chắc đã nhiều lần lấy làm khó chịu khi thấy các bà ở nước ta lợi dụng cái chết của bà con mà khóc đay, nói móc lẫn nhau. Ở nhà quê là nơi còn nhiều tàn tích phong kiến, một người thanh niên có tư tưởng mới nhìn chỗ nào cũng thấy những điều trái tai gai mắt. Còn vô lý gì bằng tục bắt con cháu phải kiêng tên ông bà, chú, bác. Nhiều khi nghe một cụ nhà nho nói một câu kiêng nhiều tiếng quá phải nói trệch đi, làm cho ta tưởng cụ nói ngọng. Nhỡ ai không biết lấy tên ông tổ nhà mình đặt tên cho con, thì mình cũng lấy tên ông tổ nhà người ta gọi con mình để móc lại. Thật là nhỏ nhen, khốn nạn hết chỗ nói !

Một hôm chúng tôi được biết một việc rất đáng giận mà lại buồn cười nôn ruột. Một bà cô, bố đã chết, còn mẹ già ở với em trai ; thấy em dâu bỏ liều mẹ, chị lập kế làm cho em sợ. Bà ta đến nhà em, vào trước bàn thờ nhảy như con choi choi, lên đồng tự xưng là bố về. Rồi « ông bố vờ » luôn mồm chửi rủa, quát tháo nàng dâu, bảo từ nay không được bỏ liều mẹ. Hơn nữa « bố vờ » lại ôm lấy bà cụ già mà khóc, làm như chồng thương vợ thật. Bà nàng dâu mê tín sợ hết vía, còn khách bàng quan tinh ý ôm bụng mà cười.

Hủ bại nhất là tục xôi thịt. Họ, phe, giáp, làng, chỗ nào cũng xôi thịt được cả. Mỗi ngày giỗ là một dịp tế ruồi rồi chè chén, cãi nhau. Nhiều nhà khổ về giỗ ; làm

Được quét bằng CamScanner

con trưởng, một năm đến hai chục cái giỗ, mỗi cái tốn dăm bảy đồng; không mấy chốc mà kiệt quệ.

Mỗi năm trong phe có người lên lão là con em đã được xôi thịt linh đình. Năm nào làng cũng có tế: tiễn sâu, cầu mát, xuân thu nhị kỳ, đảo vũ, kỳ phúc, thượng tân, v.v .. biết bao cơ hội mổ lợn tế thánh... và tế cả dạ dày nữa! Lúc chia phần « nhằm nhau như nhằm miếng mọc ». Vô phúc không biếu quan viên đủ lệ bộ thì « giám ty » hay « cai đám » bị lôi thôi to. Đuôi lợn, phao câu là những miếng không thể thiếu với ông tiên chỉ. Mỗi khi hội việc làng phải có chén, ý kiến mới dồi dào; ý kiến dồi dào quá đâm ra chửi nhau, đánh nhau, vỡ đầu, xẻ tai cũng nên.

Ma chay ở nhà quê cũng là một dịp ăn uống Bất luận người chết về dịch tả hay bệnh thường, hãy dọn mấy mâm cỗ mời bà con đánh chén đã. Ăn vào không may bị lây truyền, quay ra chết lại đổ tại số.

Làng Đình-bảng (Từ-sơn, Bắc-ninh) có lẽ là làng « xôi thịt » hơn đâu hết. Cứ tính ra làng này trong một năm có đến 80 ngày ăn uống, cưới xin hoặc hội hè.

Nếu cỗ bàn, mời mọc ở nhà quê là một cách trả nợ lẫn nhau thì cưới xin ở nhà quê thường là câu chuyện gả bán. Người nàng dâu về nhà chồng vì thế dễ bị mẹ chồng hành hạ. Nhất là nhà mình nghèo, nhà chồng giàu lại càng chắc chắn bị hắt hủi; có khi bị mẹ chồng ác nghiệt đánh chửi, vùi dập là khác. Người đàn bà nước ta còn chưa có quyền. Luyến ái không chút tự do. Ở nhà quê có khi người ta gả bán cho nhau khi con còn ở trong bụng. Cô gái quê lấy chồng thật là một sự may rủi. Ca dao đã có câu:

« Đàn bà như hạt mưa sa,
« Hạt vào gác tía hạt ra ruộng cày ».

Được quét bằng CamScanner

Lại còn tục lấy lẽ và tục tảo hôn nữa mới tệ làm sao chứ! Những người nhà giàu hoặc khá giả thường lấy vợ lẽ. Có người lấy hai ba vợ. Nhiều khi vợ cả, vợ lẽ ghen nhau, đánh chửi nhau om sòm. Vợ lẽ nhà giàu thường chỉ là những người đi ở không công đó thôi. Thật ra, đây không phải là vấn đề yêu đương, mà chính là vấn đề bóc lột nhân công một cách tàn nhẫn. Ở nông thôn, nhà giàu hiếm con trai hoặc neo người thường hay lấy vợ cho con khi con còn nhỏ tuổi. Vì thế, có cô mười tám, đôi mươi vớ phải anh chồng lên chín, lên mười. Thế rồi vợ chê chồng, bỏ chồng hoặc sống một đời sầu tủi; chồng lớn lên chê vợ, bỏ vợ hoặc lấy vợ lẽ. Những tệ tục ấy chứng tỏ ở xã hội Việt-nam này người ta khinh miệt phụ nữ đến chừng nào! Không phải là một chuyện ngẫu nhiên mà trong văn chương Việt-nam những tác phẩm hay vào bậc nhất lại chính là những tiếng kêu than cho số phận người phụ nữ. Kim-Vân-Kiều, Chinh phụ ngâm, Tần cung oán và gần đây Tố-Tâm, v..v... là gì nếu không phải là những tiếng căm hờn của phụ nữ Việt-nam đối với chế độ phong kiến?

Về *giáo dục*, ở Đông-dương nói chung và ở Việt-nam nói riêng, chính sách ngu dân đã được thi hành một cách có hệ thống. Người ta không muốn cho dân có học vì sợ dân giác ngộ, đấu tranh chống những sự bất công. Số người mù chữ ở Đông-dương chiếm một tỷ lệ kinh khủng: 95% hoặc hơn nữa.

Trường cao đẳng chỉ được mấy trăm sinh viên mà toàn là con em nhà giàu và con quan. Con em công nông có được học lên đến cấp cao bao giờ! Số trường cao đẳng tiểu học rất ít và con nhà lao động cũng ít được bén mảng tới. Trường tiểu học cũng chẳng lấy gì làm phát triển và con nhà nghèo thường không được

Được quét bằng CamScanner

đi học hoặc chỉ được học đến lớp hai, lớp ba là cùng. Còn con nhà cố nông thì thật không làm sao mà đi học được, vì mới mươi mười hai tuổi đã phải đi ở chăn trâu cho nhà giàu rồi.

Dân cày thất học cho nên ít đọc báo, xem sách; quanh năm họ làm ăn quá vất vả, công việc đồng áng lại hoàn toàn phụ thuộc vào sức tự nhiên, do đó họ càng mê tín, dị đoan.

Ở nông thôn, thường xảy ra những chuyện rất thương tâm: dân cày nghèo không cơm ăn phải đi vay của nhà giàu; vì không biết chữ, họ phải mượn người viết văn tự, và có khi chỉ vì trong văn tự viết sai một chữ mà suốt đời họ phải kéo cày trả nợ cho nhà giàu. Trong một lá đơn của dân cày gửi lên quan hoặc gửi cho nhà báo, người đầu đơn thường điểm chỉ thay cho chữ ký và có lá đơn mang hàng trăm lốt điểm chỉ trông đen ngòm như đời sống của dân cày. Tình hình ấy đòi hỏi một cuộc đấu tranh bền bỉ chống nạn mù chữ, chống đời phong bại tục, chống mê tín dị đoan.

THƯ VIỆN TRUNG ƯƠNG HÀ NỘI

HẾT

Được quét bằng CamScanner

VẤN ĐỀ DÂN CÀY

In 10.000 cuốn tại Nhà máy in Tiến Bộ
175, Ng. thái Học – Hà-nội — Khổ 13×19
Xong ngày 26-12-1959 — Số in : 2668
Số x.b. 389 — Gửi lưu chiểu tháng 12-59

Được quét bằng CamScanner

MỤC LỤC

Trang

Cùng bạn đọc. 5
Lời nói đầu 8

Quyển một

Chương I

TẠI SAO PHẢI BÀN ĐẾN VẤN ĐỀ DÂN CÀY ? 11
— Vấn đề dân cày đáng cho ta chú ý . . 11
— Phải giải quyết vấn đề dân cày. 12
— Chính sách hiện thời đối với dân cày không thích hợp nữa 14
— Vấn đề ruộng đất và vấn đề dân cày : trụ cột của vấn đề Đông-dương 16
— Dân cày Đông-dương và Chính phủ Mặt trận bình dân. 17

Chương II

DÂN CÀY LÀ HẠNG NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO ? 21
— Địa vị giai cấp của dân cày. 21
— Vị trí dân cày trên mảnh đất Đông dương . 24
— Khuynh hướng chung của dân cày. . . . 25
— Tính chất dân cày. 27

Chương III

TÌNH CẢNH HIỆN TẠI CỦA DÂN CÀY. . 34
— Cách làm ăn lạc hậu 34
— Chế độ làm công nô lệ ở thôn quê. . . . 37
— Bóc lột địa tô 42
— Cho vay nặng lãi 47
— Sưu cao thuế nặng 56

Quyển hai

Chương IV

THUẾ GIÁN TIẾP 70
— Độc quyền thương chính hay « rê-gi » . . 72
— Nắm độc quyền thương chính 74

Được quét bằng CamScanner

Trang

— Vấn đề ruộng — Độc quyền thực tế đi đôi với độc quyền thương chính 79

Chương V

DÂN CÀY THIẾU RUỘNG 86
— Hiện tượng lập trung ruộng đất và sự lũng đoạn ruộng đất. 86
— Ruộng đất trong tay bọn thực dân . . . 92
— Ruộng đất trong tay bọn địa chủ bản xứ . . 96

Chương VI

TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU VỀ ĐỜI SỐNG CỦA DÂN CÀY 110
— Đê điều và nạn nước lụt. 110
— Hối lộ: một tai nạn xã hội rất ghê tởm . . 115
— Chế độ cai trị mục nát trong nông thôn . 120
— Cách ăn ở và vệ sinh trong thôn quê. . . . 125
— Phong tục và giáo dục 128

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

24, Quang Trung — Hà-nội — Giây nói : 032

ĐÃ XUẤT BẢN :

LÊN ÁN CHỦ NGHĨA THỰC DÂN

NGUYỄN - ÁI - QUỐC

Giá : **1 đ. 25**

★

MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁCH MẠNG VIỆT - NAM

LÊ - DUẨN

Giá : **0 đ. 40**

★

XÔ - VIẾT NGHỆ - TĨNH QUA MỘT SỐ THƠ VĂN

LÊ - TRỌNG - KHÁNH,
LÊ - ANH - TRÀ

Giá : **1 đ. 25**

★

GƯƠNG CHIẾN ĐẤU CỦA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN

Giá : **0 đ. 50**

Giá : **0 đ. 80**

Được quét bằng CamScanner